

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

**QUÁ TRÌNH PHỤC DỰNG DI TÍCH VÀ LỄ HỘI ĐỀN TIÊN
(PHƯỜNG TIÊN CÁT, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ)**

CHUYÊN NGÀNH: VĂN HÓA HỌC
MÃ SỐ: 60.31.06.40

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. ĐÀO THẾ ĐỨC**

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu luận văn Thạc sĩ với đề tài: “**Quá trình phục dựng di tích và lễ hội đền Tiên (Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ)**” là công trình nghiên cứu do tôi thực hiện. Các tư liệu sử dụng trong luận văn đều có nguồn gốc rõ ràng, trung thực, chính xác, sử dụng tư liệu có trích dẫn đầy đủ đúng quy định khoa học.

Tôi xin chịu trách nhiệm với lời cam đoan trên.

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Bích Phượng

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến quý thầy cô giáo, cán bộ của Viện Nghiên cứu Văn hóa, Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Những kiến thức nhận được từ sự giảng dạy tâm huyết của các thầy cô qua từng môn học là hành trang, những phương pháp nghiên cứu khoa học là cơ sở lý luận quan trọng để tôi thực hiện luận văn Thạc sĩ này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến TS. Đào Thế Đức, người đã tận tình góp ý, hướng dẫn khoa học cho học viên thực hiện và hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Tôi xin cảm ơn các vị lãnh đạo phường Tiên Cát, BQL đền Tiên cùng các cụ cao niên sống trên địa bàn phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; cảm ơn các nhà nghiên cứu đã tạo điều kiện thuận lợi, nhiệt tình cung cấp những thông tin, tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu trong suốt thời gian điền dã tại đại bản.

Cuối cùng, tôi xin được cảm ơn những người thân trong gia đình cũng như lãnh đạo cơ quan, đơn vị công tác, các bạn bè, đồng nghiệp đã cổ vũ động viên tôi trong suốt quá trình học tập.

Mặc dù đã cố gắng, nỗ lực để thực hiện đề tài này, tuy nhiên sẽ không thể tránh được những thiếu sót, cũng như chưa đề cập hết được các vấn đề nghiên cứu. Kính mong các thầy cô giáo trong Hội đồng Khoa học và các bạn góp ý để luận văn thêm hoàn chỉnh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2016

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Bích Phượng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VÙNG ĐẤT TIÊN CÁT - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ.....	8
1. Vị trí địa lý và quá trình tách lập địa danh hành chính phường Tiên Cát.	9
2. Đất và người Tiên Cát.....	12
3. Lịch sử văn hóa tín ngưỡng.....	14
4. Đặc điểm dân cư và nghề nghiệp.....	16
Chương 2. PHỤC DỰNG DI TÍCH VÀ LỄ HỘI ĐỀN TIÊN.....	22
2.1. Vị trí cảnh quan di tích đền Tiên.....	22
2.2. Di tích đền Tiên theo lời kể và ghi chép của các nhân chứng lịch sử.....	23
2.3. Quá trình phục dựng đền Tiên.....	28
2.4. Phục dựng lễ hội đền Tiên.....	40
2.5. Đối tượng thờ phụng: truyền thuyết và tư liệu lịch sử.....	51
Chương 3. LUẬN BÀN VỀ VIỆC PHỤC DỰNG DI TÍCH VÀ LỄ HỘI.....	60
3.1. Tác động của kinh tế thị trường tới thực hành tôn giáo.....	60
3.2. Tác động của Đổi mới về chính trị đối với hoạt động tôn giáo.....	64
3.3. Nhu cầu tôn giáo và việc phục dựng di tích và lễ hội.....	68
KẾT LUẬN.....	73
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	76

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
Â.l	Âm lịch
BCH	Ban chấp hành
BQL	Ban quản lý
HĐND	Hội đồng nhân dân
MTTQ	Mặt trận tổ quốc
Nxb	Nhà xuất bản
PGS.TS	Phó giáo sư Tiến sĩ
TS.	Tiến sĩ
Tp.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	Ủy ban nhân dân
VHTT&DL	Văn hóa Thể thao và Du lịch

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ giữa những năm 1990, có một sự thay đổi dễ nhận thấy là từ khi thực hiện sự nghiệp Đổi mới, cùng với việc đảm bảo ổn định về chính trị, phát triển nền kinh tế - xã hội thì các giá trị văn hóa được quan tâm phát triển. Điều này được thực tế chứng minh, khi kinh tế phát triển, con người có nhu cầu hưởng thụ cao hơn, nhất là nhu cầu hưởng thụ về các giá trị văn hóa nên đầu tư cho văn hóa phát triển để phục vụ lại chính nhu cầu thiết yếu của họ; đồng thời là ý thức về sự “hồi cố” các giá trị văn hóa dân gian truyền thống nên các đình, chùa, đền, miếu và các lễ hội cổ truyền đã được phục hồi.

Cùng thời gian này các di tích lịch sử văn hóa và lễ hội ở Việt Trì và các địa phương trong tỉnh Phú Thọ đã được quan tâm đầu tư tu bổ tôn tạo và phục dựng. Tiêu biểu trong đó có di tích Đền Hùng đã được Nhà nước đầu tư tôn tạo chống xuống cấp trong những năm 1994 – 2000. Cũng từ đó một loạt các kiến trúc như đền Hạ, đền Trung, đền Thượng, đền Giếng, Lăng mộ ở Đền Hùng đã được Nhà nước và các tập thể công đức tiền của để tu bổ chống xuống cấp. Từ đó, lễ hội Đền Hùng được khôi phục tổ chức theo nghi thức Nhà nước, có cử đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa (năm 1995, đồng chí Trần Hoàn) về dự và tổ chức lễ hội. Năm 2000, Nhà nước đã tổ chức lễ hội với tầm cỡ quốc gia, người dân về dự lễ hội với tấm lòng hướng về cội nguồn Tổ tiên, tri ân công đức “các vua Hùng đã có công dựng nước” và tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của cha ông ta xưa.

Dựa vào việc Nhà nước phục hồi lại giá trị của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, hàng loạt các làng xã có di tích và lễ hội liên quan đến thời đại Hùng Vương, đặc biệt là các xã vùng ven Đền Hùng đã lần lượt khôi phục lại các lễ hội. Tiêu biểu như: Lễ hội xuống đồng (Hy Cương), Lễ hội làng He (làng Trẹo, thị trấn Hùng Sơn), Lễ hội rước ông Khiu – bà Khiu (Thanh Đình), Lễ

hội Ném chài Vân Luông (Vân Phú - Việt Trì),... ; tu bổ, tôn tạo và phục dựng một số di tích: đình Thanh Đình, đình Tập Lục, Đình Cả (Tiên Kiên)...

Ở Việt Trì, chỉ tính riêng địa bàn phường Tiên Cát, từ năm 1995 đến năm 2000 đã tiến hành tôn tạo, phục dựng lại 02 di tích tín ngưỡng, 01 nhà thờ họ Giáo và đang tiếp tục tôn tạo phục dựng 01 ngôi chùa. Chỉ trong phạm vi địa bàn một phường mà có đến 04 di tích tôn giáo, tín ngưỡng được tôn tạo, phục hồi lại trong thời gian từ sau đổi mới (1995) đến nay. Từ việc tìm hiểu nghiên cứu của chúng tôi về vấn đề phục hồi này tại địa phương, đặt ra một số vấn đề nghiên cứu: Phục hồi kinh tế tác động như thế nào đến tôn giáo? Sự thay đổi về chính trị hay sự cởi mở trong chính sách của Đảng, Nhà nước tác động như thế nào đến thực hành tôn giáo? Nhu cầu của người dân về tôn giáo trong bối cảnh hiện đại? Từ những vấn đề đặt ra đó, tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu về **“Quá trình phục dựng di tích và lễ hội đền Tiên (phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ)”** như một nghiên cứu trường hợp để trả lời cho các vấn đề nghiên cứu nêu trên.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Di tích và lễ hội với vai trò là thành tố của văn hóa, đã được các nhà nghiên cứu chú ý đến từ nửa đầu thế kỷ 20. Tuy nhiên các nghiên cứu lúc này mới chỉ dừng lại ở các thuật ngữ “hội hè”, “hội” như: “Hội Phù Đổng (Một trận đánh thần kỳ trong truyền thuyết Việt Nam)” của Nguyễn Văn Huyền hay Đào Duy Anh trong *Việt Nam văn hóa sử cương* có nhắc đến lễ hội “Hiện nay ít nhiều địa phương vẫn còn những lễ, những hội..”. Tác giả Toan Ánh qua cuốn *Nếp cũ - Hội hè đình đám* cũng vẫn dùng thuật ngữ “hội hè”, theo ông “Trong hội thường có nhiều trò vui gọi là bách hí”, tuy nhiên, hội hè không chỉ có mục đích mua vui mà là để dân làng bày tỏ lòng thành kính với Thành hoàng làng...

Những năm Đổi mới (từ những năm 90 của thế kỷ 20) về sau này, cùng với sự khôi phục các di tích tín ngưỡng, các lễ hội dân gian thì các nghiên cứu về lễ hội được phổ biến hơn và đã trở thành nền tảng cho quá trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu sau này. Trên phương diện lý thuyết, nghiên cứu về lễ hội không còn mang tính “đóng băng” truyền thống mà được phân tích trong sự biến đổi và mối quan hệ với các nhân tố lịch sử, kinh tế, chính trị. Cuốn *Lễ hội cổ truyền* (1992) của Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian (Lê Trung Vũ chủ biên, Phan Đăng Nhật, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Xuân Kính...). Theo các tác giả thì về mặt lịch đại, lễ hội “là một pho lịch sử khổng lồ, ở đó tích tụ vô số những lớp phong tục, tín ngưỡng, văn hóa, nghệ thuật và các sự kiện xã hội – lịch sử quan trọng của đất nước. Hơn thế nữa, lễ hội còn là một bảo tàng sống về các mặt sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Việt” (Phan Đăng Nhật, 1992:13). “Một vài công trình công bố trong những năm gần đây cũng giúp chúng ta, những người nghiên cứu lễ hội, tin rằng các thần thoại, các thần linh, các cách thờ thần được ghi khắc trên bốn trống đồng là một sự tiếp nối nhau, liên tục ghi nhận nguồn gốc và quá trình văn hóa của người Việt cổ đại, kéo dài qua trung đại. Và chắc chắn không hề suy suyển cho đến tận ngày nay...” (Đặng Văn Lung. 2005). Có nghiên cứu so sánh lễ hội của các xã hội kém phát triển là “hóa thạch sống” của các xã hội tiến hóa hơn, là nơi lưu giữ các yếu tố “nguyên thủy” của lễ hội: “Có nhiều lễ hội, nhất là ở các vùng dân tộc ít người, gợi ra cảm xúc về những kỷ niệm về thời gian sơ khai của người nguyên thủy, những hồi quang của các thời đại xa xôi, thời kỳ “đau đẻ của vũ trụ” (Vũ Ngọc Khánh. 2012). Đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu lễ hội để thấy được sự tác động của nền kinh tế thị trường vào lễ hội, tín ngưỡng ngày nay cuốn *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng* (Lê Hồng Lý. 2008), Cuốn *Lễ hội dân gian* (giáo trình sau Đại học) do các tác giả Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, Nguyễn Phương Châm biên soạn, các tác giả đã nêu lên quá trình

vận động của lễ hội dân gian nước ta qua các thời kỳ, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu lễ hội, trong đó có nhấn mạnh “Người nghiên cứu cần thiết chú ý đọc các tài liệu xung quanh vấn đề nghiên cứu và các khái niệm liên quan đến chủ đề nghiên cứu” (2014:240).

Ngoài ra, các tác giả như Phan Ngọc đã đề cập trong tác phẩm của mình các vấn đề như “bản sắc” và “bề dày” của văn hóa cũng như giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống ở một số lĩnh vực như quản lý xã hội, tôn giáo tín ngưỡng... Các nghiên cứu của các tác giả đã đóng góp quan trọng vào việc nhận diện lễ hội mà trong đó nó được coi như là thành tố của văn hóa.

Bước sang thế kỷ 21, lễ hội đã qua thời kỳ “bùng phát”, đi vào ổn định, trở thành một bộ phận không thể thiếu của người dân, “là thành tố không thể thiếu trong bức tranh văn hóa” [2014, tr 44]. Vì vậy các nghiên cứu về lễ hội tiếp tục được thực hiện, không chỉ các nhà nghiên cứu trong nước mà cả nước ngoài đều nghiên cứu. Kleinen, John trong cuốn *Làng Việt – đối diện tương lai hồi sinh quá khứ* đã nêu: “Sự nổi lên gần đây của những vấn đề liên quan đến tôn giáo và đời sống nghi lễ của người dân không đơn giản chỉ là sự thức tỉnh và phục hồi mạnh mẽ của niềm tin và các tín ngưỡng trước năm 1945. Một sự cơ cấu sâu sắc đã được thực hiện nhờ cả sự ảnh hưởng của chủ nghĩa Marx” hay “Việt Nam trải qua một quá trình đổi mới toàn diện với nền kinh tế thị trường và sự độc lập hơn của địa phương... Mặc dù không chủ tâm song nó đã tạo cơ hội cho việc phục hồi lại các tập tục văn hóa và tôn giáo địa phương” (2007, tr 239).

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ hiện nay có 307 di tích và gần 400 lễ hội. Trong đó có những lễ hội mang tầm cỡ quốc gia như Lễ hội Đền Hùng, các nghiên cứu chuyên đề hay nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện. Các di tích trên địa bàn đều được nghiên cứu, sưu tầm và giới thiệu trên các sách, báo, tạp chí... Các nghiên cứu về di tích đền Tiên cơ bản đi vào mô tả được

diện mạo, hình thức, truyền thuyết về nhân vật phụng thờ của di tích và lễ hội như: “Đền Tiên thờ Thủy tổ Quốc Mẫu” - *Di tích lịch sử văn hóa thời đại Hùng Vương trên đất Việt Trì* (2006); Cuốn: *Đền thờ Thủy tổ Quốc Mẫu* (2014) của Lương Nghị, Hoàng Đạo Lý; Cuốn *Lý lịch di tích đền Tiên* của Nguyễn Anh Tuấn, Lê Công Luận, các tác giả đã sưu tầm biên soạn về kiến trúc, nhân vật thờ phụng. Ngoài ra, các sách: *Thống kê lễ hội Việt Nam* (2008) đã thống kê các di tích có liên quan thờ cúng Hùng Vương và nhân thần gồm 1470 di tích, trong đó đền Tiên thuộc thành phố Việt Trì; Cuốn *Địa chí Vĩnh Phú văn hóa dân gian vùng đất Tổ* (1986) do Ngô Quang Nam, Xuân Thêm biên soạn giới thiệu về phong tục tập quán, tín ngưỡng, lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Tổ. Các bài viết về lễ hội đền Tiên trên các trang báo điện tử Phú Thọ, báo Quân đội nhân dân online...

Các sách nêu trên đã đề cập đến di tích và lễ hội đền Tiên, song chỉ dừng lại ở cấp độ giới thiệu hoặc có tính chất giới thiệu chung chung. Vì vậy trong luận văn này, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, tiếp thu các nghiên cứu về mối quan hệ giữa các mặt kinh tế, chính trị, người dân với tôn giáo trong bối cảnh đương đại.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống lại các nguồn tài liệu; kết hợp với khảo sát, nghiên cứu thực tiễn để tìm hiểu quá trình phục dựng di tích, lễ hội đền Tiên để tìm hiểu mối quan hệ giữa các mặt kinh tế, chính trị, người dân với tôn giáo trong bối cảnh đương đại.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu quá trình phục dựng di tích và lễ hội tại đền Tiên phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ để trả lời các vấn đề: Phục hồi kinh tế tác động như thế nào đến tôn giáo? Sự thay đổi về chính trị hay sự cởi mở

trong chính sách của Đảng, Nhà nước tác động như thế nào đến thực hành tôn giáo? Nhu cầu của người dân về tôn giáo trong bối cảnh hiện đại?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu về quá trình phục dựng di tích và lễ hội đền Tiên, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ - nơi di tích và lễ hội tồn tại.

Thời gian: Từ khi được phục dựng cho đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài luận văn thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa Mác – Lê nin, trong đó chủ yếu sử dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để làm phương pháp cho việc nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng cách tiếp cận nghiên cứu liên ngành: Văn hóa dân gian, lịch sử, tôn giáo học... để thực hiện mục tiêu đặt ra của đề tài.

Khi nghiên cứu về lịch sử và quá trình phục dựng di tích, tác giả đã vận dụng phương pháp phỏng vấn hồi cố, quan sát tham dự qua hình thức gặp gỡ trò chuyện các thành viên trong Ban quản lý đền, khách đi lễ và tham dự nhiều hoạt động tại di tích. Tác giả đã đến nhà của các nhân chứng còn sống - là những người biết đến sự hiện diện của ngôi đền thờ Mẫu và chứng kiến tất cả biến động lịch sử của dân tộc và của địa phương từ thời kỳ kháng chiến chống thực dân pháp, đế quốc Mỹ đến thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội bảo vệ đất nước, để gặp gỡ nói chuyện nhằm thu thập được tối đa những lượng thông tin còn lại từ quá trình xin phục dựng lại ngôi đền, quá trình xây dựng

và thực hiện tín ngưỡng hiện nay. Tại đền thờ Thủy tổ Quốc Mẫu, tác giả cũng đã tham dự vào các hoạt động tín ngưỡng, tham dự các hoạt động tiếp nhận công đức của các tập thể, các nhân giành cho đền. Đồng thời tiến hành phỏng vấn, thu thập các tài liệu lịch sử của một số nhà nghiên cứu địa phương, một số người đang làm việc và sinh sống trên địa bàn thuộc phường và thành phố Việt Trì nhằm thu thập lượng thông tin mang tính khoa học cho đề tài luận văn này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trên cơ sở kế thừa những thành quả của người đi trước, kết hợp với việc nghiên cứu tìm hiểu, khảo sát trực tiếp tại di tích đề tài có những đóng góp sau:

- Tìm hiểu, nghiên cứu khá toàn diện về quá trình phục dựng di tích và lễ hội đền Tiên và những tác động của bối cảnh xã hội đã tác động đến việc phục dựng di tích và lễ hội.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ là tư liệu để tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ hơn về giá trị của ngôi đền và quá trình phục dựng di tích lễ hội. Từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân dân với việc tôn tạo, phục dựng để di tích ngày càng được phát huy giá trị trong đời sống, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và giáo dục truyền thống “uống nước nhớ nguồn” cho thế hệ tiếp nối.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về vùng đất Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ

Chương 2: Quá trình phục dựng di tích và lễ hội đền Tiên

Chương 3: Luận bàn về việc phục dựng di tích và lễ hội

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ VÙNG ĐẤT TIỀN CÁT - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

Thành phố Việt Trì được thành lập từ năm 1962 và được biết đến bởi đây là thành phố công nghiệp đầu tiên được xây dựng với các ngành giấy, dệt, sứ, hóa chất... nhằm phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Việt Trì còn được gọi với cái tên thành phố ngã ba sông bởi nằm gần hợp lưu của ba con sông Thao – Lô – Đà. *Sông Lô phát nguyên từ Vân Nam (Trung Quốc), qua Tuyên Quang vào Phú Thọ qua đất Chí Đám – Đoan Hùng; sông Đà phát nguyên tại tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc) chảy qua Vân Nam, vào Việt Nam qua các tỉnh Lai Châu, Hòa Bình vào Phú Thọ ở đất Thanh Sơn rồi hòa vào sông Thao ở Hồng Đà (Tam Nông); Sông Thao phát nguyên từ Vân Nam (Trung Quốc) vào Phú Thọ từ Hạ Hòa đến ngã ba Hạc. Ba con sông hợp lưu ở ngã ba Hạc với tên gọi là sông Hồng rồi mới đổ về xuôi* [29. tr 29]. Chính vì vậy, từ xa xưa Việt Trì đã được coi là vùng đất có vị trí quan trọng trong giao thông đường thủy giữa miền núi, đồng bằng và miền xuôi.

Sau hơn 50 mươi năm xây dựng và phát triển đến nay thành phố Việt Trì trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh Phú Thọ. Năm 2012, Việt Trì đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là thành phố đô thị loại I trực thuộc tỉnh Phú Thọ.

Việt Trì nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Phú Thọ, là cửa ngõ của vùng Tây Bắc Tổ quốc, nằm ở vị trí chuyển tiếp từ địa hình đồi núi sang địa hình đồng bằng Việt Trì có diện tích tự nhiên 11.175,11hecta, số dân là 277.539 người (tính đến 31/12/2010), phía Đông giáp với huyện Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc), phía Đông giáp với huyện Lập Thạch (Vĩnh Phúc), Ba Vì (Hà Nội), phía Tây giáp với huyện Lâm Thao, phía Nam giáp với huyện Phù Ninh (Phú Thọ). Từ trung tâm của thành phố nhìn về phía Tây nam là núi Ba Vì, phía

Đông Bắc là dãy Tam Đảo, phía Tây - Tây Bắc là núi Nghĩa Lĩnh nơi có đền thờ các vua Hùng, hàng năm có hàng triệu lượt người hành hương về viếng Tổ thể hiện lòng hiếu kính biết ơn Tổ tiên.

Theo tài liệu khảo cổ học, cách ngày nay khoảng 2 vạn năm, ở vùng đất này đã có dấu tích sinh tụ của người Việt cổ. Khoảng 4000 - 2000 năm cách ngày nay, các vua Hùng đã chọn đất này đóng đô lập nên Nhà nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Những hiện vật khảo cổ học khai quật tại di chỉ Làng Cả (Việt Trì) còn là những chứng cứ quan trọng về sự giao thoa văn hóa, sự phân chia thứ bậc sang hèn (qua các hiện vật là đồ tùy táng chôn theo trong mộ) trong xã hội lúc bấy giờ.

Thành phố Việt Trì với bề dày lịch sử văn hóa, sau bao lần thay đổi tên gọi địa danh, quản lý hành chính đến nay quản lý 23 đơn vị hành chính gồm: 13 phường nội thị và 10 xã ngoại thị, trụ sở chính của thành phố đóng trên địa bàn phường Tiên Cát.

1. Vị trí địa lý và quá trình tách lập địa danh hành chính phường Tiên Cát.

Tiên Cát là một phường nằm ở trung tâm thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. *Tọa độ địa lý 21⁰18'33''B 105⁰24'12''Đ, Phía Đông giáp với phường Thọ Sơn và xã Trung Vương; phía Tây giáp với xã Minh Nông; phía Nam giáp với sông Hồng có chiều dài 2km; phía Bắc giáp với phường Gia Cẩm, Tân Dân [5. tr7].* Trên địa bàn phường hiện nay có 3 trục đường giao thông chính chạy qua là quốc lộ số 2, Đại lộ Hùng Vương và đường sắt Hà nội -Lào Cai. Với hệ thống đường giao thông hết sức thuận lợi, lại là địa bàn trung tâm của thành phố nên phường Tiên Cát sớm trở thành điểm hội tụ của cư dân nhiều nơi về sinh sống từ xưa đến nay.

Ngược dòng lịch sử, Tiên Cát cùng với các xã phường khác của thành phố Việt Trì là vùng đất cổ, một trong những cái nôi của dân tộc Việt Nam.

Thuở các vua Hùng dựng nước, Tiên Cát nằm trong kinh đô của nhà nước Văn Lang. Theo các tài liệu hiện vật khai quật tại di chỉ khảo cổ học Làng Cả, phường Thọ Sơn, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được hàng trăm hiện vật như rìu, giáo, thạp, trống, hộ tâm phiến, ... bằng đồng và các hiện vật gốm như khuyên tai, hạt chuỗi, bình gốm có niên đại từ 2500 - 2000 năm cách ngày nay. Được xác định hiện vật tùy táng chôn theo trong mộ; di chỉ này trước đây thuộc địa bàn phường Tiên Cát, được xác định là di chỉ cư trú và mộ táng, lại nằm sát bờ sông Hồng, thuận lợi cho việc thông thương, đi lại nên có thể khẳng định đây chính là khu dân cư trước khi là khu mộ táng. Vì vậy, Tiên Cát trong buổi đầu lịch sử đã là nơi hội tụ, tiếp xúc giao lưu văn hóa với nhiều vùng trong và ngoài tỉnh.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, địa danh, địa giới của phường có nhiều tên gọi khác nhau. Theo tài liệu còn lưu lại thì vùng Tiên Cát xưa là nơi vua Hùng lập lâu kén rể, khu vực đền Tiên vốn là một cung điện của nhà vua (Tiên Cát cung) thuộc Bộ Văn Lang. Đến thời vua Hùng thứ 17, sau khi dạy dân cấy lúa nước ở Đồng Lú đã dẫn quần thần về cung để dự tiệc.

Thời An Dương Vương, Bộ Văn Lang thu hẹp lại một phần ở phía Bắc và đông bắc, còn lại khoảng đất thuộc Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội ngày nay, Tiên Cát nằm trong huyện Mê Linh.

Từ thế kỷ III đến thế kỷ X, Tiên Cát nằm trong địa bàn huyện Gia Ninh, quận Phong Châu. Đến thời phong kiến độc lập tự chủ, đơn vị hành chính là các đạo, dưới là các phủ, châu, huyện, hương, xã. Năm 1226, nhà Trần cho phép các thân vương lập điền trang, khi ấy hương Tiên Cát đổi thành trang Tiên Cát, huyện Sơn Vi, phủ Tam Giang, trấn Sơn Tây. Thời nhà Nguyễn, năm 1831 vua Minh Mạng tiến hành cải cách hành chính, đổi các trấn thành tỉnh, dưới tỉnh chia làm các huyện, tổng, xã, Tiên Cát lúc đó là một làng thuộc Tổng Minh Nông, huyện Phù Ninh, phủ Lâm Thao, tỉnh Sơn Tây.

Cuối thế kỷ XIX, Thực dân Pháp thi hành chính sách chia để trị, lập ra các tỉnh mới với địa bàn nhỏ hơn trước để dễ dàng và chủ động trong việc cai trị. Do đó, tỉnh Hưng Hóa được thành lập trên cơ sở tách ra từ tỉnh Sơn Tây cũ, Tiên Cát thuộc huyện Hạc Trì, tỉnh Hưng Hóa. Đến năm 1903, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chuyển tỉnh lỵ Hưng Hóa lên làng Phú Thọ, tỉnh Hưng Hóa đổi tên thành tỉnh Phú Thọ, thành lập thị xã Việt Trì, Tiên Cát là một trong 8 làng thuộc Tổng Minh Nông, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ.

Sau CMT8, có thay đổi về mặt hành chính, sát nhập ba làng Thanh Miếu, Tiên Cát và Thọ Sơn thành một xã, lấy tên là xã Chính Nghĩa. Tiên Cát lúc này với tên gọi là thôn Tiên Cát, xã Chính Nghĩa, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ.

Năm 1958, Nhà nước ra quyết định xây dựng khu công nghiệp Việt Trì. Năm 1960, sát nhập xã Chính Nghĩa vào thị xã Việt Trì. Năm 1962, “Chính phủ ra Quyết định số 65 – CP thành lập thành phố Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ, giải thể huyện Hạc Trì”, Tiên Cát thuộc xã Chính Nghĩa, thành phố Việt Trì [5. tr11]. Năm 1964, xã Chính Nghĩa đổi tên thành xã Tiên Cát gồm hai thôn Tiên Cát và Thọ Sơn.

Năm 1968, Hợp nhất hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ thành tỉnh Vĩnh Phú, Tiên Cát trở thành trung tâm chính trị, kinh tế văn hóa của thành phố và tỉnh. Đến năm 1976, hợp nhất các xã Tiên Cát, Quất Thượng, Lâu Thượng và Sông Lô thành xã Trung Vương.

Năm 1984, do phân định ranh giới và cơ cấu quản lý hành chính nên phường Tiên Cát được thành lập trên cơ sở xã Tiên Cát cũ, phạm vi chủ yếu thuộc địa bàn thôn Tiên Cát và thôn Thọ Sơn trong đó bao gồm cả các cơ quan của tỉnh, thành phố, xí nghiệp Trung ương ở địa phương, Đảng bộ phường Tiên Cát thuộc thành ủy Việt Trì.

Năm 1997, tách Vĩnh Phú thành hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ, thì Tiên Cát vẫn nằm ở trung tâm của thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Cùng

thời gian này người dân Tiên Cát đã và đang đề nghị cấp đất xây dựng lại đền Tiên.

2. Đất và người Tiên Cát

Tiên Cát là vùng đất có nhiều thuận lợi được thiên nhiên ban tặng “nhất cận thị, nhị cận giang, tam cận lộ” [5. tr15], cùng với tinh thần lao động cần cù, trí thông minh, sáng tạo, ham học hỏi nên từ xưa đến nay người dân Tiên Cát luôn có những điều kiện thuận lợi để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Các nghiên cứu cho thấy rằng, dọc theo các trục đường thương mại, cơ sở tôn giáo rất phát triển. Thực tế ở Tiên Cát hiện nay có 2 km sông Thao chạy qua; về đường bộ có đường Quốc lộ 2 và Đại lộ Hùng Vương; về đường sắt có đường sắt Hà Nội – Lào Cai chạy qua nên có những thuận lợi nhất định về giao thông. Từ thời Pháp đã hình thành ở đây chợ để buôn bán các loại hàng hóa, nông sản trong và ngoài vùng. Từ các chợ liên làng, khi thương nghiệp phát triển mạnh, cùng với hệ thống giao thông thuận lợi đã tạo điều kiện để kinh tế phát triển. Cùng với đó, từ trước cách mạng tháng 8, nơi đây người dân đã luôn duy trì các hoạt động tín ngưỡng thờ Mẫu và thờ Phật dọc theo tuyến đường Quốc lộ II. Ở nhiều nơi, khi có sự hình thành các trục đường thương mại thì tôn giáo sẽ du nhập và có thể được duy trì cùng với tín ngưỡng bản địa. Song ở đây, ngoài đạo Thiên chúa du nhập vào từ trước, cư dân đạo sống tập trung tại một xóm (xóm Trại, nay là Đoàn Kết), còn người dân sở tại vẫn duy trì cuộc sống cùng với tín ngưỡng của làng mình.

Theo lời kể của các cụ cao niên, sau kháng chiến chống Pháp, nhằm tái thiết đất nước nên Nhà nước đã cho xây dựng một khu công nghiệp trên đất Việt Trì. Trước đó, toàn bộ dải đất ven sông Thao, từ Thanh Miếu hiện nay đến khu vực Tiên Cát và diện tích ven sông các vùng lân cận đều là đất trồng màu của nhân dân. Người dân chủ yếu trồng lúa một vụ, còn lại trồng màu

như ngô, đỗ, sắn... Ông Nền nói rằng, lúc chưa có đê vùng ven sông rất rộng, quy luật tự nhiên của các dòng sông là bên này lở thì bên kia bồi, đất bãi của nhân dân trước đây kéo rộng giáp với vùng đất Sơn Tây hiện nay, quá trình dịch chuyển dòng chảy làm cho bãi sông ngày càng gần bờ hơn, khiến cho diện tích trồng màu của nhân dân ở đây gần như hết. Nếu như trước kia người dân đi làm bãi mang theo cả cơm nắm để ăn rồi làm luôn không nghỉ trưa do xa nhà thì nay đã khác hẳn, nước sông chỉ cách bờ đê khoảng vài chục mét, thậm chí có chỗ chỉ vài mét. Chính vì vậy, dân Tiên Cát không còn làm màu, cấy lúa ở vùng đất ven đê này nữa. Vùng đất Tiên Cát trước đây có cụm di tích đình, đền, chùa, lăng Mẫu để nhân dân thờ phụng các vị thần và thực hành tín ngưỡng của dân làng.

Ông Nguyễn Lê Nền còn nhấn mạnh: Khu vực này trước kia rất rậm rạp, chủ yếu là rừng, người dân Tiên Cát xưa chủ yếu sống bằng nông nghiệp giống như các làng xã khác trong vùng, đời sống khổ cực, khó khăn, trong làng chỉ có vài chục nóc nhà được làm bằng gạch (chủ yếu là nhà của địa chủ, phú nông) còn lại là nhà lá, dân cư thưa thớt chứ chưa đông như bây giờ. Sau khi Việt Trì trở thành cụm công nghiệp lớn ở miền Bắc, hàng loạt các nhà máy, xí nghiệp như: nhà máy giấy, nhà máy hóa chất, nhà máy điện, nhà máy đường rượu bia, nhà máy xay, nhà máy bê tông ... được xây dựng và đi vào hoạt động, dân cư dần đông dần thêm, phố Đoàn Kết trước đây có nhiều người dân theo đạo ở đó. Sau này nhiều người đến mua đất ở lại đây nên dân địa phương còn gọi xóm đó là xóm Trại, ngoài ra còn có các xóm khác với nhiều tên gọi theo địa hình, địa vực, dân cư như: xóm Thị, xóm đình, xóm Rừng, xóm ngược, xóm Gò, xóm Xuôi; đặc biệt lúc đó chính quyền bắt lính nên cả làng chỉ lấy chung một họ - họ Nguyễn, khác tên đệm. Sau này mới thay đổi tên địa danh bằng các tên như: Thi Đua, Anh Dũng, Đoàn Kết, Tiên Phong.... và các họ cũng phong phú hơn trước.

Các cụ Nguyễn Văn Tuy, Nguyễn Lê Nên, Nguyễn Thị Kham,... đều khẳng định: *Những năm 1948 – 1949 của thế kỷ trước, mảnh đất Tiên Cát là tâm điểm cần quét, nã đạn của thực dân Pháp. Lúc đó ngôi đền Tiên vẫn còn. Đây là nơi nhạc sĩ Đỗ Nhuận sáng tác bài hát Du kích sông Thao và dạy cho mọi người hát bài hát đó. Đến năm 1950, quân Pháp bắn phá, mái của đền bị sập hết chỉ còn lại phần nền và tường đổ nát. Phía trước đền có cây đa rất to, dân quân du kích đã đắp một ụ cao ở đây để quan sát và chặn Pháp bắn phá từ phía dưới Hạc Trì và bên bờ Triều Dương (Sơn Tây) bắn sang.* “Cũng tại đình Tiên, nhân dịp đồng chí Trần Huy Liệu – Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền đến thăm và nói chuyện với cán bộ và nhân dân” [5. tr55], đồng chí đã được dân quân du kích tặng cho một khẩu súng chế từ ống tuýp sắt và nòng súng hỏng thu được của bọn Nhật làm kỷ niệm. Trong bối cảnh lịch sử như vậy, các đình, đền, chùa lúc này hầu như không chỉ là nơi để hoạt động tín ngưỡng mà trở thành nơi hoạt động của quân dân du kích.

3. Lịch sử văn hóa tín ngưỡng

Trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển, tạo điều kiện cho đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt và phát triển khá phong phú. Tín ngưỡng dân gian, thờ cúng gia tiên và những phong tục tốt đẹp được nhân dân gìn giữ và phát huy sâu sắc tạo niềm tin tinh thần cho nhân dân, từ đó tác động trở lại thúc đẩy kinh tế phát triển. Là vùng đất gắn chủ yếu với nông nghiệp trồng lúa, con người gắn bó chặt chẽ với đồng ruộng, làng xóm tạo nên tâm lý, thói quen, nếp nghĩ nhân ái, thuần hậu, "thương người như thể thương thân"; các phong tục tín ngưỡng cũng gắn với tục thờ thần - những người có công với nước với dân. Tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến nhân dân Tiên Cát như đạo Phật, đạo Thiên Chúa ... còn tín ngưỡng dân gian chủ yếu là tục thờ cúng gia tiên.

Theo lời kể của các cụ, trước kia Tiên Cát có 12 công trình kiến trúc văn hóa (2 đình, 2 đền, 4 chùa và 4 miếu thờ), do chiến tranh, thiên tai tàn phá, một số còn, một số bị phá hỏng, một số bị phá hoàn toàn. Từ cuối những năm 80, đến thập niên 90 của thế kỷ XX, cùng cả nước thực hiện sự nghiệp đổi mới trong đó Tiên Cát đã từng bước thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới. Thực hiện chính sách văn hóa mới nhằm gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương nên những năm gần đây nhân dân đã xây dựng, phục hồi lại một số công trình: đền Chi Cát (1995), đền Tiên (1999), nhà thờ họ giáo Đoàn Kết (1998).

Do đặc thù phường có số dân cư đông, tập trung nhiều cơ quan, trường học đóng trên địa bàn do vậy các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng và trình độ dân trí không đồng đều tạo ra những nhận thức, quan điểm khác nhau về hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng.

Hiện nay trên địa bàn phường có hai tôn giáo có đông tín đồ hoạt động đó là đạo Phật và đạo Thiên Chúa. Đạo Phật có số lượng khá đông Phật tử tham gia, có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của nhân dân. Về cơ cấu tổ chức của đạo Phật có 01 ban đại diện Phật giáo gồm có 09 người do Đại đức Thích Đạo Ngộ làm trưởng ban với 16 chi hội Phật giáo, hơn 1350 Phật tử tham gia thường xuyên. Hoạt động của hội thường ở 02 ngôi chùa và 02 ngôi đền: Chùa Phúc Long, chùa Cát Tường, đền Chi Cát và đền Tiên. Trong năm hoạt động của hội có các ngày lễ lễ chính (tính theo âm lịch) như sau:

- Lễ Thượng nguyên: ngày 15/01 (âm lịch)
- Lễ tắm Phật: 15/4 (âm lịch)
- Lễ Trung nguyên: 21/5 và 15/7 (âm lịch)
- Lễ Hạ nguyên: ngày 15/10 (âm lịch)
- Lễ Vu Lan (âm lịch)
- Lễ giỗ thủy Tổ Quốc Mẫu: ngày 10/10 (âm lịch).

Đạo Thiên chúa giáo được xem là một đạo lớn đang hoạt động theo đúng quy định tại địa bàn phường. Số hộ dân theo đạo Thiên chúa là 165 hộ với 630 giáo dân. Cơ cấu tổ chức, hoạt động của đạo Thiên chúa gồm có trưởng giáo xứ và ban hành giáo họ với 7 thành viên. Các hoạt động lễ ngày, lễ tuần, lễ tháng được tổ chức trang nghiêm tôn kính theo quy định tại nhà thờ họ giáo tại phố Đoàn Kết. Gia đình các giáo dân ở Tiên Cát đều có bát hương thờ gia tiên, song các thủ tục không theo như Phật giáo hay lương mà thường đơn giản hơn rất nhiều. Đây cũng chính là hiện tượng Đạo thiên chúa nhưng có biến đổi để phù hợp. Trước đây, giáo dân không tham gia vào các hoạt động của lễ hội trong làng, tuy nhiên hiện nay đã bắt đầu tham dự vào một số hoạt động lễ hội diễn ra tại đền Tiên, cho thấy các giáo dân đã có những biến đổi nhằm đáp ứng và sống “tốt đời. đẹp đạo” hơn.

Ngoài ra còn một số đạo nhỏ lẻ hoạt động không thường xuyên du nhập vào địa phương từ các địa phương lân cận như đạo Tin Lành (01 gia đình).

Các hoạt động của phật tử theo đạo Phật hay đạo Thiên chúa luôn hướng tới những điều tốt đẹp, hộ quốc, an dân sống tốt đời đẹp đạo nhằm gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp mà cha ông đã tạo dựng cho thế hệ sau..

Các hoạt động tín ngưỡng diễn ra tại các nơi thờ tự như các đền, chùa đều được tổ chức trang nghiêm thành kính, theo đúng quy định đảm bảo theo đúng thuần phong mỹ tục của dân tộc và của địa phương. Các di tích và lễ hội được tôn tạo và phục dựng theo truyền thống đảm bảo tính khoa học và tính lịch sử của di tích.

4. Đặc điểm dân cư và nghề nghiệp

Tiên Cát là một trong những phường có mật độ dân cư đông của thành phố Việt Trì. Với diện tích tự nhiên 354,7 hecta, chỉ tính từ khi Phường được

thành lập với số dân 10.500 người (1984) đến nay số dân gần 16.800 người, với 3.957 hộ ở trong 16 khu dân cư với 77 tổ dân phố; Dân cư với nhiều ngành nghề như: nông dân, công nhân, lao động, trí thức, buôn bán...Nơi đây còn có các trung tâm thương mại, các cơ sở kinh doanh và trụ sở của các đơn vị, đoàn thể thuộc thành phố và tỉnh nên tình hình dân cư và nghề nghiệp đa dạng, nhiều thành phần

So với trước CMT8, người dân chủ yếu làm ruộng. “Ruộng đất ít nhưng phần lớn lại nằm trong tay của địa chủ, phú nông” [5. tr17] nên người nông dân không có ruộng để cấy, phải đi làm thuê, nhận ruộng phát canh nộp tô cho địa chủ, thu nhập không được bao nhiêu. Bên cạnh đó là thuế đình, thuế điền nên cuộc sống người nông dân rất khổ cực, nhiều người phải bỏ làng đi tha phương cầu thực. Năm 1946, “toàn xã chỉ có 658 hộ với 3.172 nhân khẩu” [5. tr51], thì chỉ có vài chục gia đình có nhà gạch, còn lại là nhà lá. Trong lúc này chính quyền phong kiến đều duy trì các hoạt động tín ngưỡng tại đền, đình, miếu của làng. Việc tế được duy trì, chủ tế phải là người có danh vọng khoa mục chức sắc.

Sau CMT8, chính quyền về tay nhân dân, mọi người phấn khởi bắt tay vào xây dựng cuộc sống, nhanh chóng giải quyết nạn đói do hậu quả của chính sách bóc lột của Nhật – Pháp. Tuy nhiên do hậu quả của chính sách ngu dân nên hơn 90% dân số mù chữ, hủ tục nặng nề, lạc hậu, đời sống văn hóa thấp kém. Cuối năm 1946 đầu 1947, thực hiện lời kêu gọi “toàn quốc kháng chiến” và “tiêu thổ để kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nghị quyết của Tỉnh ủy, người dân Tiên Cát vừa tham gia lao động sản xuất, vừa đánh giặc. Trong khi tiến hành tiêu thổ kháng chiến, đã đưa trẻ con, người già đi sơ tán nơi an toàn, các cán bộ, đảng viên, dân quân du kích ở lại chiến đấu, vừa tranh thủ sản xuất, trồng màu, chăn nuôi để vừa đảm bảo lương thực cho cuộc sống vừa đóng góp cho kháng chiến. Tỉnh ủy lúc đó còn huy động nhân dân

“phá dỡ những nhà cao tầng của Pháp” [5. tr52] như trại lính, sở cảnh, nhà ga... lấy được hàng tram thanh rầm bằng sắt để làm cọc phục vụ cho việc đắp ụ tạo chướng ngại vật trên khắp dọc đường nhằm ngăn cản đường tiến xe cơ giới của giặc. Đồng thời “xây dựng một làng chiến đấu tại xóm Thị với cấu trúc trong hào, ngoài rào” [5.tr53] bằng gai tre ken đặc với các hầm bí mật, hố tác chiến kiên cố, công phu nhằm ngăn địch nhảy dù xuống. Việt Trì là nơi Pháp chọn để tập kết lực lượng, phương tiện trước khi tiến công lên Việt Bắc, bởi Việt Trì còn là nơi bảo vệ đường rút cho các đơn vị từ Tuyên Quang, Đoan Hùng xuôi của địch nên Tiên Cát lúc đó là tâm điểm nã đạn của thực dân Pháp, các đền chùa, đình miếu trở thành nơi hội họp của dân quân du kích, yếu tố tâm linh giai đoạn này hầu như bị lu mờ. Người dân lúc đó tuy không có điều kiện thực hành tín ngưỡng song cũng không phá di tích. Như vậy tín ngưỡng vẫn luôn tồn tại trong nhân dân.

Sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, địa phương đã tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện “người cày có ruộng”, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định cuộc sống, cải tạo công thương nghiệp ở Việt Trì cơ bản hoàn thành. Cùng thời gian này, Trung ương Đảng và Chính phủ đã chọn Việt Trì để xây dựng khu công nghiệp nhằm phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. “Ngày 28/11/1958, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị đã bỏ nhất cuộc đầu tiên trong lễ động thổ khởi công xây dựng khu công nghiệp Việt Trì” [3. tr288], khu công nghiệp được xây dựng trên địa bàn xã Chính Nghĩa (nay là Tiên Cát, Thọ Sơn) gồm 5 xí nghiệp liên hiệp và dịch vụ. “Từ khi Việt Trì thành khu công nghiệp, bộ mặt cả khu vực thay đổi hẳn, từ chỗ chỉ là vùng nông nghiệp trở thành vùng vừa có công nghiệp vừa có nông nghiệp”[5.tr92].

Đến những năm 1960, về cơ bản quan hệ sản xuất XHCN đã hình thành bộ mặt làng xóm từ tan hoang sau chiến tranh trở thành nơi có ống khói nhà

máy vuron cao, đường xá rộng rãi, cây xanh rợp bóng tạo đà cho giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH.

Trong giai đoạn này, các đền chùa cũng được coi là một biểu hiện của mê tín dị đoan nên bị cấm đoán, đình chùa bị phá dỡ, nhiều nơi phá chùa lấy gỗ để làm trường học.... Đảng viên lúc này phải là người tiên phong, đi đầu trong việc phá đình chùa. Các cụ nói chùa Tiên Cát cũng bị phá vào khoảng những năm 70. Tuy nhiên, ở Tiên Cát giai đoạn này các kiến trúc như đình, đền hầu như đã bị phá hết trong kháng chiến chống Pháp nên có thể đoán định chùa bị phá trong giai đoạn ấy.

Sau Hiệp định Giơ – ne – vơ, thực hiện Nghị quyết 22 của BCH Trung ương Đảng và Tỉnh ủy về phát triển kinh tế, đẩy mạnh xây dựng CNXH và ra sức chi viện cho cách mạng miền Nam, nhân dân Tiên Cát vượt qua khó khăn của trận lụt năm 1971 và diện tích canh tác ít do giành đất làm khu công nghiệp để tiếp tục sản xuất nông nghiệp, đồng thời quan tâm đến các mặt văn hóa giáo dục, y tế. Sau kháng chiến chống Mỹ, Tiên Cát cùng các địa phương chuyển hướng bước sang giai đoạn đi lên xây dựng CNXH, Tiên Cát vừa sản xuất nông nghiệp vừa phát triển công nghiệp, giải quyết vững chắc về lương thực góp phần tiến nhanh tiến chắc lên CNXH. Giai đoạn này, ở Tiên Cát các đình, đền, chùa chưa được phục dựng nên các hoạt động tín ngưỡng không có gì thay đổi so trước (không có di tích nên các hoạt động tín ngưỡng không thực hiện).

Từ năm 1998, song song với các hoạt động công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, sự nghiệp văn hóa xã hội có nhiều biến đổi, các hoạt động y tế, văn hóa, giáo dục được quan tâm chú trọng, các cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, xã phường văn hóa từ đó các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ phát huy, các đền chùa có

điều kiện được quan tâm tôn tạo phục dựng nhằm gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc.

Theo số liệu thống kê năm 2013, phường Tiên Cát còn 612 hộ nông nghiệp với 1.250 người, chiếm 7,5% dân số toàn phường, diện tích đất nông nghiệp còn lại 35hecta. Với tốc độ đô thị hóa đô thị nhanh nên phần lớn diện tích đất nông nghiệp của phường đã và đang sử dụng phục vụ các công trình công cộng của thành phố Việt Trì và tỉnh Phú Thọ: công viên Văn Lang, quảng trường Hùng Vương, khu tái định cư và các công trình của phường nên diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp. Vì vậy, hiện nay phường đã tạo điều kiện để cho các hộ nông dân chuyển đổi cơ cấu sản nông nghiệp góp phần nâng cao đời sống cho nông dân như thâm canh cá và chuyển sang làm dịch vụ, thí điểm nuôi các loại con gia cầm trong hộ xã viên. Hiện nay, ở Tiên Cát còn có làng Thọ Mai chuyên chế biến và làm các loại bún, bánh nẳng, bánh chưng bán cho các chợ trong thành phố Việt Trì, là thứ quà ngon nhiều người ưa thích, đồng thời kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp, phát triển cơ khí, xây dựng, vận tải...giải quyết hàng nghìn lao động trong và ngoài tỉnh.

Tiểu kết chương 1

Từ những nét khái quát ở Chương 1 về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý; dân cư nghề nghiệp; văn hóa xã hội; phong tục tập quán tín ngưỡng ... của người dân phường Tiên Cát có thể nhận thấy rằng: Vùng đất này có lịch sử và văn hóa lâu đời, đặc biệt nơi đây từ xa xưa có thể là nơi bộ Văn Lang đóng đô, mà cho đến nay xung quanh còn rất nhiều dấu tích liên quan đến thời đại Hùng Vương như di chỉ khảo cổ học Làng Cả, di chỉ gò Mã Lao, cánh đồng làng Lú, hay các câu chuyện như lâu kén rở Tiên Cát... Cư dân vùng đất này chủ yếu làm nông nghiệp trồng lúa, cuộc sống của họ thuận theo nếp nghĩ thuần hậu, nhân ái gắn bó chặt chẽ với đồng ruộng, làng xóm do vậy phong tục tín ngưỡng mang tính biết ơn các vị thần, biết ơn tổ tiên, những người có công... Chính vì lẽ vậy, các kiến trúc thờ tự của địa phương từ xưa đến nay chủ yếu là đền, đình và chùa. Các hoạt động tín ngưỡng được duy trì từ lâu đời ở các đền, đình, chùa bao gồm cả phần nghi lễ và phần hội. Các giá trị văn hóa ấy được nhân dân lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, luôn được tôn vinh, gìn giữ như tài sản trong gia đình của mình vậy.

Từ cuối thế kỷ XIX đến nửa cuối thế kỷ XX, các công trình văn hóa nói chung, nhiều đình, đền, chùa, miếu... nói riêng bị xâm hại, tàn phá do chiến tranh, do bối cảnh xã hội, khí hậu... Chính vì thế một số di tích trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã bị hư hỏng và mất hẳn, trong đó có di tích đền Tiên. Những năm 90 của thế kỷ XX, những người dân Tiên Cát đã từng sống trong thời điểm ngôi đền còn tọa lạc trên đất này, thấy cần phải lập lại ngôi đền thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu để lập lại niềm tin tinh thần trong nhân dân nên đã xin phục dựng lại ngôi đền. Quá trình phục dựng tiến hành ra sao? Thờ tự hiện nay như thế nào? Có gì được và chưa được sau khi phục dựng sẽ tiếp tục trình bày ở các chương tiếp theo của Luận văn.

Chương 2

PHỤC DỰNG DI TÍCH VÀ LỄ HỘI ĐỀN TIÊN

2.1. Vị trí cảnh quan di tích đền Tiên

Đền Tiên được xây dựng trên địa bàn phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đền Tiên được gọi theo địa danh của di tích, là tên thường gọi trong nhân dân. Đền Tiên có vị trí nằm cách biệt với khu dân cư, tọa lạc trên khu đất rộng gần 3.000m², nằm ven đường quốc lộ số 2 và con đê Lâm Hạc. Trước đây, nơi đây là cánh đồng Ngược chuyên nuôi cá để thờ, sau này nhân dân tôn tạo nền và lấp phân ao nên khuôn viên mới bằng phẳng, thoáng đãng như hiện nay. Đền nhìn theo hướng Tây Nam, trước mặt phía xa xa là dòng sông Thao đổ về xuôi gặp nhau tại Bạch Hạc, nơi hội tụ của ba dòng sông lớn ở miền Bắc: sông Hồng, Lô, Đà.

Đền Tiên là nơi thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu hay còn gọi là Bạch Tổ Mẫu – là người mẹ đầu tiên của dân tộc Việt, người đã sinh ra Thái tử Sùng Lãm, tức Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở thành một trăm người con, tức là dân Bách Việt thưở ban đầu. Đền Tiên là di tích thuộc hệ thống di tích lịch sử văn hóa liên quan đến thời đại Hùng Vương được nhân dân thờ tự từ rất lâu đời. Việc thờ tự Thủy tổ Quốc Mẫu là tín ngưỡng bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian nhằm thể hiện lòng biết ơn các thế hệ tiền nhân trong buổi đầu dựng nước, cũng là để khẳng định sự tự tôn dân tộc, truyền thống đùm bọc, đoàn kết, “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” trong nhân dân ta từ xưa đến nay.

Căn cứ vào Quyết định số 1042/QĐ-UB của UBND tỉnh Phú Thọ đền được khôi phục lại vào năm 2000 với kiến trúc kiểu chữ Đinh, bằng bê tông cốt thép, nền đền cao hơn sân khoảng 90cm, sân rộng khoảng 300m tạo nên

không gian kiến trúc khoáng đạt. Đền Tiên được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp Tỉnh năm 2003.

2.2. Di tích đền Tiên theo lời kể và ghi chép của các nhân chứng lịch sử

Di tích đền Tiên cũ thuộc làng Tiên Cát, tổng Minh Nông, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ. Theo thần tích, thần sắc, ngọc phả và hương ước của làng xưa thì làng Tiên Cát có tên gọi nôm là làng Tiên, trong làng có đền, đình, chùa và miếu. Theo lời kể của các ông Nguyễn Văn Tuy (thủ từ tại đền): “Đền Tiên đã có từ rất lâu, không ai còn nhớ rõ. Đền xưa rất thiêng. Thời Lê, Thần đã linh phù để nhà Lê dẹp giặc cứu nước. Đến khi thực dân Pháp xâm lược Việt Trì, vùng đất Tiên Cát là tâm điểm càn quét, nã đạn của thực dân Pháp, chúng tàn phá các công trình, làng mạc, nhà cửa và bắn giết nhân dân, trong bối cảnh lịch sử đó các di tích lịch sử nói chung, đền chùa trong làng nói riêng vừa bị phá hoại, vừa không có điều kiện để tôn tạo nên đã bị hư hỏng nặng”.

Năm 1964, ngay sau khi được thành lập, Ty Văn hóa Phú Thọ đã tiến hành thống kê di tích trên địa bàn toàn tỉnh. Mỗi địa phương giao cho một hoặc nhiều cán bộ đi kiểm kê, trong đó xã Tiên Cát, người làm kiểm kê là Nguyễn Văn Chi, kiểm kê ngày 27/8/1964. Trong lần thống kê này ông Chi đã kiểm kê ở Tiên Cát có **01 đình** thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu, hai vị Công chúa và ba Hoàng tử trong bọc trăm trứng; **01 miếu** thờ vị Sùng Công đốc lĩnh, bà đức thánh Tản Viên phái sang bảo thủ cung lãng của đức Thánh Mẫu và **01 chùa** thờ Phật. Trong mục: “di tích xây dựng từ thời nào, tu sửa năm nào, hướng của di tích ” đều ghi “đã bị phá hết”; ở mục: Dựng theo kiểu gì, truyền thuyết khi xây dựng, có trạm trở gì?” đều ghi “đã bị phá hết”; ở mục: “có có mấy chương khánh bia ký, sách vở... niên đại thời nào...” cũng đều ghi “đã bị phá hết, không còn gì”; mục “Tình trạng hiện nay” ghi “đã phá hết”.

Sau khi thực hiện công cuộc xây dựng Việt Trì thành khu công nghiệp hiện đại theo hướng xây dựng XHCN thì dọc theo bờ sông Thao (từ Bến Gót lên đến Tiên Cát) là cụm các nhà máy công nghiệp hiện đại bao gồm: nhà máy điện, nhà máy Hóa chất, nhà máy Đường, nhà máy Miến – mì chính, nhà máy xay, nhà máy Bê tông...trong đó phần nền của ngôi đền Tiên cũ nằm trong khuôn viên của nhà máy sản xuất Bê tông nguyên khối.

Ông Nguyễn Hoài Thanh hiện là Trưởng ban quản lý đền cho biết, tài liệu Ngọc phả của làng Tiên Cát được chép lại năm 1977, do ông Nguyễn Văn Bạo cất giữ. Năm 1993, khi ông Bạo mất đã để lại cho bà Lê (vợ ông Bạo) cất giữ cuốn Ngọc phả, sau đó bà đã giao lại cho phường quản lý vì lý do là của làng nên bà trả lại. Ông Thanh khi đó là Chủ tịch phường Tiên Cát, ông đã cầm về Viện Hán Nôm để nhờ dịch, khi đó mới biết ở Viện cũng có một cuốn như vậy. Trên cơ sở ngôi đền xưa đã mất, căn cứ vào cuốn tài liệu Ngọc phả, Hương ước và Thần tích – Thần sắc phô tô từ Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hội người cao tuổi của phường Tiên Cát đại diện là cụ Trường, cụ Tuyên, cụ Kham, cụ Thệ đã cầm đơn đi khắp mọi nơi, hết lần này đến lần khác: đến phường, thành phố, đến UBND tỉnh để xin phép xây dựng và xin đất làm đền tại vị trí nền móng cũ trong nhà máy Bê tông. Các cụ còn vận động các đồng chí lãnh đạo phường ủng hộ trong việc đề nghị xây dựng này. Nhiều người dân lúc đó cũng không đồng tình trong việc các cụ xin đất xây đền vì cho rằng “mất thì thôi, xây lại làm gì”. Cán bộ, đảng viên còn e dè với việc chống mê tín dị đoan trước đó nên không nhiều người ủng hộ các cụ. Về phía các cụ, nếu các cụ không làm thì sẽ không có ai làm, sẽ mất đền vĩnh viễn, mãi mãi con cháu không biết đến nơi thờ tự của Mẫu nên cố quyết tâm. Cụ Kham kể rằng: các cụ đã tự lập một bát hương trên có mái che, ngay cạnh bờ tường bao của nhà máy Bê tông để thờ Mẫu. Trước yêu cầu chính đáng nhưng cũng gay gắt và thiết thực như vậy nên UBND tỉnh đã gợi ý và quyết

định cấp cho một vị trí đất mới tại khu vực gần lò gạch cũ ở cánh đồng Ngược thuộc phố Anh Dũng do phường quản lý (không chấp nhận yêu cầu đòi đất trong khu vực nhà máy Bê tông) để xây dựng lại ngôi đền làm nơi tâm linh thờ phụng Quốc Mẫu.

Tiếp rằng, thời điểm đi nghiên cứu, một số nhân chứng cao niên tham gia tích cực trong việc đề nghị cấp đất và xây dựng đền Tiên do tuổi cao sức yếu đã mất như ông: Nguyễn Văn Bén, Nguyễn Văn Tuyển, Nguyễn Phúc Biên, bà Nguyễn Thị Trường... Tuy nhiên, căn cứ tài liệu của nhà báo Lương Nghị, ông đã gặp được các cụ khi còn sống (năm 2008) và có ghi chép trong cuốn *Đền thờ Thủy tổ Quốc Mẫu*, NXB Hội nhà văn - Hà Nội, 2014 dày 80 trang. Hai ông Nguyễn Văn Bén và Nguyễn Văn Tuyển đều biết rõ đền Tiên - nơi thờ Mẫu. Ông Nguyễn Văn Bén (sinh năm 1923), thời kháng chiến chống Pháp ông là đội viên đội du kích sông Thao, tham gia chiến đấu ngay tại quê hương Tiên Cát, thời chống Mỹ ông là ủy viên thành phố Việt Trì, Bí thư Đảng ủy xã Chính Nghĩa, khi về nghỉ hưu ông tham gia trong ban quản lý xây dựng đền Tiên được cử làm Trưởng Ban kiến thiết xây dựng. Cụ Nguyễn Văn Tuyển (sinh năm 1913) có cha là cụ từ trông nom đình Tiên, đền Tiên, sau khi cha mất ông Tuyển được dân làng cử làm Từ tiếp tục trông nom đình, đền. Hai ông đều đã cho biết đền Tiên cũ nằm trong nhà máy Bê tông, chệch về phía Tây nam, cách công sau nhà máy chừng 200m. Ngôi đền dựa lưng vào khối đá lớn mang hình dáng lá cờ đá, phía trước có trồng đá, voi đá, lính đá. Thượng cung của đền gác lên một mảng đá to hình chiếc thuyền. Đền nhìn về hướng Nam, hướng thẳng về núi Ba Vì. Trước cửa đền là Quốc lộ 2 mới mở đầu thế kỷ 20, trước kia là con đường làng. Còn đê Lâm Hạc (Lâm Thao – Hạc Trì) mới đắp những năm 1956 – 1957, trước đây là bãi đất bằng phẳng có những viên đá giống hình người xếp hàng bảo vệ Mẫu. Dưới sông là ghềnh Tiên có những trồng đá, chiêm đá, cũng là nơi trú ngụ của loài cá Anh Vũ.

Khi khảo sát, phỏng vấn nhằm thu thập tài liệu về quá trình phục dựng, ông Nền đã kể cho tôi nghe rất nhiều câu chuyện liên quan đến tính thiêng. Ông kể: “Trước đây có một ghành đá dài khoảng 4 – 5km, kéo dài từ sông Thao qua nhiều khu xóm: xóm Gò, xóm Đình, khu Lãng Cẩm đến khu đá đen thuộc khu vực Sở Điện lực (Gia Cẩm) hiện nay. Đến khi xây dựng nhà máy Bê tông, công nhân cho mình nổ phá ghành đá để dựng đường băng truyền cát, sỏi vào phục vụ việc làm bê tông nhưng nước tự dung cạn hết, công nhân cứ cho mình nổ ghành đá hôm nay, ngày mai đá lại nổi lên. Thấy vậy các chuyên gia nước ngoài rất sợ, cho rằng “đất có ma”. Vì vậy nơi mà người dân cho là khu vực đền, lăng Mẫu trước đây đang là khu vực trồng cây tạo môi trường cảnh quan cho khu làm việc. Khi tiến hành xây dựng nhà máy, còn thấy một hố to như cái giếng nhưng không thấy có nước, cho thăm do nhưng không thấy đáy, nhà máy cho đổ bê tông vào nhưng không thấy đầy, sau đó đã cho làm một tấm bê tông to đặt lên trên miệng của hố đó. Khi tôi hỏi hố đó phải chăng sẽ thông ra sông Thao nên mới có hiện tượng đổ bê tông vào không thấy đầy như vậy? Các cụ không trả lời và cho rằng, cái hố đó là huyết mộ của Mẫu, nó rất thần bí, không thể giải thích và các cụ tin vào điều này.

Các cụ cho rằng đền xưa rất thiêng, nếu thuyền bè qua lại trên sông mà không lên thắp hương thì y như rằng sẽ bị chìm hoặc không may mắn. Cũng có thể, do yếu tố khách quan, ghành đá ở dưới sông làm hư hỏng thuyền bè khi đi vào khu vực này nhưng niềm tin về sự phù hộ của Mẫu với nhân dân là tuyệt đối do vậy họ tin là điều tất yếu. Như vậy, mặc dù Thủy Tổ Quốc Mẫu hay Mẫu Thần Long chỉ được nhắc đến trong truyền thuyết, không phải là con người có thực như Mẫu Liễu Hạnh... Đây cũng có thể chỉ là sự tôn vinh về thời đại Hùng Vương và trước Hùng Vương, nhưng sự hiện hữu của Thủy Tổ Quốc Mẫu trong nhân dân làng Tiên Cát là có thực, được biểu hiện ở “sự ứng

thiên” và được lưu truyền, tạo thành nền tảng tinh thần vững chắc cho nhân dân vùng này.

Trong thời gian này, tác giả đã gặp được và nói chuyện được với một số nhân chứng hiện còn sống, đã và đang phục vụ tại nơi cửa Mẫu như ông Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Lê Nên, ông Nguyễn Văn Tuy, ông Nguyễn Hoài Thanh, ... các ông đều đã có tuổi nhưng khá nhanh nhẹn, hoạt bát. Ngoài ra còn một số nhân chứng trên 90 tuổi, già yếu như cụ Nguyễn Văn Seng, cụ Nguyễn Thị Kham (99 tuổi, hiện bị liệt không đi lại được). Các cụ đều nắm rất rõ về đền Tiên và quá trình khôi phục lại đền bởi họ đã được sinh ra, lớn lên và sống trong thời điểm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ của nhân dân ta. Trong hai cuộc kháng chiến đó, quân và dân Việt Trì nói chung đã tích cực tham gia kháng chiến, nhằm tiêu diệt kẻ địch, triệt phá mọi âm mưu đánh phá tàn phá của giặc Pháp; những người phụ nữ trong hoàn cảnh ấy đều hăng hái tham gia lao động, sản xuất, chiến đấu ngay tại chính mảnh đất quê nhà nhằm góp phần bảo vệ quê hương đất nước, bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc. Họ cũng chính là lực lượng tiên phong đi đầu trong việc đề nghị xây lại đền thờ Mẫu.

Theo tài liệu viết tay do cụ Nguyễn Văn Bén chép khi còn làm Trưởng ban Kiến thiết xây dựng đền (hiện đang lưu giữ tại đền Tiên) thì “ý nguyện chung của nhân dân là muốn được xây dựng khôi phục tại nền móng cũ ở trong nhà máy Bê tông” để đúng với tính nguyên gốc nhưng chính quyền địa phương cũng như phía nhà máy không chấp thuận. Việc này không được chấp thuận cũng dễ hiểu vì không thể xây dựng một công trình văn hóa tín ngưỡng ngay tại khuôn viên nhà máy, nhưng để cấp đất cho xây đền thì cấp ở vị trí nào cho phù hợp. Vì vậy chính quyền địa phương đã gợi ý cho các cụ ra khu đất lò gạch cũ. Lúc đầu dân không thuận vì địa thế chông chênh, phía sau do lấy đất làm gạch nên thấp hơn mặt đường khá nhiều, nếu làm thì sẽ tốn rất

nhieu công sức và tiền của nhưng không có địa điểm nào hơn nên đã chấp thuận và tiến hành xây dựng. Chỉ tính riêng việc xin cấp đất xây dựng và chọn đất đã mất 5 năm (1995 -1999) mới giải quyết xong. Sau đó, ông Nguyễn Hữu Điền (lúc đó là Chủ tịch tỉnh) đến thăm và gợi ý nên lùi vị trí vào phía trong để có được không gian thoáng rộng, nếu xây dựng trên diện tích đất giáp mặt đường thì sau này sẽ không có chỗ đứng cho nhân dân. Vì vậy, các cụ đã đề nghị UBND thành phố và Sở xây dựng xin lùi vị trí xây dựng vào phía trong.

Đến năm 2000 đền Tiên được xây dựng trên khu đất do địa phương quy hoạch, tuy không phải xây dựng trên nền đất cũ nhưng đã phục dựng trên cơ sở mẫu đền truyền thống kiểu chữ Đinh, bằng nguồn công đức của đông đảo nhân dân trong và ngoài địa phương đóng góp. Sau đó tiếp tục xây dựng thêm hai dãy tả vu – hữu vu phía trước đền. Năm 2011, Sở VH TT & DL cho phép phục hồi, tôn tạo nhà chuông, nhà chông. Năm 2012, Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt đã bước đầu lập quy hoạch di tích đền Tiên thành điểm di tích lịch sử văn hóa thành phố Việt Trì nhằm bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, tạo dựng thành quần thể di tích thiêng đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của khách tham quan; phấn đấu thành điểm đến của du lịch về cội nguồn của Phú Thọ, góp phần nâng cao đời sống văn hóa và chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương.

2.3. Quá trình phục dựng đền Tiên

Khi đến tìm hiểu về quá trình phục dựng đền Tiên, các cụ trong Ban quản lý đền đã không hài lòng khi tôi nhắc đến hai từ “phục dựng”. Tuy nhiên, nếu sử dụng từ “phục chế” hay “tôn tạo” thì cũng chưa đúng với đền vì “phục chế di tích là hoạt động tạo ra sản phẩm mới theo nguyên mẫu về chất liệu, hình thức và kỹ thuật để thay thế thành phần bị hư hỏng" [Thông tư số 18/2012, 2014: 338]. Còn ở

đây là xây dựng lại hoàn toàn trên đất mới, vật liệu mới, đồ thờ tự mới...không còn chút gì liên quan đến yếu tố gốc của di tích.

2.3.1. Quá trình đề nghị chính quyền phục dựng đền Tiên.

* Nhân dân với việc phục dựng:

Trong quá trình đề nghị xin phục dựng di tích đền Tiên, Hội người cao tuổi phường Tiên Cát chính là lực lượng đại diện cho nhân dân trong phường thực hiện các công việc. Những người này đã đi đến Viện Hán Nôm để xin sao lại các bản sắc phong, ngọc phả, văn tế, thần tích, thần sắc, hương ước xưa của làng Tiên Cát làm căn cứ bởi các di tích trong làng đã bị phá hủy hoàn toàn trong chiến tranh, không còn lại chút nền móng kiến trúc nào. Hội người cao tuổi và nhân dân đã nuôi nguyện vọng đó trong suốt nhiều năm liền (từ năm 1995) và đã làm đơn gửi đến các cơ quan chức năng để đề nghị cấp đất xây lại đền. Ông Nguyễn Hoài Thanh cho biết: lúc làm thủ tục xin đất và xây lại đền Tiên, ông đang công tác tại UBND phường (chủ tịch phường Tiên Cát) nên ông đã tích cực hậu thuẫn phía sau về thủ tục, văn bản để các cụ trong Hội người cao tuổi đi đề nghị cấp đất xây đền.

Những người hăng hái, đi đầu lúc đó hiện nay chỉ còn cụ Kham (99 tuổi), cụ và các cụ Trường, Liễn, Tuyên hết lần này đến lần khác đi đến UBND phường, UBND thành phố và UBND tỉnh để xin đất xây dựng đền. Năm 1998, căn cứ đề nghị của Hội người cao tuổi phường Tiên Cát, đồng thời với chủ trương của UBND tỉnh về quy hoạch chung thành phố Việt Trì và quy hoạch đền Tiên đã được phê duyệt tại Quyết định số: 1962/QĐ-UB ngày 11/12/1997, UBMT Tổ quốc phường Tiên Cát đã đề nghị UBND thành phố Việt Trì và các cơ quan chức năng có thẩm quyền cao hơn giải quyết về việc xin xây dựng đền Tiên và cấp đất theo đơn đề nghị của Hội người cao tuổi phường Tiên Cát.

* Chính quyền địa phương với việc phục dựng:

Năm 1999, UBND tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định số: 519/QĐ – UB ngày 23 tháng 3 năm 1999 và quyết định số 1465/QĐ – UB ngày 20 tháng 7 năm 1999 chính thức phê duyệt cấp đất xây dựng đền Tiên, chỉ đạo UBND thành phố Việt Trì cùng với Sở Xây dựng xem xét cụ thể khu đất cấp để xây dựng đền Tiên.

Tờ trình số 103/TT-UB ngày 21/2/2000 của UBND thành phố Việt Trì trình UBND tỉnh Phú Thọ đề nghị duyệt quy hoạch giao đất xây dựng đền Tiên thuộc khu vực đồng Ngược thuộc phố Anh Dũng, phường Tiên Cát. Khu đất này chính là đất chuyên dùng (khu đất lò gạch cũ). Sở Xây dựng Phú Thọ đã lập tờ trình số: 14/TT-QH-XD ngày 18/2/2000 gửi UBND tỉnh Phú Thọ xin phê duyệt giao đất xây dựng đền Tiên thuộc khu vực lò gạch phố Anh Dũng, khu đất do phường quản lý, theo chỉ giới ABCD, được thể hiện trên bản vẽ ký hiệu QHVT – 01 do phòng quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị - Sở Xây dựng Phú Thọ lập tháng 2/2000, có diện tích là 300m².

Trên cơ sở tờ trình của UBND thành phố và Sở Xây dựng, UBND tỉnh Phú Thọ đã ra Quyết định số 965/QĐ-UB ngày 24 tháng 4 năm 2000 về việc thu hồi và giao đất cho Hội người cao tuổi phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì xây dựng lại đền Tiên.

Quyết định số 1042/QĐ- UB ngày 8/5/2000 v/v cho phép Hội người cao tuổi phường Tiên Cát xây dựng đền Tiên. Diện tích tổng cộng là 300m² (dài 10m, rộng 15m), đồng thời lùi vị trí xây dựng đền Tiên cách tim đường QLII về phía trong là 58m do có dự án làm đường QLII (ban đầu dự kiến dựng đền gần đường vì nếu sâu bên trong thì tốn rất nhiều kinh phí cho việc san lấp mặt bằng).

Như vậy, sau nhiều năm vất vả đi xin đất phục dựng lại đền, được sự ủng hộ của chính quyền địa phương tuy không tránh khỏi những khó khăn gặp phải trong quá trình làm thủ tục. Đến năm 2000, trên cơ sở đất được cấp và

quyết định cho phép xây dựng, ngôi đền Tiên chính thức được phục dựng nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân địa phương.

2.3.2. Các tranh luận trước, trong khi tiến hành phục dựng

Sau khi UBND tỉnh có quyết định giao cho Hội người cao tuổi phường Tiên Cát xây dựng đền Tiên. Dưới sự chỉ đạo của UBND phường, Hội người cao tuổi đã tổ chức họp toàn dân để công bố Quyết định, đồng thời lấy ý kiến dân chủ cử người tham gia vào Ban quản lý vận động công đức xây dựng đền Tiên. Ông Nguyễn Văn Bén được cử làm Trưởng ban, sau đó thành lập ra các ban: Ban xây dựng (ông Liễn làm trưởng ban), ban khánh tiết (ông Tuyển làm trưởng ban), ban vận động công đức (bà Nghi làm trưởng ban). Nếu dựa vào quan sát thì việc xây dựng đền là cần thiết và tiến triển thuận lợi. Tuy nhiên khi chọn đề tài và điền dã, phỏng vấn nhằm thu thập tài liệu mới thấy có nhiều tranh luận cũng như ý kiến trái chiều giữa người dân với người dân, giữa nhân dân và chính quyền trước khi xây dựng đền.

Như đã trình bày ở phần trước, có nhiều người dân không tham dự cũng như không tán thành xây dựng. Các cụ cao tuổi lại nhiệt huyết với việc này. Một số người lúc đó cho rằng các cụ "ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng", "dối hơi" (cụ Kham nói). Khi đã được chấp thuận thì chính quyền địa phương với vai trò chỉ đạo, Hội người cao tuổi là đơn vị được cử thực hiện; song giữa chính quyền, Hội người Cao tuổi và một bộ phận người dân chưa có sự đồng thuận, vẫn còn có nhiều bất đồng quan điểm từ việc xây dựng cho đến quản lý. Theo tài liệu chép tay của cụ Bén (lưu giữ tại đền) và lời kể của ông Thanh, "Chủ tịch Hội người cao tuổi lúc đó là ông Trần Y, ông không đồng tình nhưng cũng không ủng hộ, chỉ ký các văn bản còn không tham gia bất cứ một hoạt động nào, không xuất hiện trong suốt thời gian xây dựng dù chỉ một lần". Năm 2000, trong khi đang tiến hành xây dựng, Hội người cao tuổi phố Thọ Mai, phường Tiên Cát đã có nhiều người phản đối về sự thật đền Tiên,

đồng thời làm đơn gửi Sở Văn hoá TT - TT Phú Thọ yêu cầu trả lời về sự thật đền Tiên sau khi có bài tuyên truyền về đền Tiên của nhà văn Khánh Hoài và Nguyễn Đức Giảng trên Báo Phú Thọ đã làm xôn xao dư luận trên địa bàn và sự hoài nghi về đền Tiên càng nhiều hơn. Ngay cả khi đền đã hoạt động được nhiều năm, song cho đến nay còn một số người vẫn giữ quan điểm không đồng tình với việc chính quyền địa phương cho xây dựng đền, cho rằng phong thủy của đền không đẹp. Hay cho rằng Ban quản lý đền đều là cán bộ của phường ra làm.

Trở lại với vấn đề kiến trúc của đền, trước khi xây dựng các cụ trong Ban kiến thiết xây dựng đền đã tổ chức Hội thảo để tranh thủ ý kiến bản vẽ thiết kế. Dự hội thảo ngày 25 tháng 11 năm 1999 có đại diện một số cơ quan, tổ chức gồm: Sở Văn hoá TT - TT, Thành phố Việt Trì, đại diện thiết kế và lãnh đạo phường cùng thành viên Ban kiến thiết xây dựng đền tham dự. Các vấn đề như: kiến trúc như thế nào, xây to hay bé, bằng vật liệu gì, kinh phí ở đâu?... được bàn bạc công khai. Theo tài liệu báo cáo chép tay của cụ Nguyễn Văn Bén, tại cuộc hội thảo, các ý kiến đều thống nhất thiết kế một ngôi đền mang dáng dấp cổ xưa, đảm bảo cả kỹ, mỹ thuật. Ông Thao cho rằng ông Lân (kỹ sư thiết kế) phải có ý tưởng gắn liền với công viên Văn Lang, có tham khảo các công trình kiến trúc cổ. Ông Tuấn (lúc đó là Phó Giám đốc Bảo tàng tỉnh Phú Thọ) cũng có ý kiến xây dựng cần chú ý phong thủy và đưa ra ý tưởng quy hoạch là di tích vệ tinh của di tích Đền Hùng. Các ý kiến về việc xây dựng: phải xây to cho đúng vị thế của Mẫu "không được làm tạm bợ hay nhỏ bé quá", nếu chưa có tiền thì "hãy dựng lấy cái hậu cung trước rồi nhân dân sẽ góp sức làm dần sẽ được". Bản thiết kế kiến trúc đền cũng phải vẽ đi vẽ lại qua ba lần mới đạt yêu cầu. Khi được duyệt rồi vẫn còn có những ý kiến không đồng nhất, người thì tán thành, người thì phản đối bởi lý do không nên làm to quá "chỉ nên làm vừa phải thôi". Khi xây dựng vẫn còn bất

đồng quan điểm khiến cho thợ xây đã buộc phải chọn phương án rút mỗi bên 0,9m so với thiết kế nên kiến trúc của đền hiện nay hai gian bên đầu hồi nhỏ hơn so với gian giữa, làm mất cân đối kiến trúc của đền.

Bàn về việc chọn lựa vật liệu xây đền. Cũng theo tài liệu, ban đầu các ý kiến đều thống nhất làm bằng gỗ. Gỗ và gạch đều được mua chịu ở Hà Nội (do Thượng toạ Thích Viên Thành giúp đỡ). Quá trình chọn gỗ do không có kinh nghiệm nên gỗ không đủ tiêu chuẩn để làm cột nên đã chuyển hướng sang làm bằng bê tông cốt thép. Chính vì vậy, kiến trúc hiện nay của đền gồm cột, xà, bẩy, mái...đều bằng bê tông cốt thép.

2.3.3. Người dân với việc vận động công đức để phục dựng:

Khi Ban vận động công đức được thành lập, các thành viên trong Ban đã đi đến các tổ chức, cá nhân để vận động công đức. Việc vận động được thực hiện tới toàn dân trong phường, không quy bổ đầu người mà hoàn toàn tự nguyện, ai không có công đức bằng tiền có thể tham gia bằng công lao động. Theo thống kê của cụ Nguyễn Văn Bén, ngày công lao động mà nhân dân tham gia gồm 5.049,5 công, có ngày có tới vài trăm người cùng tham gia lao động trên công trình, *có người không thiếu một buổi lao động nào*. Mọi người tham gia thấy phấn khởi, cùng với một số cá nhân ở ngoài địa phương tham gia công đức bằng tiền mặt đã giúp cho việc dựng lại đền Tiên nhanh chóng và thuận lợi, chỉ 17 tháng đã cơ bản xong đền cùng một số nội thất của đền. Thống kê của cụ Bén (năm 2004), nhân dân địa phương có 5.454 lượt người tham gia, các xã phường xung quanh có 627 người tham gia.

Kinh phí mà ban vận động đã nhận được trước khi tiến hành xây dựng đền Tiên gồm: Gạch = 50.000 viên, đá = 80m³, cát = 100m³, sỏi = 30m³, gỗ = 10m³ và số tiền mặt là 75.000.000đ. Sau khi xây dựng xong, thống kê lại thì số lượng tiền mặt và vật liệu công đức như sau: tiền mặt = 583.371.000đ; hiện vật tương đương tiền = 3.155.000đ; vật liệu xây dựng gồm: 7,5 tấn xi măng,

44.500 viên gạch, 395 khối cát, 15 khối sỏi, 200 cây tre, 20.888 khối đất đá phế thải (dùng đổ xuống nền). Trong đó tiền công đức của các cá nhân có 1.242 người tham gia công đức, tập thể có 263 đơn vị tham gia, nhà máy Bê tông công đức 25.000.000đ. Tất cả những cá nhân, tập thể công đức bằng tiền mặt hay hiện vật đều được ghi chép vào sổ ghi công đức cụ thể, lưu giữ tại đền.

Công đức xây dựng đền Tiên không chỉ nhân dân trong phường mà còn rất nhiều các cá nhân, tập thể tham gia công sức, tiền của cho quá trình vận động công đức. Phải kể đến đó là nhà văn Khánh Hoài (nguyên chủ tịch Hội văn học nghệ thuật thành phố Việt Trì). Ông là người đi sưu tầm các tư liệu dân gian, truyền thuyết, ngọc phả, bia mộ... về Mẫu rồi so sánh đối chiếu để xác định việc thờ tự Mẫu, viết báo tuyên truyền, vận động công đức .. Đó là Thượng tọa Thích Viên Thành đã cử Hòa thượng Thích Minh Hòa (ở chùa Hương) đưa đi, bảo lãnh cho việc mua gạch, gỗ chịu, giá cả phải chăng.

Đến nay, việc vận động công đức đối với các tập thể cá nhân vẫn tiếp tục duy trì tại đền nhằm thực hiện việc khang trang, đồng bộ cho đền Tiên. Năm 2015 - 2016, Ban quản lý đền Tiên tiếp tục vận động công đức nhằm lấy kinh phí dát vàng tượng Mẫu, hai công chúa và ba pho tượng Hoàng tử và sơn thếp đồ thờ tự trong đền. Tháng 5/2016, người dân sở tại và khách thập phương công đức được gần 70 triệu, trong đó có một nhóm cá nhân công đức 50 triệu đồng, còn lại là dân địa phương và người dân các phường khác biết tin đến công đức, trong đó một cá nhân ở phường Tân Dân công đức 2 triệu đồng để dát vàng cho ba pho tượng Hoàng tử.

2.3.4. Kiến trúc và tượng thờ

* Kiến trúc:

Sau khi được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt cấp đất và xây dựng, đền Tiên đã chính thức được khởi công xây dựng tháng 6 năm 2000. Đến nay ngôi đền đã đưa vào sử dụng thờ phụng phục vụ nhu cầu tâm linh được 16 năm (kể

từ khi xây dựng). Hiện nay kiến trúc của đền chưa có gì thay đổi so với thiết kế ban đầu của Công ty Tư vấn xây dựng. Đền được xây dựng theo kiến trúc kiểu chữ Đinh (), nền cao hơn sân khoảng 90cm, kết cấu chủ yếu bằng bê tông cốt thép, móng đền xây đá hộc, vữa xi măng; cửa sổ hoa bằng bê tông cốt thép không cánh.

Tòa tiền tế 3 gian, mái được thiết kế kiểu 4 mái đao cong bằng bê tông, trên dán ngói âm, trên nóc mái đắp hình “Lưỡng long châu nguyệt”. Cửa được thiết kế kiểu bức bàn bốn cánh kiểu thượng song hạ bản, trang trí tứ quý gồm “Đào, cúc, trúc, mai” và “long, ly, quy, phượng” được sơn thếp màu vàng; cột xi măng to đôn 4 bộ vì, 4 bộ vì theo kiểu giá chiêng trồng rường, tường được xây hoàn toàn bằng đá phiến, các đầu bảy vì kèo đều được đắp cách điệu y như gỗ, trông gần giống như kiến trúc cổ, nền lát gạch đỏ.

Hậu cung 3 gian (dài 7,2m x rộng 6,5m), được xây dật cấp 2 từ bệ trong ra ngoài. Bệ thứ nhất dài 3,2m, cao 1,42m, rộng 1,7m bên trên đặt 3 pho tượng bằng đá xanh có bệ ngồi, giữa là Mẫu và hai người em kết nghĩa của Mẫu. Bệ thứ 2 dài 2,75m x rộng 1,38m, cao 1,28m bên trên đặt 3 anh em Cự Linh, Ất Linh và Ling Thông Thủy.

Năm 2011, đền Tiên đã phục hồi, tôn tạo thêm nhà chuông, nhà trống phía trước hai bên đền tạo thành một quần thể kiến trúc rộng rãi, thoáng mát và tôn nghiêm. Đây là nơi dùng để hội họp cho việc chuẩn bị các ngày tế lễ tại đền hoặc là nơi để làm lễ tiếp nhận công đức của đồng bào và nhân dân.

Di tích đền Tiên có quy hoạch ban đầu là 300m². Đến nay quy hoạch chung tổng thể di tích đền Tiên có diện tích khu vực I là gần 3000m², khu vực II có diện tích hơn 2000m² (hiện nay UBND tỉnh cho phép Hội Phật giáo xây dựng chùa Cát Tường).

* Tượng thờ trong di tích:

Như đã nêu ở phần trước, ngôi đền đã bị phá hủy từ trong chiến tranh chống Pháp, không còn lại dấu vết kiến trúc hay đồ thờ tự. Hiện nay chỉ còn lưu giữ được **hai thanh đòn kiệu, một số hòm, mâm bông, mâm ấu, sắc phong, ngọc phả, thần tích, hương ước** còn lại hoàn toàn là hiện vật cung tiến mới và các hiện vật được thiết kế khi xây đền nên đồ thờ chưa đồng bộ.

- Tượng Mẫu: ngồi giữa trong hậu cung cao 1,5m được tạc bằng đá xanh, tượng ngồi trên bệ với khuôn mặt đôn hậu, tai chảy dài, tay trái để trên gối, tay phải để ngửa đặt trong lòng bàn tay là viên ngọc, tượng trưng cho sự sáng suốt linh ứng của Mẫu. Hai bên là tượng hai người em kết nghĩa, tượng được tạc ngồi trên bệ nhưng thấp hơn Mẫu (cao 1,3m), bên phải Mẫu là nàng Thủy Tinh, bên trái Mẫu là nàng Bạch Hoa.

Theo như tài liệu và những gì thu thập được qua quá trình tìm hiểu việc phục dựng đền Tiên, trước đây thờ tự Mẫu có thể bằng long ngai, không có tượng to như hiện nay, hoặc nếu có chỉ là tượng gỗ nhỏ bọc vải bên ngoài đặt trên long ngai trong khám thờ (theo như lời cụ Từ Nguyễn Văn Tuy). Vì vậy, khi lập dự án bài trí đồ thờ, cụ Xuyên khi đó là chủ tịch Hội văn học nghệ thuật thành phố Việt Trì đã đề xuất hai ý kiến: Đặt cả 6 tượng hay một tượng và 5 long ngai; Nếu đặt 6 tượng, tượng Mẫu đặt trong ngai trong khám thì các tượng khác như thế nào? Lãnh đạo phường cùng Ban quản lý đền, cụ Xuyên và nhân dân sau khi tham khảo các ý kiến của các nhà nghiên cứu đã quyết định chọn hướng làm cả 6 tượng, chỉ đặt trên bệ đá, không đặt trên long ngai. Cụ Xuyên là người có công lao rất lớn trong việc phục dựng lại đền Tiên, cụ đã đi nhiều nơi để thu thập tư liệu về Mẫu và việc thờ tự Mẫu. Khi nghiên cứu xây dựng hình tượng Mẫu, cụ đã chụp ảnh, phôi tô ký họa rất nhiều tượng Mẫu như: Mẫu Âu Cơ, Mẫu Tây Thiên, công chúa Tiên Dung – Ngọc Hoa, Hai Bà Trưng, nữ tướng Lê Chân, bà chúa Kho, Mẫu Liễu Hạnh... để có thể sáng tác ra hàng chục mẫu khác nhau, nhưng các mẫu hình đó không được

chấp nhận do không đảm bảo các yêu cầu đã đề ra. Sau khi nghiên cứu lại các hình mẫu, có nghiên cứu tham khảo thêm các hoa văn, họa tiết văn hóa Đông Sơn, nghiên cứu, xây dựng ý tưởng rồi chuyển cho họa sỹ phác thảo, rồi đem đi tranh thủ ý kiến của những người có hiểu biết, treo ở đền 1 tháng để nhân dân góp ý trước khi hội thảo và thuê làm một tượng nhỏ như thiết kế để trình bày. Sau khi thống nhất ý kiến, chuyển cho nhóm điêu khắc tính toán giá thành và tạc tượng. Trong thời gian này cụ tiếp tục vận động công đức, các cá nhân tập thể có thể mang đến đền hoặc trả trực tiếp cho nhóm điêu khắc (không nhớ tên) có xưởng ở gần cầu Oai (Vĩnh Phúc). Việc nhìn thấy một khối tượng nhỏ đặt dưới chân Mẫu hiện nay khiến tôi tò mò và đã được cụ Từ giải thích một cách dễ hiểu. Tượng nhỏ này chính là thành công của sự tương tượng giữa việc thờ tự dân gian với Mẫu hiện tại, bao gồm cả yếu tố văn hóa, nghệ thuật.

- Tượng của ba chàng Cự Linh, Ất Linh và Thông Thủy (đặt phía trước, lớp dưới tượng Mẫu) cũng làm như tượng Mẫu. Ở giữa là người anh cả Cự Linh được tạc bằng đá xanh, đầu đội mũ, thân hình khỏe khoắn, tay cầm thẻ bài thể hiện quyền uy của người đứng tướng; bên trái và bên phải là tượng của hai người em cũng được tạc bằng đá xanh.

- Hiện vật khác: Bao gồm các câu đối, hoành phi, khám thờ, cửa võng, mâm ầu, hòm sắc, kiệu bát cống...

+ Hoành phi:

Hoành phi 1: Chí tai khô nguyên (Nghĩa: Đền từ thuở có trời đất)

Hoành phi 2: Thủy Tổ Quốc Mẫu (Nghĩa: Mẫu đầu tiên của đất nước)

Hoành phi 3: Tối linh điện (Nghĩa: Điện thiêng nhất)

Hoành phi 4: Thiên hạ thái bình

Hoành phi 5: Sơn hà cảm tú

+ Câu đối: Ban đầu được làm cùng thiết kế gồm 4 đôi câu đối. Năm 2016, được công đức thêm 02 đôi câu đối.

Câu 1:

VP: Thủy tổ Hồng Bàng sinh bách tính

VT: Mẫu nghi Lạc Việt phát thiên chi

(Nghĩa: Tổ đầu Hồng Bàng sinh ra trăm họ; Đức Mẫu nghi nước Lạc Việt nảy nghìn cành)

Câu 2:

VP: Phong Châu bảo đại lưu thiên cổ

VT: Tiên Cát linh từ trực ức niên

(Nghĩa: Đất quý Phong Châu lưu nghìn thừa; Đền thiêng Tiên Cát vững triệu năm)

Câu 3:

VP: Thiên khai nhất giới nam phương vạn cổ anh linh

VT: Địa truyền thập bát Hùng triều ức niên Hùng thịnh

(Nghĩa: Trời mở cõi phương nam vạn cổ anh linh;

Đất truyền mười tám triều Hùng muôn đời thịnh trị)

Câu 4:

VP: Tổ mẫu khai nguyên, vạn cổ anh linh chiếu nhật nguyệt

VT: Hùng triều bảo nghiệp, ức niên trường tại lãng càn khôn

(Nghĩa: Tổ Mẫu khai cơ muôn thuở anh linh sáng như vàng nhật nguyệt;

Hùng triều nổi nghiệp muôn đời gìn giữ sánh càn khôn)

Câu 5: (Bà Tâm, quận 10, Tp. HCM công đức tháng 4/2016)

VP: Phụ tại đại đồng thành miếu vũ tôn nghiêm lưu viễn cổ

VT: Mẫu nghi Tiên Cát điện linh từ chính khí trực niên trường

Câu 6: (Gia đình ở phường Tân Dân công đức ngày 28/4/2016)

VP: Thủy Tổ Hùng triều khơi đế vương

VT: Khai sinh quốc tinh Hồng bàng thể.

+ Khám thờ: đặt phía trước hai bệ của hai lớp tượng trên dài 2,75m, rộng 1,34m, cao 1,27m. Mặt trước và hai bên khám thờ được trạm nổi hình tứ linh “Long, Ly, Quy, Phượng”, xung quanh thể hiện hình trống đồng và các thiếu nữ đang đánh trống đồng. Sự thể hiện trong bố cục cũng như nét trạm trổ tinh xảo này mang đặc phong cách thời Lê – Nguyễn. Bên trên khám thờ đặt đồ thờ thất sự gồm nội hương đồng, đỉnh hương đồng, mâm bồng đồng, ống hương, ống hoa, cây đèn đồng, đài – đầu.

Bức phù điêu phía sau tương Mẫ thể hiện sinh động toàn cảnh núi non sông nước, sơn thủy hữu tình, có pha trộn thêm hình ảnh Ngũ hành: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ tương ứng với các màu trong bức tranh.

+ Hòm sắc: được sơn son thếp bạc, đặt trên khám thờ. Trước đây hòm sắc để trong nhà dân, khi khánh thành đền mới chuyển về. Chỉ đặt tượng trưng không có sắc phong, ngọc phả.

Hiện vật đồng: gồm có các đồ thờ là nội hương, cây đèn, đỉnh, hạc...

+ Sắc phong: có 5 đạo sắc phong các thời: vua Tự Đức 11 (1858), Tự Đức 31 (1873), vua Đồng Khánh 2 (1887). Hiện nay đền chỉ lưu giữ bản phôi tô quyền Ngọc phả văn tế và sắc phong gồm 59 trang chữ Hán và 47 trang bản dịch, còn bản chính được giao cho Trường ban quản lý đền được cất giữ.

+ Văn tế có: Văn tế Tịch điền ngày 3 tháng Giêng, văn tế kỳ xuân ngày mồng 1 tháng 2, văn tế thánh đàn ngày Đuan Ngọ 5/5, văn tế lễ thường tân tháng 8, văn tế tịch an vị ngày 9 và 10 tháng 10, văn tế thông điền, hạ điền văn đảo vũ vì hạn lâu ngày, văn tạ lễ khi cầu được mưa, văn tạ lễ cầu đảo lâu chưa ứng, văn tế cầu an, văn tế thần sông. Các ngày nêu trên được tính theo âm lịch. Tuy nhiên, chỉ tổ chức tế tại đền vào ngày 10 tháng 10 âm lịch, còn lại các ngày lễ khác thì ông Từ làm lễ tại đền theo tuần tiết, bài cúng dựa theo

văn tế lưu tại đền có điều chỉnh, bổ sung theo bối cảnh và ước nguyện từng thời điểm xã hội, không tổ chức gì khác.

2.4. Phục dựng lễ hội đền Tiên

2.4.1. Lễ hội đền Tiên trong xã hội cổ truyền

Lễ và hội là một tổng thể thống nhất không thể chia tách. Lễ là phần tín ngưỡng, là phần thế giới tâm linh. “Lễ trong lễ hội là một hệ thống các hành vi, động tác nhằm biểu hiện lòng tôn kính đối với thần linh” [35, tr67] hay với thần thành hoàng, phản ánh những ước mơ nguyện vọng chính đáng của con người trước cuộc sống mà họ chưa có khả năng cải tạo. Còn hội là phần tập hợp các hoạt động văn hóa dân gian bao gồm các hoạt động vui chơi, giải trí thể hiện đời sống văn hóa thường nhật của cộng đồng. Hội gắn với lễ và chịu sự quy định nhất định của lễ, có lễ mới có hội; lễ và hội là một hệ thống liên kết có trật tự trước sau và bao giờ phần lễ cũng được tổ chức trước sau đó mới tổ chức các hoạt động phần hội.

Lễ hội của làng Tiên Cát giống như các lễ hội của các làng xã khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, được tổ chức trong không gian của làng, vào các dịp nông nhàn khi mùa vụ được người dân thu hoạch xong xuôi, mùa màng bội thu, người dân tổ chức lễ hội nhằm bày tỏ lòng thành kính trước Thần linh. Theo Trần Quốc Vượng thì “khoảng thời gian nghỉ ngơi này là dịp để người dân vừa cảm ơn thần linh đã phù hộ cho họ một mùa màng sắp tới” [2008, 97] Thông thường lễ hội được tổ chức mỗi năm một lần, nhưng còn tùy thuộc vào mùa vụ năm đó mà được mùa thì dân làng tổ chức với quy mô lớn hơn. Lễ hội nhằm mục đích tôn vinh công đức của người xưa được dân làng thờ phụng đã được hiển thánh quay trở lại phù hộ cho dân làng có được mùa màng tốt tươi, cuộc sống ấm no hạnh phúc. Lễ hội đền Tiên có điều đặc biệt so với các lễ hội khác bởi nơi đây thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu nhưng di tích đã không tổ chức trong thời gian dài, do vậy khi được khôi phục lại đã tổ chức lễ hội trên cơ sở

huong ước, có điều chỉnh để phù hợp với điều kiện hiện tại. Tuy nhiên một số hèm tục vẫn được các cụ giữ cho đến nay đó là khi các cụ Từ mở cửa đền đều phải nắm hai tay vào nhau 3 nắm, cầu khẩn để cho hai ông chẵn trong đền biến mất, nếu không làm việc ấy thì sẽ dẫn đến sự không may cho dân làng. Ngoài ra còn tuyệt đối không mặc trang phục cho ngày lễ là màu xanh cánh chả và màu vàng. Điều này được nhân dân tin và trở thành niềm tin thiêng liêng với những người thực hiện công việc tại đền.

Bản *Hương ước* của làng Tiên Cát, tổng Minh Nông, huyện Hạc Trì năm 1942 được sao lại bản *Hương ước* năm 1932 của Thư ký Kỳ mục Nguyễn Văn Thìn có ghi chép 23 điều mục khoán ước mà dân làng phải thực hiện trong đó mục thứ hai mươi ba có ghi rõ “việc cắt cử thủ từ trong ba giáp phải chọn lấy mỗi giáp một người: phong quang cẩn thận thì ra làm thủ từ để trông coi cho sạch sẽ”.

Phần “lệ” của làng có mười chín điều quy định về các ngày tiệc, lễ trong các ngày tiệc của làng ... và quy định “Lễ tiên thường tân của đền đã có công điền cắt lượt các giáp, mỗi năm một giáp làm ruộng công ấy rồi lấy tiền sửa lễ, lễ xong giáp ấy tự ăn uống”. Điều thứ ba quy định: “ngày tiệc mồng năm tháng năm là ngày sinh thần, năm phong cả giáp mua con lợn giá năm đồng bạc, năm kiệu sửa lễ gà xôi, tiền ấy bỏ suốt hương ẩm lễ xong rồi đều ăn uống”. Điều thứ năm quy định: “Ngày tiệc tháng Mười là ngày hóa thân, ngày mồng 9 nhập tịch, năm phong mỗi giáp mổ một con lợn giá năm đồng bạc, năm kiệu sửa lễ xôi gà, tiền ấy bỏ về cả thôn. Đến ngày mồng 10, ngày 11, đã cắt lượt các giáp, mỗi giáp một ngày mổ một con lợn đực đen tuyền (tức lợn lành) không phải mua”.

“Việc cắt tế tháng Mười đến ngày 30 tháng 9 Hương hội cho dân hội tại công sở để bàn định việc tiệc và chọn một người có danh vọng chức sắc khoa mục có đủ con trai con gái thì dân cử làm tế chủ và ba người thông hiểu chữ

nghĩa hành văn đọc chúc, chuyển chúc còn châu hành lễ và phù giá chấp kích san bỏ về các giáp cử lấy người. Đến chiều hôm mùng 8 tháng Mười để kê danh sách cử ai làm việc gì phải làm cho cẩn thận, nếu ai thất lễ, hỏng đồ khí lễ thì dân bắt đền người ấy, còn khi dọn đồ khí – lễ bên đông đem ra, bên đông đem về các chân hành lễ trong 3 ngày tiệc xong thì dân chiều thứ vị dầu cau, thiên nhân tước thủ lễ và hành lễ”.

Theo như lời kể của các cụ cao niên: Trước đây để chuẩn bị cho ngày chính kỵ, tức ngày mùng 10 tháng 10 âm lịch, từ trước hàng tháng, các vị chức sắc và bô lão của làng sẽ tổ chức một cuộc họp quan trọng tại đình để bàn bạc việc lễ hội. Tại cuộc họp, các thành viên bao gồm các chức sắc và hương lão sẽ được phát biểu về công việc chuẩn bị tiệc, về việc bầu tể chủ cho buổi tiệc và cách thức tổ chức rồi cứ theo thế mà làm, không ai bàn cãi nữa. Việc bàn bạc này công khai. Thông thường các lễ thường thì lấy từ tiền làm ruộng công để sửa lễ, mỗi năm một giáp. Còn lễ chính kỵ thì các giáp cùng mổ lợn đực do giáp cử người nuôi, lợn đen tuyền, được nuôi sạch chỉ bằng nước gạo và cơm, ngày giỗ đem mổ lấy thủ để cúng. Vào ngày tiệc của Mẫu, lễ vật đã được dâng cúng từ chiều ngày mùng 9, gọi là lễ Nhập tịch. Sáng ngày mùng 10/10, các giáp Đông Vượng, Phú Điền, Đàng làng cùng rước kiệu của giáp mình đến lễ Mẫu, lễ vật rước trên kiệu gồm thủ lợn, xôi gà, hoa, quả... đến đền lễ, lễ xong giáp nào lại rước về giáp ấy để thụ lộc.

Việc chọn tể chủ rất quan trọng bởi không những là nghĩa vụ mà còn là vinh dự đại diện cho làng hành lễ, tấm lòng thành của tể chủ đồng thời giúp dân làng có được sự yên ổn, may mắn. Vì vậy tiêu chuẩn chọn tể chủ rất cẩn thận. Về tuổi tác, phải là người đứng tuổi, từ 50 - 60 tuổi trở lên. Về kinh tế, là người có mức sống khá giả, được người làng thừa nhận ngợi khen. Về đạo đức, sống trong sạch, có uy tín trong làng. Về gia cảnh, có con trai, con gái, vợ chồng hòa thuận, không có tang. Về thân thể phải khỏe mạnh, không có

khuyết tật. Vì vậy, tế chủ của đền Tiên trước đây đều là người có danh vọng chức sắc trong làng.

Dựa trên cơ sở Hương ước và lệ xưa, ngày nay việc chọn cử ông Từ của đền phải là người dân gốc sống trên địa bàn phường, gia đình không có bụi (tức không có tang), đạt gia đình văn hóa, tuổi từ 60 trở lên. Riêng Trưởng ban quản lý đền từ khi phục dựng đến nay tuy không phải là chức sắc trong phường nhưng đều là những cán bộ đã nghỉ hưu, có chức vụ trước khi nghỉ công tác như ông Nguyễn Văn Bén từng là Bí thư Đảng ủy xã Chính Nghĩa (nay là Phường Tiên Cát), ông Nguyễn Văn Tứ - Thường trực Hội người cao tuổi, ông Nguyễn Hoài Thanh, là chủ tịch phường từ năm 1984 – 1995. Các ngày tiệc tại đền như tiệc ngày mừng 5 tháng 5 hay mừng 10 tháng 10 âm lịch do Ban quản lý đền chuẩn bị trên cơ sở tiền công đức, giọt dầu của nhân dân; tổ chức trên cơ sở có sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, lễ vật được quy định chặt chẽ theo lệ cũ tuy có đơn giản hơn để phù hợp với điều kiện thực tế. Chẳng hạn, ngày mừng 5 tháng 5 âm lịch, lễ ngày sinh thần gồm lợn quay, xôi, hoa quả các loại; tiệc ngày mừng 10 tháng 10 gồm: xôi gà, thủ lợn, bánh chưng, bánh dày, hoa quả... Ngày nay, ngày mừng 5 tháng 5, đền không tổ chức tế, chỉ làm lễ vào đúng ngày kỷ niệm; còn ngày mừng 10 tháng 10 là ngày kỵ của Mẫu do vậy địa phương tổ chức lễ tế long trọng, trang nghiêm, thành kính. Dự lễ có lãnh đạo thành phố Việt Trì và phường Tiên Cát, một số tập thể, cá nhân đang hoạt động kinh doanh trên địa bàn phường, cùng nhân dân các khu phố trên địa bàn phường và các vùng lân cận. Lễ tế trước đây không quy định về tế nữ, song do so sánh với đền Mẫu Âu Cơ (Hạ Hòa – Phú Thọ) chỉ có tế nữ quan, không có tế nam. Để hài hòa, nên hiện nay trong đền tồn tại cả hai dạng: tế nam và tế nữ.

Phần hội của đền được dân làng tổ chức sau nghi lễ tế và dâng lễ của các giáp. Trước kia, tối ngày mùng 10 và ngày 11 tháng 10 âm lịch, dân làng tổ

chức các hoạt động vui chơi, mời các gánh hát về hát tại đình và tổ chức thi kéo co, thi hát nhà tơ, múa sinh tiền...cho dân tham gia vui chơi, ăn uống cộng cảm.

Múa sinh tiền là điệu múa có sử dụng nhạc khí: sinh tiền, trống khâu, mõ, sáo, nhị. Mỗi đội múa sinh tiền có nhiều người, cả già, trẻ, nam, nữ; nhạc khí do nam sử dụng. Khi rước kiệu, những người múa sinh tiền đi trước. Mọi người đều mặc y phục màu sắc rực rỡ, áo có tua dải, chỉ nhiều màu rất đẹp. Đội múa sẽ múa theo tiếng trống chiêng của đoàn rước kiệu tạo nên không khí hoành tráng, vui tươi nhưng vẫn trang nghiêm của buổi lễ.

Kéo co cũng là một trò chơi vui khỏe tập thể rất phổ biến ở hội làng. Trò chơi này không đòi hỏi nhiều công phu luyện tập như các trò chơi khác như đấu vật, cướp phết...mà rất giản dị, đầy tiếng cười vui. Kéo co thường dùng một đoạn dây song hoặc dây trạc to dài khoảng 20 m. Người chơi sẽ chia thành hai bên, mỗi bên cầm một đầu dây, ở giữa túm một buộc vải đỏ làm chuẩn. Khi kéo vải đỏ sẽ di chuyển khỏi vạch với ban đầu và nhích về phía bên nào kéo khỏe hơn. Kết quả sẽ rất vui vì đội thua thường buông tay còn đội thắng sẽ ngã “chông cù”, người nọ chông lên người kia.

Ngoài ra, dân làng Tiên Cát còn tham gia hội thi bơi chải trên sông Thao vào những dịp tháng 5, tháng 6 âm lịch, là hình thức để cầu nước lui vì tháng 5,6 là mùa nước lên. Khi bơi chải, quần áo các tay chèo, cờ và mái chèo đều cùng màu với chải. Mỗi chải có khoảng 24 khoang, với 48 tay chèo, một người gõ mõ làm hiệu và một người lái. Người gõ mõ làm hiệu lệnh cho các tay chèo, tay gõ, miệng hô: “Dô huych! Hồ huych”. Buổi bơi chải sẽ bơi từ Bạch Hạc về làng Tiên sau đó lại quay về Bạch Hạc. Bơi chải chính là hình thức cầu an vào đầu mùa mưa, cầu mưa thuận gió hòa, cầu lui nước/cầu tạnh của người dân ven sông.

Hiện nay, các tục lệ hát đờm hay vui chơi dân gian không còn được tổ chức bởi lý do thời gian, con người và kinh tế. Người tham gia các hoạt động tại đền là cán bộ hưu trí và những người có tuổi đang tham gia Hội Phật giáo... còn số đông không tham gia nhiều trong các hoạt động tại đền do điều kiện công việc và sinh kế. Sau khi tổ chức tế lễ tại đền, các khu dân cư về ăn uống cộng cảm tại khu của mình, do vậy, thời gian tổ chức các hoạt động cũng đồng thời phải giảm thiểu cho phù hợp.

2.4.2. Lễ hội đền Tiên sau phục hồi

Kể từ khi đền Tiên được phục dựng, lễ hội đền Tiên được tổ chức tại khuôn viên của đền, bao gồm cả phần lễ và phần hội. Phần tế lễ tại đền là chủ yếu, phần hội thường tổ chức đơn giản hơn nhiều so với trước kia chủ yếu là biểu diễn múa quạt, văn nghệ do nhân dân các khu phố trong phường biểu diễn.

* Lịch lễ hội:

Tại đền tổ chức các ngày lễ trong năm như: Ngày sinh của Mẫu (Lễ Thánh đản) ngày 5/5, ngày chính kỵ mùng 10/10 (tức ngày giỗ của Mẫu), các ngày lễ đầu xuân từ mùng 1 đến mùng 3,4,5/Giêng, lễ kỳ xuân mùng 1 tháng 2, lễ cầu an, lễ hạ điền, lễ vào hạ, lễ thường tân tháng 8... Lễ hội đền Tiên hiện nay được tổ chức dựa trên cơ sở hương ước của làng Tiên Cát năm 1942 do Thư ký kỳ mục Nguyễn Văn Thìn thừa sao hương ước năm 1932 của làng Tiên Cát, đặc biệt chú trọng ngày chính kỵ mùng 10/10 (tức ngày giỗ của Mẫu).

* Công tác chuẩn bị:

Để chuẩn bị cho ngày chính giỗ của Mẫu (mùng 10/10 â.1), các ông bà trong Ban khánh tiết và Ban quản lý đền phối hợp với UBND phường xây dựng kế hoạch tổng thể, phương án đảm bảo an ninh trật tự để tổ chức lễ hội; Bố trí lực lượng chuẩn bị dựng rạp, phong bạt, âm thanh, ánh sáng, thuê đội nhạc tế phục vụ lễ hội. Kiểm tra, chỉnh trang, dọn vệ sinh khu vực Đền thờ để phục vụ Lễ hội; Chuẩn bị các nội dung, chương trình phục vụ cho lễ hội: các

bài diển văn khai mạc, bế mạc, ..; Chinh trang, vệ sinh sạch sẽ phía trước, sau và trong đền để phục vụ lễ hội: Tập hợp các đội tế nam và tế nữ, kiểm tra trang phục và đồ tế khí phục vụ việc tế lễ v.v...

* Mua sắm lễ vật và tổ chức ngày lễ:

Những người trong Ban Quản lý đền được chính quyền địa phương ủy quyền cho việc trực tiếp chuẩn bị, mua sắm lễ vật cho ngày giỗ Mẫu. Kinh phí chủ yếu dựa trên nguồn công đức của khách thập phương và nhân dân về công đức trước đó.

Lễ Nhập tịch: Chiều ngày mùng 9/10 â.1, các ông, bà trong Ban quản lý đền chủ động việc chuẩn bị lễ vật và cúng tế. Lễ gồm: xôi gà, thủ lợn, bánh chưng, bánh dầy, hoa quả các loại.

Lễ ngày chính kỵ, tức ngày 10/10 â.1: Chương trình gồm: Tế lễ của đội tế nam và tế nữ; Dâng lễ vật của các khu dân cư, các tập thể và doanh nghiệp đóng trên địa bàn và các đại biểu đền Kinh Dương Vương; Các hoạt động văn nghệ dân gian của các khu dân cư và biểu diễn Trống hội của đoàn Bắc Ninh... Kết thúc lễ các đại biểu thụ lộc tại đền.

Theo diển trình, các khu phố theo tục lệ cổ, thay vì các giáp, các phe nay gồm có: phố Đoàn Kết, phố Anh Dũng, phố Thi đua, phố Tiên Phong, phố Thành Công và phố Minh Hà 1 cùng tổ chức rước kiệu lễ vật (kiệu nhỏ gồm 4 người khiêng) về đền để giỗ Mẫu. Lễ vật bao gồm xôi gà, thủ lợn, hoa quả.... Tùy theo điều kiện của mỗi phố, có khi lễ có cả con lợn quay cùng các thứ hoa quả. Phố sẽ chọn cử ra một số nam thanh nữ tú làm giai kiệu để rước lễ vật cùng đội bát âm, sinh tiền và đoàn đại biểu của khu phố tham dự lễ rước. Đoàn kiệu sẽ đi từ khu dân cư (nhà văn hóa) rước đến đền. Đến sân đền, kiệu của 6 khu phố sẽ tập trung phía trước sân đền theo hướng châu vào đền, còn lễ vật sẽ được dâng cúng trong hậu cung đền thờ Mẫu. Trước đây, việc chọn cử ra các đội tham gia lễ rước khá thuận lợi, nhưng nay các thanh niên nam,

nữ đến tuổi đều đi học hoặc đi làm nên khó để lựa chọn hoặc gọi tham gia. Một số người vì điều kiện công việc nên thậm chí không có thời gian để đi lễ đền vào ngày thường, chỉ tranh thủ đi tối hoặc sáng sớm. Nếu ngày rằm, mừng một vào ngày chủ nhật thì mới có thời gian đi được. Đó là điều mà tôi nhận thấy khi quan sát và tiếp cận khách đến thắp hương tại đền. Và đây cũng chính là khó khăn về nhân lực cho đền Tiên nói riêng và các di tích khác khi tổ chức lễ hội hiện nay. Chẳng hạn, dịp giỗ Tổ Hùng Vương, xã Hy Cương từ xưa được phong Dân trưởng tạo lệ, hàng năm được vinh dự rước kiệu lên đền cùng đoàn đại biểu lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các bộ, ngành, đoàn thể trong lễ dâng hương. Vinh dự là thế, song để có được số lượng 50 người trong đoàn rước, cán bộ xã đã đi vận động từng nhà để tham gia.

Năm 2002, khi mới khánh thành đền, địa phương đã tổ chức rước kiệu sang khu vực miếu cũ của Mẫu làm lễ nghinh rước Mẫu về đền dự lễ, bởi cho rằng Mẫu vẫn còn ngự trên đất của Ngài ở bên khu vực Nhà máy Bê tông. Khi đi rước như vậy, kiệu bát công 8 người khiêng đi rất nặng, nhưng khi từ miếu về thì nhẹ như bay, vừa đi vừa chạy được. Hiện nay không còn rước kiệu sang miếu mà chỉ tượng trưng bằng cỗ kiệu đặt ngoài sân đền theo hướng châu vào khi làm lễ tế bởi thiếu người tham gia, cỗ kiệu bát công rất nặng, không có đủ người làm giai kiệu.

Trong buổi lễ giỗ Mẫu, nghi thức khá quan trọng tạo thêm không khí cho buổi lễ đó là lễ tế của đội tế nam và tế nữ phường Tiên Cát. Chủ tế mặc áo thụng đỏ, mũ dài đỏ, chân đi hia. Các thành viên đội tế mặc áo thụng dài màu hồng, màu xanh (kiêng màu vàng), đầu đội mũ có dải; áo tế có thắt đai, đính kim sa sặc sỡ sắc màu trông khá đẹp, trên đầu của các tế nữ đội mũ có đính kim sa. Đội múa sinh tiền không thể thiếu trong buổi tế của các cụ. Do đặc thù địa phương có tổ chức cả tế nam và tế nữ do vậy các cụ không tế ba tuần mà tổ chức tế gộp ba tuần dâng lễ vào một lần.

Buổi tế bắt đầu với một hồi chiêng trống giục giã, các cụ trong ban tế người nào về vị trí của mình. Để bắt đầu, Đông Xướng, Tây Xướng hô to: *Khởi chinh cổ. Nhạc sinh cử nhạc.* Hưởng ứng hiệu lệnh, phường nhạc Bát âm nổi nhạc, tất cả đội tế tiến ra với trang phục chỉnh tề, đi theo hàng tiến về vị trí đã quy định trước sân đền bắt đầu buổi lễ. Theo phân xướng của Đông Xướng, Tây Xướng chủ tế và các quan viên cùng thực hiện các thao tác: *Quán tẩy* (rửa tay bằng nước thơm) sau đó chỉnh sửa cân đai mũ áo vào trong đền *cử soát lễ vật* (kiểm tra lễ vật), xong rồi quay về vị trí như ban đầu. Khi người xướng hô: *Bồi tế viên tựu vị. Tế chủ tựu vị* thì hai người bồi tế bước vào chiếu tế trước sau đó chủ tế bước vào vị trí giữa chiếu tế. Chủ tế và các quan viên trong khi di chuyển tại chiếu tế phải di chuyển theo kiểu nhập Á, xuất Á nghĩa là chủ tế phải đi thẳng rồi rẽ sang bên phải hoặc bên trái một bước, bước đi gãy khúc như kiểu chữ A rồi mới tiến hoặc lùi về chiếu tế. Xướng *Thượng hương, hoa, dâng chủ tế* dâng hương, hoa, đèn nến vào trong hậu cung nơi có ban thờ Mẫu, sau đó lùi xuống chiếu tế.

Tiếp đến là phần chủ tế dâng rượu. Phần này được chủ tế thực hiện ba lần gọi là Tam tuần: “Hành sơ hiến lễ”, “hành á hiến lễ” “hành chung hiến lễ”. Tiếp đến là phần dâng chúc, đọc chúc vị và hóa chúc. Chúc sau khi tuyên đọc xong thì lấy khỏi giá trúc để hóa, Chủ tế hóa chúc phải đốt cho chúc cháy từ từ, cầm trên tay rồi bung lên cao cho cháy hết. Chúc phải cháy hết thì năm đó mời may mắn, mọi sự tốt lành. Hóa chúc xong chủ tế vái ba vái rồi lui về chiếu. Chủ tế, bồi tế, chấp sự quan viên cùng nhau chỉnh tề trang phục vái 5 vái, tất cả mọi người dự lễ cùng vái lạy để cảm tạ công đức của thần và cầu cho thần tiếp tục hiển linh để phù hộ, che chở cho dân làng bình yên.

Sau khi tổ chức xong phần tế, lễ, các đại biểu và nhân dân cùng xem biểu diễn múa quạt, văn nghệ....do nhân dân trong phường biểu diễn. Kết thúc

chương trình văn nghệ, khu phố nào có lễ sẽ mang lễ vật trở về khu phố ấy để cùng nhau thụ hưởng lễ vật. Phần lễ hội kết thúc.

2.4.3. Hình thức quản lý và tổ chức thực hiện tại đền Tiên

Sau khi có quyết định chính thức về việc giao đất và cho phép phục dựng lại đền Tiên, UBND phường Tiên Cát đã giao cho Hội người cao tuổi đứng ra chủ trì việc vận động công đức xây dựng đền Tiên và thành lập Ban quản lý xây dựng đền Tiên gồm 15 thành viên:

1. Ông Nguyễn Văn Bén – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Văn Liên – Phó trưởng ban
3. Ông Nguyễn Văn Tứ - Phó trưởng ban
5. Ông Lê Quang Bưởi – UV
6. Ông Nguyễn Văn Tuyên – UV
7. Bà Nguyễn Thi Kham – UV
8. Ông Nguyễn Văn Mây –UV
9. Ông Nguyễn Văn Thệ - UV
10. Ông Nguyễn Viết Lãng – UV
11. Ông Nguyễn Lê Nền – UV
12. Ông Nguyễn Văn Xòong –UV
13. Ông Nguyễn Thanh Mạnh – UV
14. Ông Nguyễn Văn Tuấn – UV
15. Bà Lê Thị Thân – UV

Các thành viên nêu trên sẽ có nhiệm vụ vận động công đức xây dựng đền Tiên, tổ chức thi công và quản lý công trình theo như thiết kế và các quy định hiện hành.

Sau khi đền phục dựng, Ban quản lý tiếp tục hoạt động và đã vận động được nhiều cá nhân, tập thể công đức tôn tạo thêm các hạng mục khác trong công trình và cung tiến các hiện vật là đồ thờ tự bổ sung đồ thờ thêm hoàn

thiện, khang trang. Năm 2005, từ thực tế hoạt động, UBND phường Tiên Cát công nhận Ban quản lý, ban khánh tiết đền Tiên tại Quyết định 01/QĐ-UB ngày 6/01/2005 gồm 9 thành viên: ông Nguyễn Văn Tứ - Thường trực Hội người cao tuổi làm trưởng ban, ông Nguyễn Văn Bén – phó ban, và các thành viên: ông Nguyễn Lê Nên, ông Nguyễn Văn Mây, ông Nguyễn Văn Liêm, ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Nguyễn Thị Minh Khang, ông Nguyễn Việt Lãng, bà Nguyễn Thị Oanh nhằm thực hiện nhiệm vụ quản lý di tích, tổ chức các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng tại di tích. Năm 2013, Ban quản lý được kiện toàn lại gồm 7 thành viên chịu sự chỉ đạo trực tiếp của UBND phường Tiên Cát, ông Phan Quang Đăng – Phó chủ tịch UBND phường làm trưởng ban, ông Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Lê Nên - phó ban và 4 thành viên: Phạm Xuân Hạnh, Nguyễn Thị Thân, Nguyễn Văn Tuy, Đào Mạnh Trung. Năm 2015, trên cơ sở cuộc họp thống nhất giữa Ban quản lý đền và UBND phường Tiên Cát đã quyết định kiện toàn lại Ban quản lý di tích lịch sử đền Tiên bao gồm 8 thành viên, trưởng ban là ông Nguyễn Hoài Thanh, nguyên là Chủ tịch phường đã nghỉ hưu, ông Nguyễn Văn Tứ tiếp tục giữ nhiệm vụ Phó ban thường trực, ông Nguyễn Lê Nên – Phó ban và 5 thành viên gồm: Ông Phạm Văn Hạnh, Ông Nguyễn Văn Tuy, Ông Nguyễn Văn Tạo, Ông Nguyễn Văn Sơn, Bà Nguyễn Thị Thân. Ban quản lý chịu sự chỉ đạo trực tiếp của UBND phường Tiên Cát, hàng tháng có trách nhiệm báo cáo về các khoản công đức, các hoạt động của đền. Các ngày lễ lớn Chủ tịch phường chỉ đạo lễ hội, Ban quản lý chủ động trong việc chuẩn bị lễ vật và nghi lễ; đồng thời có trách nhiệm xây dựng quy chế hoạt động, quản lý và phát huy giá trị của di tích theo đúng quy định của pháp luật. Các hoạt động tôn tạo, xây dựng bất cứ một thiết chế nào Ban quản lý đền phải báo cáo chính quyền địa phương và Sở văn hóa TT& DL cho phép mới được tiến hành. Ngoài ra còn thành lập Ban khánh tiết gồm 12 người và 02 người bảo vệ. Bảo vệ trực ngày đêm được trả công 3

triệu/2 người (1,5 triệu/người), còn các ông/bà trong Ban khánh tiết và Ban quản lý đền đều làm trên cơ sở tự nguyện có sự vận động của chính quyền và thành viên của Ban quản lý. Hàng ngày những người này thay nhau trực (Trưởng ban và các phó ban, ông Từ có mặt thường xuyên) để làm nhiệm vụ bao sái, vệ sinh, tiếp nhận công đức...mỗi ngày được ăn một bữa trưa giá 20.000đ (tự nấu), ngoài ra không nhận gì thêm. Các ông/bà đều là những người về hưu, rảnh rỗi hơn để có thể giúp việc tại đền nhận lộc thánh tạo phúc cho con cháu.

2.5. Đối tượng thờ phụng: truyền thuyết và tư liệu lịch sử.

Theo truyền thuyết về Bọc trăm trứng, Lộc Tục là con vua Đế Minh, làm vua đất phương Nam, lấy hiệu là Kinh Dương Vương, đặt tên nước là Xích Quỷ. Vua nước Xích Quỷ lấy con gái Động Đình quân tên là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm (tức Lạc Long Quân). Lạc Long Quân lấy Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, sau nở thành trăm con. Người con trưởng lên làm vua đặt tên nước là Văn Lang, kinh đô ở Phong Châu, đời đời cha truyền con nối. Câu chuyện truyền thuyết này đã được lưu truyền trong dân gian, vừa mang yếu tố lịch sử lại vừa có yếu tố hoang đường. Nhưng ý nghĩa cao cả hơn hết của câu chuyện nhằm giải thích về nguồn gốc của cộng đồng dân tộc Việt Nam được sinh ra bởi một bọc trứng, cùng mang dòng máu của cha Rồng mẹ Tiên. Đặc biệt, năm 1954 tại Đền Hùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và nói chuyện với Đại đoàn quân Tiên phong trước khi về Thủ đô làm nhiệm vụ tiếp quản, Bác đã căn dặn: “Các vua Hùng đã có công dựng nước; Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Câu nói này của Người thêm một lần nữa khẳng định: các vua Hùng là người dựng nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh lịch sử đang trong thời kỳ chiến tranh, câu nói của Bác như lời hiệu triệu con cháu phải biết đến Tổ tiên, mà Tổ tiên của dân tộc Việt Nam chính là các vua

Hùng. Lời hiệu triệu đó đã giúp cho dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng đánh đuổi các thế lực ngoại xâm giành độc lập cho dân tộc; lời hiệu triệu của Người còn hiệu nghiệm hơn khi Chính phủ quan tâm đến các công trình văn hóa và bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, thờ cúng các bậc tiền nhân có công trong buổi đầu dựng nước. Tuy nhiên, một bộ phận người dân tin và cho rằng việc thờ tự các vua Hùng, vua là Thiên tử, con Trời; nhưng vua thì vẫn còn phải có cha mẹ, ông bà; đức Kinh Dương Vương được thờ tự và có lăng mộ ở Thuận Thành, Bắc Ninh, còn Thủy tổ Quốc Mẫu – Thần Long được thờ tại chính vùng đất Tổ, đó là Tiên Cát

Bên cạnh đó, ở Phú Thọ hiện nay còn có một ngôi đền thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu Thần Long Hồng Đăng Ngàn (là người đã sinh ra Thái tử Sùng Lãm, tức Lạc Long Quân). Nhân dân phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì đang thờ từ Bà cùng hai người em kết nghĩa và ba Hoàng tử tại đền Tiên. Quá trình thu thập tư liệu, tác giả luận văn đã thi thập được một số tài liệu bao gồm các sắc phong, thần tích – thần sắc, hương ước và các tài liệu do một số nhà nghiên cứu địa phương sưu tầm ghi về việc thờ tự Mẫu Thần Long như sau.

2.5.1. Cuốn Ngọc phả, văn tế, sắc phong đền Tiên được dịch tại Viện Hán – Nôm có ghi rõ về nhân vật được thờ tại làng Tiên Cát xưa là: Ngọc Tinh phu nhân, Thủy Tinh phu nhân, Bạch Hoa phu nhân, Cự Linh Thủy thần, Ất Linh Thủy thần và Linh Lang Thông thủy.

Cuốn Ngọc phả của làng Tiên Cát được chép lại năm 1974 đang được cất giữ cẩn thận, ở đền chỉ lưu giữ và truyền bá các bản phô tô. Bốn trang đầu Ngọc phả nói về cuộc gặp gỡ và hôn nhân giữa Kinh Dương Vương và Thần Long (người sinh ra Lạc Long Quân) rồi lập Thần Long làm Vi cung Chính khôn (tức Hoàng Hậu). Nhưng đến các trang sau lại nhắc đến Thứ phi. Đây là điều mâu thuẫn trong bản Ngọc phả. Để giải đáp thắc mắc tác giả đã tìm đến

người có nhiều tâm huyết về việc nghiên cứu, sưu tầm tư liệu về Thủy Tổ Quốc mẫu – ông Xuyên (tức nhà văn Khánh Hoài), nguyên Chủ tịch Hội văn học nghệ thuật thành phố Việt Trì. Ông cho biết, khi tìm hiểu về cuốn Ngọc phả ông đã đối chiếu với bản giữ tại Viện Hán nôm cũng có nội dung tương tự, nghĩa là có thể đã mất đi một vài trang quan trọng kết nối giữa Vi cung chính khôn và Thứ phi. Khi đi sưu tầm tài liệu, bản thân tác giả cũng chỉ thấy trong các tài liệu như truyền thuyết vùng Thanh Oai, truyền thuyết vùng đất Tổ, “Đại Việt sử ký toàn thư”, ...đều chỉ nhắc đến Thần Long, không thấy nhắc đến Thứ phi.

Ngọc phả viết: ...Kinh Dương Vương rất yêu cảnh sông núi non nước, nên đã cho đại giá đi tuần du hải ngoại xem cảnh đất nước, bất giác thuyền rồng đi thẳng tới hồ Động Đình. Vương sai dừng thuyền thưởng ngoạn phong cảnh nơi đây. Bỗng nhiên thấy một người con gái mặt phấn lưng cong tự đáy nước xuất hiện, với dung nhan tuyệt vời cho là cuộc gặp gỡ hiếm có xưa nay. Vương liền cho thuyền chèo tới và hỏi rằng: “may mắn quá! Tiên nữ từ đâu tới?”. Tiên nữ trả lời: “Thiếp là Thần Long chính là con gái Động Đình quân, ở sâu kín nơi cửa ngọc chờ đợi bậc anh hùng đã lâu, nay được gặp gỡ sứ giả nhà trời xin được làm phận nâng khăn sửa túi”. Vương sung sướng vui mừng nhận lời đón nàng vào thuyền đưa về đô thành, rồi lập Thần Long làm Vi cung Chính khôn” (tức Hoàng hậu).

Trong Ngọc phả có đoạn chép về thứ phi Thần Long – nhân vật được thờ: Thứ phi có lời nguyện giao du kết làm chị em ruột thịt với hai người: Một người là Thủy Tinh nương, một người là Bạch Hoa nương. Khi Thứ phi về châu Đê quyết, vua cho chôn cất thi hài Thứ phi tại cung Tiên Cát và cho dựng lăng ở đây. “Vương truyền lệnh cho địa phương cùng phụng thờ ba vị và phong làm thần nữ. Phong cho Thứ phi là Đệ nhất Ả nương thần nữ Ngọc Tinh nàng Cả đại vương; Phong cho hai vị Thủy tinh công chúa một người là

Đệ nhị Thủy Tinh thần nữ nàng hai đại vương, một nàng là đệ tam Bạch Hoa thần nữ nàng ba đại vương và cho phép những người trước đây hầu hạ xung quanh Thứ phi được sớm hôm hương khói phụng thờ tại nơi đây. Vương còn sai ba vị quan lang – là các hoàng tử sinh ra từ bọc trăm trứng là: Cự Linh thần tướng, Ất Linh Lang và Linh Thông Thủy cai quản hai đầu sông, núi, gìn giữ cung sở Thứ phi”.

Lại mở một khu chợ bên sông nơi trước cung lẫm, đặt tên là Tiên thị (chợ Tiên) để cho các Vương cung phi nhân và các Vương nữ phu nhân nội thần tụ hội sớm chiều trước sông đều ở đây, trên chợ là cảnh đô hội thần tiên. Đời vua Lê Trang Tông tiếp tục truy phong mỹ tự:

“Phong cho Đệ nhị nàng hai Thủy Tinh công chúa đại vương
Phong cho Đệ nhất nàng cả Ngọc Tinh công chúa đại vương
Phong cho Đệ tam nàng ba Bạch Hoa công chúa đại vương
Phong cho Đệ nhị chàng hai Ất Linh Thông thủy thần đại vương
Phong cho Đệ nhị Chàng cả Cự Linh Thủy thần đại vương
Phong cho Đệ tam chàng ba Thông Thủy thủy thần đại vương”.

Các năm: Năm Tự Đức 7 (1854), năm Tự Đức 11 (1858), năm Tự Đức 33 (1880), năm Tự Đức 33 (1880), năm Đồng Khánh 2 (1887) đều Sắc phong cho các Thần.

Dựa theo tư liệu lịch sử về cuộc kháng chiến chống Pháp và lời kể của các cụ, Làng Tiên cát trước đây có cả đình, đền, chùa và miếu. Các cụ còn nói rằng, trước kia còn nhìn thấy trong đền có ba cỗ long ngai, sau khi bị phá hủy các đồ thờ và long ngai bị hư hỏng, mất mát một số khác đem thả xuống sông, chỉ còn giữ lại 01 mâm ấu, hai đòn kiệu do dân mang về xóm dùng cho việc chung. Qua bản sắc phong được dịch của Viện Hán – Nôm cho thấy, Mẫu Thần Long được thờ phụng ở cung Tiên Cát (thời Hùng Vương). Vậy thì sau này, cụ thể gần nhất là trước CMT8 các thần được thờ ở đâu? .

2.5.2. *Thần tích – Thần sắc.*

Trong bản Thần tích – thần sắc của làng được khai vào năm 1938, làng Tiên Cát thuộc tổng Minh Nông, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ. Người nghiên cứu chép: Lê Hữu Quế, Chánh tổng, tổng Minh Nông, huyện Hạc Trì.

Mục Thần Thành hoàng có chép về các nhân vật thờ tự chính là ba nàng Ngọc Tinh, Thủy Tinh, Bạch Hoa và ba chàng Hoàng tử: Ất Linh, Cự Linh, Thông Thủy mà Ngọc phả đã nêu. Các vị ấy đều là nhân thần có công điều binh dẹp giặc giúp nhà Lê đời vua Lê Trang Tông. “Công trạng Ngài đánh giặc nhà Hồ, nhà Mạc giúp nhà Lê”. Ngày sinh Ngài là mùng 5 tháng 5 âm lịch và ngày mất là mùng 10 tháng 10 âm lịch. “Từ khi có làng không thờ ai chỉ thờ ngài. Không biết làng nào thờ và cũng không giao tiếp với làng nào. Thờ ngài bằng ngai gỗ, thiếp vàng, mũ đồng câu, áo giáp da vàng, hài bằng vải, kiệu sơn son thiếp bạc và các đồ bát biểu đều bằng gỗ sơn son thếp bạc cả

Mục Thờ ngài ở những nơi nào? Chép: “Thờ ngài ở miếu đến ngày tiệc rước về đình làm lễ xong rước về miếu. Nơi ấy ở đồi mé trên sông Thao. Nơi ấy hễ hồng đâu thì chữa đấy. Nơi ấy cấm không ai được làm nhà để mà cấm súc vật không được thả. Ngài có những thưở ruộng để ông từ cấy”.

Mục Hàng năm tế lễ Ngài những ngày nào? Chép: Ngày tế lễ theo thân thể ngài vào mùng 5 tháng 5, là ngày sinh thân, ngày mùng 10 tháng 10” và các ngày lễ theo tiết Thượng nguyên mùng 3 tháng Giêng, lễ Hạ điền mùng 1 tháng 6, Thượng điền mùng 1 tháng 8, lễ kỳ phúc mùng 1 tháng 4...

Bởi vì đền không còn, các hoạt động văn hóa dân gian diễn ra tại đền cũng vì đó mà chúng ta không chắc chắn. Dựa vào sắc phong các triều đại ban cho làng và bản hương ước, thần tích – thần sắc ghi chép về tục lệ, vị thần của làng trước kia thì cũng có thể coi như là minh chứng lịch sử về việc thờ tự tại làng Tiên Cát. Về mặt lý thuyết cũng như thực tế thờ tự tại các làng xã vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ nói chung, đình làng là nơi thờ thành hoàng

của làng, đền là nơi thờ thánh/nhân thần. Nhưng tại bản Thần tích – thần sắc cho chúng ta thấy, làng Tiên Cát trước đây thờ nhân thần bao gồm sáu vị đại vương, trong đó có Thủy tổ Quốc Mẫu tại Miếu và chỉ khi tổ chức tế lễ mới rước về đình, tan tiệc rước về miếu.

2.5.3. Tư liệu sưu tầm liên quan đến Mẫu Thần Long từ các nhà nghiên cứu ở địa phương.

Trong cuốn *Văn nghệ dân gian Việt Trì*, Sở VHNTTT và Hội văn nghệ dân gian xuất bản năm 2001..”Khi Vương trở về thì Thần Long đã có thai, trong cung hương thơm ngào ngạt, khí lành chiếu khắp đầy nhà. Sau đó một tuần thì sinh Lạc Long Quân. Lạc Long quân có tư chất phi thường, Vương bèn lập làm Thái tử. Nhà vua đã cho lập một cung điện gọi là Tiên Cát cung để cho Ngọc Nương Thần Long ở”.

Theo tài liệu *Tìm hiểu cuộc chiến của Thục Phán vào Kinh đô Văn Lang* của tác giả Văn Kim Chung, nguyên Giám đốc Bảo tàng tỉnh Phú Thọ: “Làng Tiên Cát nơi được xây dựng cung điện thứ phi thời tiền Hùng Vương...”

Trong cuốn *Lễ hội lịch sử ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ* - Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam xuất bản năm 2011 chép lại: “Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Lạc Long Quân tên húy là Sùng Lãm, cha là Kinh Dương Vương, vua nước Sích Quỷ ở phương Nam, mẹ là con gái Động Đình quân Thần Long dưới thủy cung”. “...Mẹ Lạc Long Quân vốn là Thủy nữ nên Long Quân thường về ở với mẹ, vợ chồng, cha con thường xa cách nhau...”

Tài liệu sưu tầm của tác giả Khánh Hoài về Mẫu, người sinh ra Lộc Tục (Lạc Long Quân) ở một số địa phương khác như sau: Trong “*Bách Việt tộc phả*” có ghi rằng: “... Cao cao tổ tì Đỗ Thị Quý, tên gọi Đoàn Trang, người vùng Ngõ Hồ (Nghị Tàm – Hồ Tây) sinh ra Lộc Tục. Nhân vì Thái Khương Công có sự hiểu lầm nghi ngờ lòng chung thủ của bà, đưa bà từ chính cung xuống làm thứ phi nên bà oán giận bỏ nhà vào động Tiên Phi (Hòa Bình). Ở

đây bà đã dùng sự dạy dỗ để cảm hóa người khác, khuyên người ta làm điều thiện, bỏ điều ác. Tám người em trai cũng theo vào động Tiên phi giúp chị gái trông nom và dạy dỗ cháu”. Hay trong bản sao: *Liệt vị đại vương sự tích ngọc phả thực lục* của xã La Nội, Ý La – Hà Đông, Hà Nội: “... Các ghi chép trải từ trời nam mở vận dòng họ đầu tiên trong nước là Hồng Bàng bậc quân vương thụ mệnh trời đầu tiên là Kinh Dương Vương, hậu duệ của Thần Nông, Kinh Dương Vương vốn được Đế Minh phong vương cai trị Nam Việt, lấy bà Thần long Hồng Đăng Ngàn sinh ra Lạc Long Quân, Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ, được đằm lành sinh bọc trăm trứng, thành một trăm người con trai, ấy là Tổ của người Bách Việt”.

Trong cuốn *Đền thờ quốc Tổ Lạc Long Quân – di tích và lễ hội*, NXB Lao động – 2014, trong phần I. Truyền thuyết: “Nhân dân vùng Thanh Oai còn lưu truyền câu chuyện kể về khởi nguồn dân tộc Việt thời các vua Hùng. Kể rằng: Vua Đế Minh có hai người con, con trưởng là Đế Nghi, còn thứ là Lộc Tục. Nhà vua yêu Lộc Tục hơn nên muốn cho Lộc Tục làm vua phương Bắc. Lộc Tục là người khiêm nhường nên đã nhường cho anh cả, Lộc Tục lên làm vua phương Nam (tức là đất Văn Lang sau này).

Nước Văn Lang tức là nước Xích Quỷ có nhiều phong cảnh thanh kỳ....Lên làm vua, Lộc Tục lấy hiệu là Kinh Dương Vương. Buổi đầu toan đóng đô ở núi Miếu Sơn, sau ấn định xây thành, đắp lũy ở Cửu Lĩnh. Bảy giờ người mới lo việc trăm năm. Một buổi mùa xuân chim kêu ríu rít, cây cỏ xanh tươi, ngập tràn cả ngàn cây, bờ suối. Người ngự trên một chiếc thuyền thả trôi theo dòng nước, chẳng bao lâu đến Động Đình hồ gặp một giai nhân tuyệt sắc. Người chào rồi tiến đến gần hỏi chuyện xin nàng cho biết quý danh và quê hương ở đâu. Giai nhân đáp: “Thiếp là Long nữ con gái vua Động Đình ở cách đây chẳng xa”. Lộc Tục nói: “Tôi là Lộc Tục con vua Đế Minh, vốn nghe tiếng Động Đình Quân từ lâu. Thế mà may mắn hôm nay mới gặp được

nàng, có lẽ đây là duyên trời đưa lại”. Giai nhân đỏ mặt: “Thiếp cũng đã có lòng chờ từ lâu”. Lộc Tục ngay phút đầu gặp gỡ đã thấy lòng dạt dào, nghe lời dịu dàng càng thêm say đắm, liền mời Long nữ cùng về kinh đô và ít lâu sau tấn phong Long nữ làm Hoàng hậu.

Lộc Tục xây cung điện ở núi Nghĩa Lĩnh gần Việt Trì là nơi có sông núi bốn phương châu lại rất bao la hùng vĩ. Lộc Tục nghe lời Long nữ cho xây thành kéo dài tới Phong Châu và đổi tên nước Xích Quỷ thành nước Văn Lang. Nơi Kinh thành mới được gọi là Việt Thường ấp. Kinh Dương Vương đi Cửu Lĩnh một chuyến, khi về thì Hoàng hậu đã lâm bồn, sau đó đẻ ra Sùng Lãm, tức Lạc Long Quân kế nghiệp vua cha...”

Mỗi địa phương các chuyện kể, truyền thuyết về nguồn gốc của Thủy Tổ Quốc Mẫu có khác nhau vì nó sẽ bị chi phối lịch sử của địa phương có truyền thuyết. Còn nhiều vấn đề về xác định tính chính sử hay sự thật về Mẫu, cũng có một số vùng có đền thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu. Còn ở Việt Trì, những năm gần đây, được sự quan tâm của chính quyền, nhân dân Tiên Cát đã lập lại đền Tiên để thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu Hồng Đăng Ngàn – vị Quốc Mẫu đã được nhắc đến ở các truyền thuyết nêu trên.

Tiểu kết chương 2.

Di tích đền Tiên là một công trình tín ngưỡng được phục dựng nhằm thờ tự Thủy Tổ Quốc Mẫu, người đã sinh ra Thái tử Sùng Lãm (tức Lạc Long Quân). Đây là một công trình được phục hồi trên khu đất mới do chính quyền địa phương cấp để phân nào giải quyết nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của nhân dân. Sự hiện hữu của di tích tuy không còn yếu tố gốc, cũng không phải là công trình tín ngưỡng tiêu biểu, song sự tồn tại này như là bằng chứng để tái hiện lại truyền thống văn hóa của địa phương trước đây cũng như hiện nay, đó là tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, thờ cúng những bậc tiền nhân có công trong buổi đầu dựng nước.

Việc phục dựng đền Tiên đã có những khó khăn, những thuận lợi cơ bản. Tuy nhiên, phải kể đến công lớn chính là nhân dân, nhất là Hội Người cao tuổi. Từ xưa, nhân dân luôn có niềm tin và cho đến nay niềm tin ấy đã tạo dựng nên một kiến trúc thờ tự từ niềm tin. Thờ tự Thủy Tổ Quốc Mẫu cũng giống như tục thờ thánh Mẫu, đã trải qua trường kỳ lịch sử vẫn đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân ta ngay từ buổi đầu dựng nước đến nay, đó “là một hiện tượng đầy sức sống, là truyền thống tích cực của văn hóa dân tộc”.

Đến nay, di tích đã bước đầu được lập quy hoạch trong cụm các di tích lịch sử văn hóa trên đất Việt Trì. Mong muốn của chính quyền địa phương, đặc biệt là các cụ Hội người Cao tuổi và các cụ trong Ban quản lý đền Tiên là đền Tiên sớm được Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh Phú Thọ ủng hộ, tạo điều kiện để hoàn thiện các thủ tục cần thiết cho việc đề nghị công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia và là di tích vệ tinh của Đền Hùng như một số nhà nghiên cứu địa phương gợi ý khi xây đền.

Chương 3:

LUẬN BÀN VỀ VIỆC PHỤC DỰNG DI TÍCH VÀ LỄ HỘI

Trong chương này, trên cơ sở tư liệu thực địa đã được trình bày tại chương 1 và chương 2, luận văn sẽ xem xét việc phục dựng di tích và lễ hội dưới tác động/trong mối quan hệ với sự biến đổi của bối cảnh, chính trị cũng như chính bản thân nhu cầu tôn giáo tại địa phương từ sau Đổi mới, giữa những năm 1980 trở lại đây.

3.1. Tác động của kinh tế thị trường tới thực hành tôn giáo

Như chúng ta đều biết, đất nước ta thời kỳ trước Đổi mới (giữa những năm 80 của thế kỷ XX), do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do những sai lầm mang nặng tính chủ quan, duy ý chí trong nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo một mô hình cũ đã lỗi thời, cho nên chỉ mấy năm sau khi hoàn thành thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc năm 1975, thì đất nước đã lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Sản xuất nông - công nghiệp đình đốn. Lưu thông, phân phối ách tắc. Lạm phát ở mức ba con số. Đời sống của các tầng lớp nhân dân sa sút chưa từng thấy. Ở thành thị, lương tháng của công nhân, viên chức chỉ đủ sống 10 - 15 ngày. Ở nông thôn, vào lúc giáp hạt có tới hàng triệu gia đình nông dân thiếu ăn. Tiêu cực xã hội lan rộng. Lòng dân không yên. Tình hình diễn biến đến mức, vào khoảng từ cuối năm 1985 đến cuối năm 1986, nghĩa là sau thất bại của cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền (9-1985), đại số quần chúng nhân dân cảm thấy không thể tiếp tục sống như cũ được nữa; đồng thời các cơ quan lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước cũng thấy rõ không thể tiếp tục duy trì những chủ trương, chính sách đã lỗi thời, hoặc chỉ thay đổi có tính chất chấp vá, nửa vời một số chính sách riêng lẻ nào đó thôi. Người dân Việt Trì lúc này chỉ tập trung phát triển kinh tế nhằm đảm

bảo ổn định đời sống nhân dân, các hoạt động tôn tạo, thực hành tôn giáo chưa có điều kiện để quan tâm chú trọng. Nhận định về vấn đề này nhà nghiên cứu Lê Hồng Lý đã viết: “Vào những năm 70 – 80 thực tế ở nước ta là như vậy, người ta biết phải giữ cái này, sửa cái kia cho quê hương, họ hàng nhưng lực bất tòng tâm, không phải chỗ nào và ai cũng làm được” (17, tr5).

Cho đến khi Đổi mới, thay thế cho nền kinh tế bao cấp trước đó là nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển nên thu nhập tăng lên, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, kinh tế với tốc độ tăng trưởng hàng năm. Tính rủi ro trong nền kinh tế thị trường thời này cũng có thể là động lực quan trọng để phục hồi hoạt động tôn giáo. Từ chỗ đời sống kinh tế khấm khá hơn, có của ăn của để và có dư dả đôi chút cũng đồng thời là lúc nhu cầu về văn hóa và hưởng thụ các giá trị văn hóa tăng lên. Người dân bắt đầu nhìn nhận lại các di tích tín ngưỡng bị hư hỏng, dột nát hoặc bị phá hủy thời gian trước đó mà họ chưa có điều kiện để sửa chữa phục hồi được thì họ sẽ tiếp tục làm việc đó.

Người Việt Nam nói chung, người dân Tiên Cát nói riêng đều giữ trong mình một truyền thống tốt đẹp đó là lòng biết ơn đối với Tổ tiên, ông bà và những người có công tạo dựng cho chúng ta có cuộc sống ấm yên, tốt đẹp như hiện tại. Nên việc tôn thờ và lập nên những nơi thờ tự trang nghiêm vốn đã là truyền thống, không có thì đành chịu nhưng khi có điều kiện thì việc xây cất cho mô yên mả đẹp như để báo đáp công ơn và khẳng định sự phù trì cho họ ở cuộc sống hiện tại. Cũng chính từ niềm tin và truyền thống đó mà người dân Tiên Cát sau khi nền kinh tế được phục hồi, đã phục dựng lại các công trình tôn giáo ở địa phương trước đây đã bị phá: đền Chi Cát, đền Tiên, nhà thờ họ Giáo.

Bên cạnh đó, bối cảnh xã hội hiện đại đã đem đến cho đời sống sự thay đổi và biến động mạnh mẽ ở cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21. Trong nước, dưới ảnh hưởng của nền khoa học công nghệ phát triển, máy móc thiết bị hiện đại,

phương tiện giao thông liên lạc hiện đại và tiện lợi; con người có thể hưởng thụ rất nhiều các sản phẩm văn hóa trên thế giới, ăn ngon, mặc đẹp... Ở Việt Trì lúc này lại tiếp tục sản xuất các mặt hàng tiêu dùng và hàng công nghiệp trong các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, đặc biệt là sản xuất sút phục vụ các ngành công nghiệp nên đã xả thải ra môi trường những khí thải độc hại, nhiều người dân sống ở xung quanh các nhà máy và những người trực tiếp sản xuất đều bị mắc các bệnh về hô hấp và các bệnh khác mà người dân vẫn gọi là bệnh nghề nghiệp. Bên cạnh đó, ảnh hưởng mặt trái của sự phát triển chính là mối quan hệ gia đình lỏng lẻo, xa cách; đạo đức lối sống có phần bị suy đồi; bệnh dịch tràn lan, nhiều căn bệnh không có thuốc chữa; tai nạn giao thông ngày càng nhiều; tình trạng trộm cắp, cướp giết lẫn nhau ngày càng gia tăng... làm cho người dân hoang mang lo sợ về cuộc sống hiện tại. Họ cần tìm đến một thế lực siêu nhiên để tìm niềm tin, củng cố tinh thần, họ tìm đến đền, chùa để cầu xin sự bình an. Đây cũng là lý do dẫn đến hiện tượng phục dựng di tích và lễ hội.

Trong những năm gần đây, việc người dân đến với tín ngưỡng ngày càng nhiều. Số liệu thống kê ở một số di tích cho thấy điều đó. Tại sao kinh tế đi lên người ta lại càng đi lễ nhiều như vậy? Có lẽ độ rủi ro, phiêu lưu trong cuộc sống ngày càng nhiều nên dân đến hiện tượng đi lễ để cầu cạnh thánh thần, cầu sự may mắn. Sự rủi ro đối với cuộc sống nhân dân ngày càng tăng do chính con người tạo ra. Khoa học phát triển, một niềm tin cho rằng các hiện tượng ô nhiễm hóa chất, bão lụt, tai nạn, bệnh dịch dần sẽ bị khuất phục bởi việc sử dụng công nghệ. Tuy nhiên, do những những hiện tượng bất thường, không thể lý giải hoặc không thể kiểm soát được thiên nhiên nên đã củng cố tâm linh, tìm kiếm sự bảo trợ về tinh thần, cầu mong được yên ổn. Vì thế, khoa học vẫn chưa thể thay thế tôn giáo, hoạt động tôn giáo ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng đời sống tâm linh của người dân.

Khi tìm hiểu thực tế tại đền Tiên cho thấy, kinh tế phát triển cũng là yếu tố tiên đề tạo điều kiện cho sự phục hồi tôn giáo “mặc dù không chủ tâm song nó đã tạo cơ hội cho việc phục hồi lại các tập tục văn hóa và tôn giáo địa phương”, đồng thời là “sự tôn vinh những anh hùng địa phương và các lễ hội lớn” [37, tr 231, 232]. Những người dân sinh ra và lớn lên trên đất này có niềm tin thiêng liêng về Thủy Tổ Quốc Mẫu, khi trưởng thành có điều kiện, dư dả đôi chút thì công đức tu bổ đền; một số người thoát ly khỏi địa phương, khi về quê đã công đức cho đền cùng với ngụ ý đề tôn vinh Thánh của làng, mong Thánh phù hộ tiếp cho trong cuộc sống. Từ sự tác động của kinh tế thị trường, nghĩ rằng “trần sao âm vậy” nên người ta công đức tất cả: từ đồ thờ cho đến vật dụng, kể cả bếp ga, mâm, phích nước...những gì có thể phục vụ cho nhu cầu sử dụng tại đền. Chị Hạnh, người được các cụ cho là có “căn số” đồng, đang sống trên địa bàn phường đã khẳng định với tôi: *Chút lòng thành thôi. Có Mẫu chứng giám hết đây.*

Thời kỳ bắt đầu phục dựng, năm 2000, người dân địa phương vốn làm nông nghiệp là chính, thu nhập không cao, để đóng góp xây dựng nên một công trình bề thế như hiện nay điều đó là rất khó khăn. Nhờ có sự đóng góp công đức của các đơn vị, hộ kinh doanh và doanh nghiệp đóng trên địa bàn nên điều mà người dân ao ước đã được thực hiện. Tín ngưỡng được hoạt động trở lại, tính thiêng của di tích được tái hiện qua việc tổ chức lễ hội đã góp phần tạo niềm tin cho nhân dân.

Điều nhận thấy, các di tích được đầu tư tôn tạo lớn sẽ được đồng bộ từ kiến trúc đến đồ thờ. Trong khi đó, các di tích nhỏ ở địa phương, quá trình tôn tạo thường có đến đâu làm đến đấy hoặc do một số “mạnh thường quân” công đức nên không chú ý đến sự đồng bộ, đồ cung tiến thường theo ý chủ quan của khách thập phương/cá nhân cung tiến nên dẫn đến hiện tượng “lôm côm” về loại hình, chất liệu, kích thước. Đó là thực tế.

Thực tế hiện nay, còn có những vấn đề “phú quý sinh lễ nghĩa”, xây đền, mở hội để kêu gọi lòng hảo tâm công đức của khách thập phương. Theo nhận định của cá nhân, phục dựng lại các di tích đình, đền, chùa để phân nào đó đáp ứng nhu cầu tâm linh đồng thời để gìn giữ các giá trị văn hóa dân gian truyền thống của địa phương là việc làm cần thiết.

3.2. Tác động của Đổi mới về chính trị đối với hoạt động tôn giáo

Về mặt lý thuyết, tôn giáo và chính trị có mối liên hệ mật thiết với nhau, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Tôn giáo gắn liền với đời sống con người và sự vận động của xã hội. Trong thực tế, hoạt động tôn giáo hiện nay đã đáp ứng nhu cầu về tinh thần của người dân, góp phần cho sự ổn định chính trị theo hướng “tốt đời, đẹp đạo”

Lật lại lịch sử trong suốt thời gian từ 1945 – 1975, do hoàn cảnh đất nước lúc đó gắn với chiến tranh nên các di tích tín ngưỡng dân gian và lễ hội của nước ta không được chú ý, quan tâm đến việc tu bổ tôn tạo hay phục hồi lại. Sau cải cách ruộng đất, nhằm khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống bị lãng quên trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhà nước đã khuyến khích lễ hội dân gian hoạt động trở lại, nên những năm 1956 – 1958 lễ hội ở miền Bắc lễ hội cũng được tổ chức rầm rộ [33, tr38]. Lễ hội Đền Hùng cũng đã được tổ chức lớn ở thời điểm năm 1958, nên đã có tác động tích cực đến đời sống nhân dân, đặc biệt là nhắc nhở, gợi nhớ về vua Hùng – có công dựng nước đầu tiên.

Do chiến tranh liên miên, phát triển kinh tế chỉ tập trung để ổn định cuộc sống và chi viện cho chiến trường miền Nam nên không có điều kiện để quan tâm đến thờ cúng. Hoặc có muốn cũng lại nghi ngại sợ kiểm điểm, kỷ luật vì thời kỳ đó còn hiện tượng coi các hoạt động cúng bái là mê tín dị đoan. Vì vậy, hầu như không ai tham gia vào các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng, nhất

là việc tôn tạo hay xây dựng bất cứ công trình tôn giáo nào ở địa phương thời kỳ này. Đến năm 1995, người dân Tiên Cát đã có ý định khôi phục lại đền Tiên, sau khi Đền Hùng được tôn tạo, lễ hội Đền Hùng được quan tâm tổ chức và có tiếng vang lớn trong nhân dân. Đến năm 1997, UBND tỉnh Quy hoạch chung thành phố Việt Trì và quy hoạch đền Tiên. Năm 1999, UBND tỉnh đã Quyết định giao đất xây đền thì đền Tiên được xây dựng lại.

Trở lại với vấn đề phục dựng, cùng với đổi mới kinh tế là sự nói lỏng về chính trị, trong đó có nội dung quản lý văn hóa. Hoạt động tôn giáo không được khuyến khích nhưng cũng không bị cấm đoán như trước. Bên cạnh đó là thừa nhận của Đảng về sự tồn tại của tôn giáo, vốn bị coi là trái ngược với tư tưởng cộng sản vô thần. Nhà nước đã ban hành hàng loạt các chính sách về văn hóa, trong đó đã cho tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, di tích có giá trị lịch sử văn hóa của dân tộc và tạo điều kiện để phục hồi các di tích lịch sử và lễ hội trong dân gian; ban hành Pháp lệnh về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh năm 1984 và ban hành Luật Di sản văn hóa năm 2001; Quyết định số 62/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 1994 về “chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa ở Việt Nam” thì một số di tích lịch sử quan trọng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như di tích lịch sử Đền Hùng đã được Nhà nước cấp tiền tôn tạo, chống xuống cấp. Đặc biệt đã đưa vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam vào trong Nghị quyết của TW Đảng. Bối cảnh xã hội văn hóa đưa đến Nghị quyết này là: Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế làm giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân gặp khó khăn, về mặt xã hội nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp như suy thoái đạo đức, lối sống thực dụng, tham nhũng, các tệ nạn xã hội gia tăng, mê tín dị đoan khá phổ biến, nhiều hủ tục cũ và mới tràn lan ... làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Nếu như lúc này chỉ chăm lo phát triển kinh tế thì nền tảng tinh thần sẽ yếu, thiếu tiến bộ và lành mạnh; phải đồng thời

phát triển cả kinh tế và văn hóa, xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu vì văn hóa, văn hóa là kết quả của kinh tế và đồng thời là động lực cho kinh tế phát triển. Văn hóa phải đồng thời “gắn kết chặt chẽ với đời sống và mọi hoạt động xã hội trên các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, pháp luật”. Xác định được vai trò của văn hóa “là thành quả hàng nghìn năm lao động và sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả của giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc”. Vì vậy, Hội nghị lần thứ 5 ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) năm 1998, đã xác định: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, đồng thời coi “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội”. Trong đó hết sức coi trọng, bảo tồn, kế thừa phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể: tiến hành kiểm kê, sưu tầm, chỉnh lý vốn văn hóa truyền thống (bao gồm cả văn hóa bác học và văn hóa dân gian); phiên dịch giới thiệu kho tàng Hán nôm; bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, nghiên cứu sâu rộng những đạo lý tốt đẹp của cha ông để lại. Nghị quyết TW5 ra đời như một luồng ánh sáng để phát triển cho văn hóa nước ta. Những năm 1990, nhiều địa phương trên cả nước được chính quyền tạo điều kiện để phục dựng lại các lễ hội truyền thống đã tạo ra một “ làn sóng” lan truyền”, “nở rộ” của lễ hội cổ truyền, đồng thời tiến hành tạo dựng lại các lễ hội cổ truyền đã bị mất.

Nhận định về vấn đề này nhà nghiên cứu Phan Ngọc đã viết như sau: “Từ những năm 80 đến nay, Bộ VH-TT đã xếp hạng và công nhận di tích lịch sử văn hóa đối với hàng trăm đình, chùa, đền, miếu. Do đó ở hầu hết các làng

xã đồng bằng Bắc Bộ đã rộ lên phong trào khôi phục lại đình, chùa, đền, miếu và mở lại những lễ hội bị lãng quên. Mấy năm gần đây, do chính sách đổi mới, do những biến đổi không ngừng của đời sống xã hội, do đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Do những thuận lợi đó, các hoạt động lễ hội mới được quan tâm tổ chức, những lễ hội cổ truyền dần được đi sâu vào nghiên cứu và phục hồi” [20, tr 80].

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VIII) cùng với việc thực hiện công cuộc đổi mới, đặc biệt từ sau khi tái lập tỉnh Phú Thọ, Đảng bộ tỉnh đã đề ra phương hướng chung là "xây dựng Phú Thọ trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển với tốc độ khá và ổn định..., có nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và truyền thống quê hương đất Tổ" [4, tr 289]. Từ đó, chính quyền địa phương đã triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội,.. kinh tế phát triển nhiều ngành nghề, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, văn hóa - xã hội được chú trọng nên tình hình trật tự xã hội ổn định, người dân yên tâm làm ăn; các hoạt động y tế, giáo dục được quan tâm; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được triển khai đến từng khu dân cư; các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng truyền thống trước đây từng bị coi là mê tín dị đoan, lạc hậu cần xóa bỏ thì nay được phục hồi, gìn giữ, các công trình bị hư hỏng, mất mát được khôi phục như đền Chi Cát, đền Tiên, chùa Cát Tường, nhà thờ họ Giáo...

Tuy nhiên, do ngân sách của địa phương có hạn, không thể chi cho việc tu bổ, tôn tạo hay phục hồi lại các di tích tín ngưỡng và lễ hội truyền thống mà đã giao cho nhân dân (gần như khoán trắng cho người dân) tiến hành vận động công đức để phục dựng. Cũng bởi trong thời điểm đó, nhiều người trong tư tưởng còn nghi ngại nên không dám mạnh dạn tham gia, chỉ đứng sau (ông Thanh) hoặc đứng ngoài cuộc (như ông Y) còn chủ yếu là do những người dân (ông Tuyển, bà Trường, bà Kham, ông Thệ) là những người cao tuổi,

không phải đảng viên đi đầu, tiên phong trong việc xin cấp đất xây lại đền Tiên. Cụ Kham kể với tôi: *cứ sáng ra tôi và mấy cụ Tuyển, Trường, có hôm cả ông Thệ đi đến thành phố lại đến tỉnh*. Trụ sở của tỉnh ngày trước gần nhà các cụ nên các cụ đến ngồi chờ ở cửa để gặp lãnh đạo xin cấp đất xây đền. Cứ kiên trì rồi các cụ cũng có ngày thành công, được cấp đất và cho phép xây dựng lại đền Tiên.

3.3. Nhu cầu tôn giáo và việc phục dựng di tích và lễ hội

Trên địa bàn phường Tiên Cát hiện nay có hai tôn giáo đang hoạt động đó là đạo Phật và đạo Thiên chúa. Đạo Thiên chúa với hơn 600 người và gần 4.000 Phật tử của đạo Phật. Hầu hết các Phật tử và người dân đều luôn tỏ ra tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương và có ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống ấy. Cùng với việc phục dựng một số di tích khác, việc phục dựng di tích và lễ hội đền Tiên năm 2000 đã phần nào đáp ứng nhu cầu tôn giáo của nhân dân.

Một niềm tin trong đại bộ phận người dân ở Tiên Cát về đền Tiên là nơi thờ Thủy tổ Quốc Mẫu Hồng Đăng Ngàn người đã sinh ra Thái tử Sùng Lãm, tức Lạc Long Quân là có thật. Từ niềm tin ấy đã thúc đẩy họ phải dựng lại kiến trúc thờ tự như xưa. Những người được sinh ra, lớn lên ở Tiên Cát thời trước đều biết và nhớ về việc thờ tự cũng như biết về các kiến trúc thờ tự ở đây. Dựa vào “sự nhớ” đó chưa có cơ sở khoa học. Chỉ có thể dựa vào các tài liệu viết, các kiến trúc hiện hữu, các hiện vật gắn với kiến trúc thì mới có thể khẳng định chắc chắn về các nhận định của các cụ: có cả đền, chùa, đình, miếu và đền là nơi thờ Thủy tổ Quốc Mẫu.

Trong tài liệu Thần tích, có ghi về việc thờ ở miếu, chỉ khi tế lễ thì rước về đình. Tài liệu thống kê năm 1964, ở Tiên Cát chỉ có 01 đền, 01 chùa và 01 đình. Trong trí nhớ của người dân Tiên Cát, có cụ Tuyển và cha đã từng làm

ông Từ trông nom đền Tiên, đình Tiên. Trên thực tế, ông Từ thường ở trong đền “lừ đừ như ông Từ vào đền”, đền gắn với việc thờ Thánh. Chắp nối các tư liệu nêu trên cho thấy làng Tiên Cát xưa có thể có cả đình, chùa, đền, miếu. Nhưng thờ tự trong mỗi di tích đó như thế nào thì cho đến nay không có cơ sở khoa học nào xác định được, bởi di tích đã bị tàn phá; các di vật, các đồ thờ tự đã hỏng hoặc đem thả xuống sông (như các cụ nói). Tuy nhiên từ tư liệu ghi chép “ Thờ Ngài ở miếu, đến ngày tiệc rước về đình làm lễ xong thì rước về miếu”. Vậy, “Ngài ” ở đây là ai? Câu trả lời đó được tìm trong Thần tích: Ngài được thờ ở đây là ba nàng Ngọc Tinh, Thủy Tinh, Bạch Hoa (trong đó Ngọc Tinh là Thủy Tổ Quốc Mẫu) và ba Hoàng tử: Át Linh, Cự Linh, Thông Thủy đã nêu trong Ngọc phả.

Các hoạt động tôn giáo của nhân dân Tiên Cát có thể dùng mốc năm 1942 trở lại, dựa vào Hương ước. Thực tế, sau cách mạng tháng 8, đặc biệt là thời kỳ chiến tranh giành độc lập dân tộc (1945 - 1975) với hai cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ và cải cách ruộng đất nên hoạt động tôn giáo hầu như bị hạn chế. Người dân chỉ tập trung vào việc sản xuất để ổn định cuộc sống và việc đóng góp sức người sức của phục vụ cho chiến tranh và cũng bởi đền, chùa hầu hết đã bị phá hủy những năm 1949 nên hầu như không có ai quan tâm/nghĩ đến cúng bái.

Năm 1956 – 1958, sau cải cách ruộng đất, nhằm “khôi phục lại các giá trị văn hóa truyền thống bị lãng quên” [33, tr38] các lễ hội được tổ chức trở lại. Người dân lúc này thường tham gia một số hoạt động như lên đồng, bói toán, xóc thẻ. Những năm 60 của thế kỷ XX, các hoạt động tôn giáo lại bị coi là lạc hậu, mê tín dị đoan nên nhiều đình, đền, chùa, miếu bị phá, lễ hội dẹp bỏ không tổ chức, người dân không còn tham gia vào các hoạt động tôn giáo mà chỉ tập trung sản xuất chi viện cho chiến trường miền Nam.

Từ những năm 90 (thế kỷ XX) trở lại đây, do thực hành về tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương lại tiếp tục phát triển nên người dân thấy thực sự cần thiết phải lập lại ngôi đền thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu. Bởi trước kia đã có đền thờ của bà tại địa phương và vì bà là Hoàng hậu của Kinh Dương Vương.

Từ năm 2000, di tích và lễ hội hoạt động trở lại đáp ứng nhu cầu về thực hành tôn giáo tại địa phương. Những năm gần đây, do suy thoái kinh tế nên nhiều hộ kinh doanh đã buôn bán thua lỗ, dẫn đến tình trạng phá sản; trong một bộ phận người dân còn mù quáng tin vào việc cho vay nặng lãi, “chơi họ”, mua bán hàng đa cấp dẫn đến tài sản tiêu tán, “tiền mất tật mang”... con người mất niềm tin vào nhau nên cần đến thần thánh để cứu vãn niềm tin, lấy năng lực để đối phó với cuộc sống hiện tại. Vì vậy, không những không giảm mà ngày càng nhiều người đến với các hoạt động tôn giáo. Ngày càng nhiều người đến với đền Tiên để thực hành hoạt động tôn giáo, không chỉ công nhân, nông dân, trí thức, những người buôn bán, những người làm dịch vụ... Những người buôn bán đến đền cầu mua may bán đắt, người có bệnh thì cầu bệnh khỏi, người thì cầu cho con cái học hành, thi cử đỗ đạt... Gặp một phụ nữ chừng gần 30 tuổi, trông dáng vẻ mệt mỏi, tôi hỏi thì biết cô ấy đang mang thai, cô nói với tôi: “Em đang mang thai. Nhà em ở chợ Núi, em thường đi lễ ở đền này để cầu công việc thuận lợi và sinh em bé như ý muốn”.

Nhìn chung, nhu cầu về tâm linh của những người dân có khi rất đơn giản nhưng thực tế, “ở đâu thì cầu đấy”, đi lễ để cầu may mắn, sức khỏe cho bản thân, gia đình; có những bạn trẻ ở gần đền trước khi đi lao động nước ngoài hay người công tác xa đều đến đền để cầu xin Mẫu phù hộ may mắn, khi trở về cũng đều có lễ vật đến bày tỏ sự cảm ơn và mong phù hộ cho họ ở thời điểm tiếp theo. Nhiều người đến đền như có tâm lý càng đi được nhiều nơi càng tốt, không được ở nơi này thì ở nơi khác hay đi lễ càng nhiều nơi càng tạo nhiều phúc nên dù ở cách xa đền vài cây số, ngay tại nơi ở cũng có

đền, chùa nhưng vẫn đến đền Tiên để lễ bái. Thậm chí bà Tâm sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, không đi lễ được nhưng vẫn gửi tiền công đức tu bổ thể hiện lòng thành kính với Mẫu..

Phải thừa nhận rằng, việc phục dựng di tích và lễ hội đền Tiên được tiến hành theo quy trình, rất công phu và cẩn thận. Tuy nhiên, do thời gian gián đoạn sự tồn tại của đền và lễ hội quá lâu (tính từ năm 1942 cùng với việc ghi chép trong Hương ước) nên khi phục dựng đã gặp phải những khó khăn nhất định. Từ vị trí xây đền, vật liệu xây dựng đến các nhìn nhận về di tích và tín ngưỡng. Cho đến nay có thể còn có nhiều băn khoăn, hoài nghi về sự thực đền Tiên, nhưng các cụ đã có câu “Linh tại ngã, bất linh tại ngã”, có nghĩa là niềm tin tâm linh về đền, về Thủy tổ Quốc Mẫu có hay không chính là do chủ thể - chính chúng ta. Nếu tin là thực thì tín ngưỡng ấy sẽ luôn bên ta, còn không tin thì nó vẫn tồn tại nhưng thiếu nhựa sống và như vậy sẽ dẫn đến hiện tượng thiếu tính thiêng, dần dần sẽ tiêu vong. Có nhiều người đặt niềm tin vào tín ngưỡng, coi những lời nói của các thanh đồng là thực; cũng không ít người đến với tín ngưỡng chỉ với niềm tin vừa đủ, đến với tín ngưỡng chỉ là để cầu mong Mẫu phù hộ cho sức khỏe, bình an v.v...

Tiểu kết chương 3

Trong Chương 3 này chúng tôi dành để bàn luận về mối quan hệ giữa các yếu tố: Kinh tế, sự đổi mới chính trị và người dân với việc phục dựng di tích và lễ hội mà cụ thể là ở đền Tiên hiện nay.

Trong bối cảnh kinh tế, xã hội phát triển và hội nhập như hiện nay, các thành tựu về kinh tế, chính trị, xã hội đều có tác động tích cực cho sự phát triển của văn hóa, trong đó có hoạt động tôn giáo. Trong lĩnh vực kinh tế nói chung đã có những ảnh hưởng và tác động đến việc tôn tạo, phục dựng các di tích tín ngưỡng, các lễ hội dân gian, bên cạnh đó không tránh khỏi những tác động tiêu cực do nền kinh tế thị trường đem lại. Văn hóa Việt Nam trên con đường “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” thì vừa phải bảo vệ vừa phải giao lưu, tiếp thu với văn minh nhân loại. Vì vậy bên cạnh việc tiếp thu những cái mới chúng ta phải giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống đã được tạo dựng từ hàng nghìn năm qua.

Cùng với các chính sách của Nhà nước và của địa phương về phát triển văn hóa và đặc biệt là sự tồn tại niềm tin về tính thiêng của tín ngưỡng trong tâm thức của người dân nên di tích và lễ hội đền Tiên đã có được sự phát triển và lan tỏa trong cộng đồng mạnh mẽ như vậy. Ngày nay, cùng với sự phát triển về các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương thì di tích và tín ngưỡng tại đền Tiên đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tâm linh của nhân dân cả ngày thường và những ngày diễn ra lễ hội. Sự tồn tại của di tích và lễ hội đền Tiên hiện nay góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tại địa phương, phát huy giá trị của tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên của người Việt; góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và giáo dục truyền thống “uống nước nhớ nguồn” cho thế hệ tiếp nối.

KẾT LUẬN

Như vậy, nằm trong thành phố Việt Trì, Tiên Cát có những thuận lợi cơ bản về giao thông đường thủy, đường sắt và đường bộ; có lịch sử văn hóa từ thời đại các vua Hùng dựng nước. Những dấu tích văn hóa vật thể và phi vật thể còn đọng lại trên đất này đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Kể từ sau khi được thành lập (1984), đặc biệt từ những năm 1990 trở lại đây, nhân dân Tiên Cát đã nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội, làm cho đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển, bộ mặt của phường đã không ngừng thay đổi. Cùng với đó là các chính sách về văn hóa được áp dụng, phong trào xây dựng nếp sống mới, xây dựng phố phường văn hóa, gia đình văn hóa được thực hiện tích cực. Mục tiêu của nhân dân lúc này là làm sao khôi phục lại được các đình, đền, chùa ... đã bị hư hỏng từ lâu. Và đã bắt đầu manh nha từ việc tìm hiểu, sưu tầm tài liệu lịch sử.

Lịch sử đền Tiên gắn với thờ Thủy Tổ Quốc mẫu, người sinh ra Thái tử Sùng Lãm, tức Lạc Long Quân. Tục thờ nữ thần/thờ Mẫu của dân tộc Việt Nam đã có từ lâu, nó có sức mạnh khiến Phật giáo phải chấp nhận đan xen. Cũng vì thế tục thờ Mẫu đã trải qua trường kỳ lịch sử, đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân ta từ bao lâu nay, trở thành một truyền thống đầy sức sống của dân tộc. Thờ Thủy Tổ Quốc Mẫu tuy không nổi bật, không lan truyền nhưng đã tồn tại trong nhân dân nơi đây từ lúc nào không rõ cùng với kiến trúc của nó. Nhưng sự hiện ứng còn được lưu truyền để trở thành tính thiêng cho tín ngưỡng trường tồn với thời đại.

Giống như bao xã, phường khác trên địa bàn thành phố Việt Trì, Tiên Cát những năm gần đây đã có một số di tích được phục hồi, trong đó có 3 di tích tín ngưỡng, 01 di tích tôn giáo (nhà thờ họ Giáo).

Thời kỳ cuối những năm 1990, khi Đảng và Nhà nước có những chính sách cởi mở về văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết TW 5 (khóa 8) đã xác định việc xây dựng văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, cùng với việc Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ngày càng được quan tâm; các di tích tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, nhất là Đền Hùng được quan tâm tu bổ, tôn tạo chóng xuống cấp. Từ đó, một niềm tin về việc thờ phụng Mẫu từ trước kia, có gắn với thời đại Hùng Vương, đã được nhân dân khơi gợi, đề xuất phục hồi để bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng, cũng là để giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho thế hệ trẻ.

Trong chương 2 đã giới thiệu toàn bộ diễn biến quá trình phục dựng. Phục dựng đền Tiên không giống như các di tích khác. Đất cũ của di tích đã sử dụng cho công cuộc kiến thiết đất nước từ năm 1960, do vậy đất làm đền được thay một vị trí khác. Điều này vô hình chung đã làm giảm đi tính thiêng của đền. Tuy nhiên, với sự nhiệt huyết, tận tâm các cụ trong Hội Người cao tuổi đã biến từ không có trở thành có, từ chỗ đất sâu trở nên bằng phẳng, thành một khuôn viên đẹp đẽ với kiến trúc thờ tự linh thiêng như hiện nay.

Có thể thấy, phục dựng lại di tích và lễ hội hiện nay như một “sự sáng tạo của truyền thống”, nhằm phục vụ cho việc củng cố đức tin của con người. Mặt khác, việc phục dựng lại hoạt động tín ngưỡng chính là kết quả của quá trình phát triển kinh tế, thay đổi chính sách, đặc biệt là chính sách về văn hóa và sự đóng góp tích cực sức người, sức của, niềm tin của người dân. Đây cũng có thể được coi là một trong những yếu tố quan trọng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập như hiện nay. Kinh tế phát triển, con người tất yếu muốn hưởng thụ các giá trị về tinh thần, trong đó giá trị về tâm linh được đa số quan tâm tin tưởng. Vậy nên các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo phát triển đáp ứng nhu cầu là tất yếu.

Ngày nay, để phát huy vai trò và giá trị của tín ngưỡng, chính quyền địa phương đã duy trì việc tổ chức lễ hội hàng năm tại đền vào các ngày lễ và ngày húy kỵ. Việc tổ chức ngày húy kỵ ngày mùng 10 tháng 10 âm lịch để tưởng niệm Thủy Tổ Quốc mẫu đã trở thành một quy định, thành nếp sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân nơi đây, phần nào đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng.

Từ những nghiên cứu về quá trình phục dựng tại di tích và lễ hội đền Tiên, tôi cho rằng, bên cạnh việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, cần thực hiện tốt hơn nữa việc phục dựng di tích. Càng làm tốt công tác bảo tồn, tôn tạo, phục hồi các di tích và lễ hội thì càng có điều kiện để bổ sung cho kho tàng di tích và lễ hội, làm phong phú thêm về các giá trị vật thể và phi vật thể của di sản văn hóa trên đại bàn tỉnh. Góp phần giáo dục về tình yêu quê hương đất nước, truyền thống văn hóa và những giá trị tốt đẹp mà cha ông ta đã tạo dựng và để lại cho nhân dân vùng đất Tô.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (1969) *Nếp cũ - Hội hè đình đám*. Sài Gòn: Nam chi Tùng thư.
2. Đào Duy Anh. 1938. *Việt Nam văn hoá sử cương*. Huế: Quan hải Tùng thư.
3. BCH Đảng bộ tỉnh Phú Thọ, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Thọ*, Tập 1 (1939 - 1968) Nxb Chính Trị Quốc gia, Hà Nội.
4. BCH Đảng bộ tỉnh Phú Thọ, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Thọ*, Tập 2 (1968 - 2000), Nxb Chính Trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Tuyên giáo Thành ủy Việt Trì, *Lịch sử Đảng bộ phường Tiên Cát*, Xuất bản tháng 2/2003.
6. Cục Di sản văn hóa, Bộ VH TT & DL (2014), *Văn bản quản lý Nhà nước về Di sản văn hóa*.
7. Cục VH cơ sở, Bộ VH TT & DL (2008), *Thống kê lễ hội Việt Nam*, Tập 1,2
8. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2011), *Sự biến đổi của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương trong xã hội đương đại*. Hội thảo tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên trong xã hội đương đại (nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam) tại Việt Trì, Phú Thọ.
9. Phạm Duy Đức cùng nhiều tác giả (2011), *Thành tựu trong xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam 25 năm đổi mới (1986 - 2010)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Huyền (1996) [1938]. “Hội Phù Đổng (Một trận đánh thần kỳ trong truyền thuyết Việt Nam)” trong *Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam*. Hà Văn Tấn (chủ biên), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Đào Đức Hanh (4/4/2013), *Thiêng liêng những miền Thủy Tổ*, (http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-vn/61/63/Van_hoa_the_thao_giai_tri/Thieng_lieng_nhung_mien_thuy_to_bai_2/236122.html).

12. Vũ Ngọc Khánh (2002), *Thành hoàng làng Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
13. Vũ Ngọc Khánh (2012), *Việt Nam phong tục toàn biên*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
14. Vũ Ngọc Khánh, *Tục thờ Thánh – Mẫu ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
15. Thúy Linh – Minh Quang (03/12/2014), Lễ giỗ Thủy Tổ Quốc Mẫu, ([http://www. Viettri.gov.vn/vt/vn/portal/Le_gio_Thuy_To_Quoc_Mau_t15923_-9844.html](http://www.Viettri.gov.vn/vt/vn/portal/Le_gio_Thuy_To_Quoc_Mau_t15923_-9844.html)).
16. Hoàng Đạo Lý, Lương Nghị (2014), *Đền Thủy tổ Quốc Mẫu*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
17. Lê Hồng Lý (2008), *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Viện Văn hóa.
18. Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Hương Liên (2011), *Lễ hội lịch sử ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
19. Đặng Văn Lung (2005), *Lễ hội và nhân sinh*, Nxb. Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.
20. Nguyễn Bá Ngọc chủ biên (2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
22. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
23. *Ngọc phá, văn tế, sắc phong* (Bản dịch của Viện Hán Nôm năm 1993).
24. Ngô Thị Lan Phương và Trương Thu Hằng dịch, *Viết các ghi chép điền dã dân tộc học*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

25. Nhiều tác giả (2010), *Một con đường tiếp cận di sản văn hóa*, Cục DSVH xuất bản.
26. Lê Trọng, Phạm Hoàng Oanh (2014), *Truyền thuyết về thời đại Hùng Vương*, Nxb VHNT, Hà Nội.
27. Sở VHNT tỉnh Bắc Ninh (2001), Khu di tích Kinh Dương Vương và văn hóa Luy Lâu (Kỷ yếu hội thảo khoa học).
28. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
29. Xuân Thiêm, Ngô Quang Nam cùng nhiều tác giả (1986), *Địa chí Vĩnh Phú Văn hóa dân gian vùng đất Tổ*, Sở VHNT Vĩnh Phú xuất bản.
30. Nguyễn Anh Tuấn, Trần Công Luận (2003), *Lý lịch di tích đền Tiên*.
31. UBND thành phố Việt Trì (2006), “Lễ hội đền Tiên” trong *Di tích lịch sử văn hóa thời đại Hùng Vương trên đất Việt Trì*.
32. UBND huyện Thanh Oai – Hà Nội (2014), *Đền thờ Quốc Tổ Lạc Long Quân di tích và lễ hội*, Nxb Lao động, Hà Nội.
33. Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm (2014), *Lễ hội dân gian* (Giáo trình sau Đại học), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
34. Viện Thông tin Khoa học xã hội - *Thần tích, thần sắc làng Tiên Cát*.
35. Viện thông tin Khoa học xã hội - *Hương ước làng Tiên Cát*.
36. Viện Văn hóa Dân gian (1992), *Lễ hội cổ truyền*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Kleinen, John (2007), *Làng Việt – đối diện tương lai hội sinh quá khứ*, Hội KHLS Việt Nam, Nxb Đà Nẵng.

PHỤ LỤC 1.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

STT	HỌ VÀ TÊN	TUỔI	ĐỊA CHỈ
1	Cụ: Nguyễn Thị Kham	99	Phố Thi đua, phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ
2	Ông: Nguyễn Văn Tuy	71	Thủ từ đền Tiên
3	Ông: Nguyễn Lê Nên	71	P. Trưởng ban QL đền Tiên
4	Ông: Nguyễn Hoài Thanh	63	Trưởng Ban quản lý đền Tiên
5	Ông: Nguyễn Văn Xuyên	74	Cán bộ hưu trí ở phường Tân Dân, Việt Trì, Phú Thọ
6	Ông: Nguyễn Văn Tứ	81	P. trưởng ban QL đền Tiên
7	Bà: Nguyễn Thị Thân	60	Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ
8	Ông: Nguyễn Văn Tạo	75	Phố Đoàn Kết, phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ
9	Ông: Nguyễn Văn Mạch	80	Phố Đoàn Kết, phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ
10	Bà Nguyễn Thị Thương	68	Phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ
11	Ông: Nguyễn Văn Kính	70	Phố Thi Đua, phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ
12	Ông: Lê Công Luận	39	Cán bộ Sở VH TT&DL Phú Thọ
13	Bà: Nguyễn Thị Huyền	35	Cán bộ Sở VH TT&DL Phú Thọ
14	Bà: Lê Thị Thoa	52	Trưởng phòng QL Di sản, Sở VH TT&DL Phú Thọ
15	Bà: Ngô Thị Thanh Thúy	36	P. Chủ tịch phường Tiên Cát
16	Ông: Nguyễn Xuân Đài	70	Phố Minh Hà, phường Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ

PHỤ LỤC 2
CÁC SẮC PHONG (BẢN DỊCH NGHĨA)

1. THẦN SẮC

Sắc cho xã Tiên Cát, huyện Phù Ninh, tỉnh Sơn Tây vốn thờ thần hiệu chưa được dự phong.

Nay Trẫm kể nối nghiệp lớn, nhớ tới công lao của Thần

Đặc biệt ban cho Thần Thành hoàng một đạo sắc văn tặng là thần Bản cảnh thành hoàng Linh Phù.

Cho phép xã nay thờ phụng.

Thần hãy giúp đỡ che chở cho dân của Trẫm.

Nay ban sắc!

Ngày mồng 7 tháng 3 nhuận niên hiệu Tự Đức 7 (1854)

2. THẦN SẮC

Sắc ban cho Thần: Đệ nhất Cự Linh Thủy thần; Đệ nhị Át Linh thủy thần; Đệ tam Linh Lang Thông Thủy thần.

Thần giữ nước giúp dân tỏ rõ Linh ứng.

Nay Trẫm kể nối nghiệp lớn, nhớ tới công lao của Thần, xứng đáng tặng Thần danh hiệu “Hoàng Hạp Chi Thần”

Cho phép xã Tiên Cát huyện Phù Ninh tỉnh Sơn Tây thờ phụng như cũ.

Thần hãy giúp đỡ che chở cho dân của Trẫm.

Nay ban sắc!

Ngày mồng 6 tháng 4 nhuận niên hiệu Tự Đức 11 (1858).

3. THẦN SẮC

Sắc ban cho xã Tiên Cát, huyện Phù Ninh, tỉnh Sơn Tây, từ trước đến nay thờ phụng vị Thần:

Thục Diệu đệ nhất Ngọc Tinh phu nhân

Thục Diệu đệ nhị Thủy Tinh phu nhân

Thục Diệu đệ tam Bạch Hoa phu nhân

Trải các tiết đã ban Sắc phong cho phép thờ phụng.

Năm Tự Đức 31 (1878) nhân dịp mừng thọ Trẫm 50 tuổi, là ngày vui lớn của đất nước. Đã ban chiếu báu, tỏ rõ ân sâu. Theo lễ long trọng tặng thêm phẩm trật.

Đặc biệt cho phép phụng thờ như cũ để ghi nhớ ngày vui của đất nước và kéo dài điển lễ thờ cúng.

Nay ban sắc.

Ngày 24 tháng 11 niên hiệu Tự Đức 33 (1880)

4. THẦN SẮC

Sắc ban cho xã Tiên Cát, huyện Phù Ninh, tỉnh Sơn Tây, từ trước đến nay thờ phụng vị Thần:

Bản cảnh thành hoàng Linh Phù Hoằng hợp đệ nhất Cự Linh Thủy thần chi thân; Hoằng hợp đệ nhị Át Linh Thủy thần chi thân; Hoằng hợp đệ tam Linh Lang Thông Thủy chi thân

Từ trước đến nay giữ nước giúp dân tỏ rõ Linh ứng

Trải các tiết đã ban Sắc phong cho phép thờ phụng.

Năm Tự Đức 31 (1878) nhân dịp mừng thọ Trẫm 50 tuổi, là ngày vui lớn của đất nước. Đã ban chiếu báu, tỏ rõ ân sâu. Theo lễ long trọng tặng thêm phẩm trật.

Đặc biệt cho phép phụng thờ như cũ để ghi nhớ ngày vui của đất nước và kéo dài diễn lễ thờ cúng.

Nay ban sắc.

Ngày 24 tháng 11 niên hiệu Tự Đức 33 (1880)

5. THẦN SẮC

Sắc phong cho: Thần Bản cảnh thành hoàng Linh Phù Hoảng hợp đệ nhất Cự Linh Thủy thần chi thần; Hoảng hợp đệ nhị Át Linh Thủy thần chi thần; Hoảng hợp đệ tam Linh Lang Thông Thủy chi thần.

Từ trước đến nay giữ nước giúp dân tỏ rõ Linh ứng
Trải các tiết đã ban tặng Sắc, cho phép thờ cúng. Nay Trẫm kế nối nghiệp lớn, nhớ tới công lao của Thần, xứng đáng tặng Thần danh hiệu Dục Bảo Trung Hưng chi thần

Cho phép xã Tiên Cát huyện Phù Ninh tỉnh Sơn Tây thờ phụng như cũ.

Thần hãy giúp đỡ che chở cho dân của Trẫm.

Nay ban sắc!

Ngày mồng 1 tháng 7 niên hiệu Đồng Khánh 2 (1887).

PHỤ LỤC 3

THẦN TÍCH – THẦN SẮC

Làng Tiên Cát, tổng Minh Nông, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ

1. Tên làng

Tên chữ Tiên Cát (Tên Nôm làng Tiên) thuộc về tổng Minh Nông, Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ

2. Thần thành hoàng.

a. Kiệu ngài là Nhất phong đệ nhất Ngọc Tinh nàng cả linh ứng đại vương, nhất phong đệ nhị Thủy Tinh nàng hai uy linh đại vương, Nhất phong đệ tam Bạch Anh nàng ba hiển linh đại vương; Nhất phong đệ nhất Cự Linh chàng cả Long Vương hùng tài đại vương, Nhất phong đệ nhị Át Linh chàng hai Long Vương yêu dân đại vương, Nhất phong đệ tam Thông Thủy chàng ba Long Vương tế thế đại vương.

b. Ngài là nhân thần

c. Sự tích Ngài hiển linh dẹp giặc chống nhà Lê, đời vua Lê Trang Tông về việc ..., ngày sinh ngài là mồng 5 tháng 5, ngày hóa là ngày mùng 10 tháng 10 (tức ngày húy Thánh). Công trạng Ngài đánh giặc nhà Hồ, nhà Mạc giúp nhà Lê

d. Sự tích có sách và sắc phong rằng: Sắc Sơn Tây tỉnh Phù Ninh huyện Tiên Cát xã nguyên tự khẩu hiệu....

Năm vua Tự Đức thứ 33 tháng 11 ngày 24 lại có sắc phong rằng (y cựu phụng sự) Năm vua Đồng Khánh thứ 2 tháng 7 ngày mồng một có sắc phong rằng (gia tặng Dục bảo chung hưng chi thần). Năm vua Duy Tân thứ ba tháng tám ngày 11 có sắc phong rằng: “y cựu phụng sự”.

e. Đồng thời với các ngày có các vị kê trên

f. Khi ngài còn sống làng không thờ, mà cũng không thấy làng nào thờ cả.

g. Từ khi có làng không thờ ai, chỉ thờ ngài

h. Thờ ngài bằng ngai gỗ, thiếp vàng, mũ đồng câu, áo giáp da vàng, hài bằng vải kiêu sơn son thiếp bạc và các đồ bát biểu đều bằng gỗ sơn son thiếp bạc cả.

3. Thờ ngài ở những nơi nào?

Thờ ngài ở miếu đến ngày tiệc rước về đình làm lễ xong rước về miếu

a. Nơi ấy ở đôi mé trên sông Thao

b. Nơi ấy hể hồng đầu thì chữa đầy

c. Nơi ấy cấm không ai được làm nhà để mà cấm súc vật không được thả.

4. Trong hàng năm tế lễ ngài những ngày nào?

a. Ngoài có những thửa ruộng để ông từ cấy. Ngày tế lễ theo thân thể ngài vào ngày mùng 5 tháng 5, là ngày sinh thân, ngày mùng 10 tháng 10

b. Ngày tế lễ theo thời tiết thượng nguyên ngày mùng 3 tháng giêng, lễ hạ - điền ngày mùng 1 tháng sáu, thượng điền ngày mùng 1 - tháng 8. Lễ thường tân ngày rằm tháng tám. Trung nguyên 2 tháng Tư, Hạ nguyên 2 tháng chạp.

c. Ngày tế lễ theo dân dự kỳ phúc ngày 1 tháng tư

5. Đồ lễ?

a. Đồ lễ theo ngày lễ thân thể ngài dùng lợn đen tuyền nuôi một năm thì mổ và hoa quả, xôi từ ngày cải lương đồ lễ không thay đổi gì.

b. Những đồ lễ ấy lần lượt từng giáp phải sửa ra trong giáp lại cắt lượt từng người phải sửa, mà tiền không phải chi.

c. Khi tế lễ xong thì đồ lễ ấy giáp nào sửa phân về giáp ấy chia cho hương âm đến ăn.

6. Trong làng thì bao nhiêu người được dự vào tế lễ?

Trong làng thì một số người được dự vào tế lễ từ ngôi hương dịch đến những người lý quyền, xã cựu và những người đương thử làm việc

7. Trước ngày lễ và trong khi hành lễ những người được dự tế có phải kiêng kỵ gì không?

Trước ngày lễ thì phải tắm gội sạch sẽ, chỉ trừ những người tang cổ thôi, còn đều được dự cả.

8. Lúc tế lễ thì mỗi người dự tế phải dùng quần áo và đồ đạc gì?

Lúc tế lễ thì chỉ dùng bằng áo thụng thâm và hia vải chứ không có thứ gì đặc biệt nữa.

9. Húy hèm

a. Thờ thành hoàng chỉ phải kiêng những điều chạm húy thôi

b. Trong việc làm ăn không phải kiêng kỵ gì

c. Không có tế lễ riêng gì về hèm ông thần cả.

d. Lúc đọc lúc nói chỉ phải kiêng tên húy thôi.

e. Nếu ai phạm lỗi thì ...quở mắng và kiêu báo cho biết chứ không bắt vạ gì cả, mà người ấy vẫn được hưởng những quyền lợi trong làng

10. Thay đổi về cúng tế

a. Mấy năm gần đây cúng tế không thay đổi gì

b. Đồ cúng ngày trước và ngày nay vẫn chia về các giáp phân phát cho nhân đình, chứ không thay đổi

c. Chỗ thờ cúng không thay đổi gì cả, chỉ hỏng đâu chữa đấy thôi

d. Sự trai giới vẫn như trước

e. Chỗ người dự tế vẫn như trước không thay đổi gì

f. Sự kiêng kỵ hèm thần vẫn như trước không thay đổi gì

Nay thừa khai

Người nghiên cứu chép Lê Hữu Quế

Chánh tổng, tổng Minh Nông, huyện

Hạc Trì.

Chánh hội

Lý trưởng

Chương bạ

PHỤ LỤC 4.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TIÊN CÁT, TỔNG MINH NÔNG,

HUYỆN HẠC TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ, Năm 1942

(Thừa sao Hương ước năm 1932)

Mousieur le Quan huyen à Hac Tri

(Trích: MỤC LỤC – LỆ)

Chúng tôi là Ký, Lý Hương, hội xã Tiên Cát, tổng Minh Nông, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ. Nay lạy trình quan lớn làm cho chúng tôi một việc như sau này.

Duyên thừa lĩnh đường sức cho xã chúng tôi phải làm 4 bản hương ước, thừa chiêu dân xã chúng tôi luôn nỗ lực biên chép điều lương lục làm xong rồi đệ trình quan lớn chuyển bẩm duyệt y phó cho dân chúng tôi được tuân hành.

Mục khoán ước

Mục lục – lệ

Điều thứ nhất. – Tiệc lệ ngày mồng ba tháng giêng là lễ cầu đình cầu thọ, cứ cắt lượt bốn giáp mỗi giáp một năm mua một con lợn đực đen tuyền giá 5,00, tiền đầy lấy công quỹ bốn đồng còn thiếu thì giáp ấy bỏ, suất hương ẩm, lễ song giáp ăn uống

Điều thứ hai. – Ngày xuân thu lễ tháng hai hoặc tháng tám, sửa lễ tế thánh mua một con lợn ước 10,00, tiền ấy của công Tư – văn – tế song đều ăn uống.

Điều thứ ba. – Ngày tiệc mồng năm tháng năm là ngày sinh thần, năm phong cả giáp mua con lợn giá năm đồng bạc, năm riệu sửa lễ gà xôi, tiền ấy bỏ suất hương ẩm lễ song rồi giáp ấy ăn uống.

Điều thứ tư. – Lễ tiệc phường sâu đã có công điền cắt lượt các giáp, mỗi năm một giáp làm ruộng công sửa lễ ấy, xong rồi giáp ấy ăn uống.

Điều thứ năm. – Ngày tiệc tháng mười là ngày hóa thân ngày mồng chín nhập tịch, năm phong mỗi giáp mổ một con lợn giá năm đồng bạc, năm kiệu sửa lễ gà xôi kiệu ấy bỏ về và thôn đến ngày mồng 10 – ngày 11 đã cắt lượt các giáp, mỗi giáp một ngày mổ một con lợn đực đen tuyền không phải mua, lễ xong giáp nào về giáp ấy ăn uống. Còn lệ hát đêm hôm mồng 10 thì dân trích 2,00 giao cho chức dịch sửa kiệu còn các tiệc khương hạ điền người chủ trì cứ lần lượt mà gọi lễ gà xôi các giáp.

Điều thứ sáu. – Việc cắt tế tháng mười đến ngày 30 tháng chín Hương – hội cho dân hội đại công sở, để bàn định việc tiệc và chọn một người có danh vọng chức sắc khoa – mục đủ có con trai con gái, thì dân cử làm lễ chủ và 3 người thông hiểu chữ nghĩa hành văn đọc chúc, chuyên chúc còn chân hành lễ và phú giá chấp kích phân bổ về các giáp cứ lấy người, đến chiều hôm mồng tám tháng mười để kê danh sách ai làm việc gì phải làm cho cẩn thận nếu ai thất lễ hỏng đồ khí tế thì dân bắt đền người ấy, còn khi dọn đồ khí – lễ bên đông đem ra, bên đông đem về các chân hành lễ trong ba ngày tiệc song, khí dân chiếu thứ vị dẫu cau, thiên nhân tước thủ lý và hành lễ.

Điều thứ bảy. – Lễ dục phạt mỗi năm một lần đến ngày mồng tám tháng tư là ngày dục phạt, tự chùa phải liệu chè oản, chuối, hai lễ gà xôi, chiếu theo tháng lễ mà chỉnh liệu, đến chiều mồng bảy phải mời kỳ lý th vải và thủ phiên lên soát lễ để đến đêm làm lễ dục phạt, hai ngọn chùa ấy song rồi, chiếu theo trong biêng quân phân, lễ ấy đã có tự điền.

Điều thứ tám. – Nói về việc bên giáo cứ mỗi năm đến tháng chín, tháng 10, tháng 11. Lượng tùy ngày nào làm lễ kính thánh, và lễ kính quan thầy, mổ một con lợn cắt lượt người nuôi, giá 5đ00, còn rượu gạo đã có công giáp liền đèn nhang lấy quỹ một đồng bạc.

Điều thứ chín. – Việc võng lão ai đến 60 tuổi đến ngày mùng 3 tháng riêng, biện một đồng bạc, một buồng cau và 50 miếng cau đem ra đèn làm lễ yết thần cau ấy biể thiên nhân tước, còn tiền sung quỹ, còn tuổi tám chín mười và 100 tuổi trở lên phải trình biện một lễ gà xôi, dầu cau rượu đem ra đèn làm lễ xong rồi giao về giáp ấy.

Điều thứ mười. – Ai ra làm Lý trưởng phó – lý xã – đoàn thư – ký trưởng bạ và trưởng tuần khi công cử hoặc tu đơn nguyên chức ai ra làm những chức ấy vẫn sửa rượu cho ...tuổi trở lên đều ăn uống. Nay dân hoãn cái việc ăn uống ấy lấy tiền như sau này: Lý trưởng 25,00, phó – lý 20,00; thư ký trưởng bạ mỗi người 15,00 xã đoàn

.....

..đều ăn uống, không được mời ai ăn uống nữa, song rồi đến ngày tam nhật không được mở lợn mời ai ăn uống nữa, còn hiếu chủ nhà nghèo nhờ đến xóm hộ lễ bà hộ táng công việc đánh đường, khai huyết, đã có xóm ấy, không phải nhờ đến người xóm khác. Công việc xong rồi thì xóm ấy cùngđều ăn uống, ai không tế lễ được chỉ nhờ xóm. Hộ táng thì xóm ấy phải làm cho chu tất, xong rồi chỉ ăn dầu nước mà thôi. Còn người hiếu chủ chỉ nộp tiền cho xóm, hạng nhất sáu đồng bạc, hạng nhì bốn đồng bạc, hạng tam hai đồng, hạng tư một đồng nộp cho ... một đồng cúng quá thì thôi.

Điều thứ mười bốn. – Tiền hứa phí cho lý trưởng, tiền ngoại sưu thuế, mỗi đồng bạc một su, giáp biểu một su để thu thuế đồng riêng, cấp hứa cho lý trưởng tiền bút chỉ hai đồng; thư ký một đồng, chánh hương hội một đồng, thủ quỹ một đồng, đơn niên hứa thủ từ hai đồng bạc, sóc vọng.

Điều thứ mười lăm. – Hứa phí cho kỳ - lý đi việc quan, hoặc lý trưởng đi tỉnh lính về huyện, mỗi ngày ngân hai hào, hoặc đi tỉnh mỗi người sáu hào. Kỳ - lý mà đi việc quan cũng vậy. người lính dân cho cũng như thế, nếu người nào ... thì dân không cho tiền ấy, người đi phu mỗi người về huyện một hào.

Điều thứ mười sau. – Việc cấp lương hương sự đã có hơn hai mẫu thổ và một mẫu điền đồng nên giá bán lấy tiền sung quỹ để cấp lương, còn thiếu thì chủ lính lập biên bản lấy tiền quỹ công điền.

Điều thứ mười bảy. – Việc quân cấp công điền có hơn mười một mẫu công điền. Cứ 3 năm một kỳ hương hội lập biên bản quân cấp về nhân đinh các xóm để đầu chung đồng niên, lấy tiền sung quỹ để chi liệu các việc, ai làm ai ... thì phải đóng thuế cho dân tiền ấy san bổ nhân đinh ... phân thu.

Điều thứ mười tám. - Việc chia bãi châu thổ mỗi năm một lần, về tháng bảy thì Lý phó trưởng phải cho hau ban hội đồng hội tại công sở lập biên bản giao xã – đoàn trưởng – tuần và các thủ phiên các xóm. Phải chiếu tính cân nhắc mà quân phân cho nhân đinh các xóm. Từ 18 tuổi trở lên, quân phân xong rồi thì xã - đoàn làm phiếu thủ tuần các xóm rút phiếu, xóm nào rút được phiếu ở đoạn nào thì nhân đinh ở xóm ấy lấy đoạn ấy, không được nói lại, còn tiền thuế ấy ai có phần thì phải đóng, khi chia bãi thì phiên tuần phải lấy chưỡng bạ ra căn giới cõn cho mà chia.

Điều thứ mười chín. – Việc làm hương ước này các điều ở trên đã làm xong rồi trong hương ước đã nói nếu ai mà phá bậy không tuân để công pháp trị - khi làm xong rồi cho mở giao từ 18 tuổi trở lên đều hội họp tại công sở đều nghe cả để về sau đều thi – hành, và cùng ký kết để trình quan.

Duyệt y phê phó, lĩnh hội giao cho Lý trưởng phụng thủ

Nay lập hương ước

Hội đồng kỳ mục và Hội đồng tộc biểu ký

Thư ký kỳ mục Nguyễn Văn Thìn

PHỤ LỤC 5
MỘT SỐ ẢNH TƯ LIỆU VỀ ĐỀN TIÊN



Ảnh 1: Toàn cảnh đền Tiên



Ảnh 2: Bằng công nhận Di tích lịch sử văn hóa đền Tiên



TÓM TẮT LỊCH SỬ ĐỀN TIÊN

Đền Tiên thờ Ngọc Nương Thần Long Hồng Đăng Ngàn, Hoàng Hậu của Thủy Tổ Nam Bang Kinh Dương Vương, Mẹ của Vua Lạc Long Quân và là bà nội của các Vua Hùng.

Người là Thủy Tổ Quốc Mẫu của dân tộc Việt Nam. Cung Tiên Cát được Vua Kinh Dương Vương cho xây dựng để tặng Hoàng Hậu Thần Long. Khi Người mất, Vua Lạc Long Quân cho chuyển thành Đền Tiên, sai ba Hoàng Tử trong bọc trăm trứng là Cự Linh Lang, Ất Linh Lang và Linh Thông Thủy trông coi đền thờ bà nội cùng hai người em kết nghĩa là Thủy Tinh và Bạch Hoa công chúa.

Xưa ngày giỗ của người được coi là quốc lễ. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử đến năm 1949 ngôi đền bị chiến tranh tàn phá. Nơi đó sau này dựng lên nhà máy bê tông. Năm 2000 được phép của UBND tỉnh Phú Thọ, nhân dân Tiên Cát và nhân dân cả nước nô nức đóng góp công, của để xây dựng đền với quy mô như hiện nay có đủ Lầu Chuông, Lầu Trống, Tả Hữu Mạc.

Ngày 21/7/2003 Đền Tiên được cấp bằng di tích lịch sử văn hóa.

Ngày sinh: 05/5/Âm lịch

Ngày giỗ: 10/10/Âm lịch

"Theo lịch sử di tích Đền Tiên"

Ảnh 3



Ảnh 4: Tượng thờ



Ảnh 5: Bàn thờ chính



Ảnh 6: Sắc phong năm Tự Đức 7 (1854)



Ảnh 7: Sắc phong năm Tự Đức 11 (1858)



Ảnh 8: Sắc phong năm Tự Đức 33 (1880)



Ảnh 9: Sắc phong năm Tự Đức 33 (1880)



Ảnh 10: Sắc phong năm Đồng Khánh 2 (1887)



Ảnh 11: Cổng đền ngày lễ hội (mùng 10/10/2015 â.l)



Ảnh 12: Múa cờ trong ngày lễ hội (mùng 10/10/2015 â.l)



Ảnh 13: Biểu diễn hát Xoan trong ngày lễ hội



Ảnh 14,15: Lễ thường niên mừng 1, ngày rằm



Ảnh 16: Tế nữ trong ngày lễ hội



Ảnh 17: Đội tế nam chụp ảnh lưu niệm cùng BQL đền Tiên